

John Algeo

MINH TRIẾT THIÊN LƯƠNG

(Bài Học Khởi Đầu)

THEOSOPHY

(An introductory study course)

Tô Hiệp và nhóm dịch thuật Krotona

Trung Tâm Nghiên Cứu Minh Triết Thiên Lương Houston phát hành

2012

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU

1. Minh Triết Thiên Liêng Là Gì? - *What Is Theosophy?*
2. Minh Triết Cổ Truyền trong Thế Giới Hiện Đại - *The Ancient Wisdom in the Modern World*
3. Tình Huynh Đệ Đại Đồng - *Universal Brotherhood*
4. Con Người và Các Thể - *Human Beings and Our Bodies*
5. Sự Sống Sau Khi Chết - *Life after Death*
6. Luân Hồi - *Reincarnation*
7. Nhân Quả - *Karma*
8. Năng Lực của Tư Tưởng – *The Power of Thought*
9. Vấn Đề của Sự Xấu Ác – *The Question of Evil*
10. Chương Trình và Mục Đích của Sự Sống – *The Plan and Purpose of Life*
11. Sự Trỗi Dậy và Sụp Đổ của Những Nền Văn Minh – *The Rise and Fall of Civilizations*
12. Minh Triết Cổ Truyền trong Đời Sống Hàng Ngày – *The Ancient Wisdom in Daily Life*

LỜI GIỚI THIỆU

CHÚNG TA SỐNG TRONG MỘT THỜI KỲ THỊNH VƯỢNG và tiện nghi vật chất. Chúng ta lái những chiếc xe to lớn sang trọng, nói chuyện không ngừng bằng điện thoại di động, giải trí bằng phim ảnh, ăn ở nhà hàng nhiều hơn ở nhà, và mong có được mọi thú vui của đời sống như đặc quyền tự nhiên của chúng ta. Thế mà nhiều người trong chúng ta vẫn cảm thấy bất mãn và tinh thần trống rỗng. Có điều gì sai trái?

Phải chăng đời sống của chúng ta còn thiếu thốn một điều gì? Nếu thế, có phải chúng ta cần nhiều hơn những gì mà chúng ta đã có quá nhiều? Hay chúng ta cần một điều gì đó hoàn toàn khác? Ta có cần thay đổi cách nhìn đối với thế giới chung quanh và chính ta? Ta có cần đạt đến một mục đích mà không cần liên hệ gì đến máy móc và tiện nghi? Ta có cần biết điều gì thật sự quan trọng trong đời sống, tự tin sự hiểu biết như thế có sẵn cho ta, và ta có tài khéo léo để áp dụng sự hiểu biết đó vào thực hành chăng?

Chúng ta đã thành công rất lớn trong việc sử dụng những định luật vật chất. Với máy thu thanh, truyền hình, radar, vi tính, internet, mạng lưới nối khắp thế giới, và những dụng cụ điện tử khác, chúng ta đã chinh phục không gian và thời gian. Trong ngành du lịch, cả sự du hành ngoài không gian, chúng ta đã đạt mức độ thành công và tốc độ chưa từng thấy. Hàng tá những dụng cụ phức tạp và tế nhị được đưa vào quỹ đạo quanh trái đất, từ đó gửi cho ta các loại thông tin về những tình trạng và biến cố, mà nếu không có những dụng cụ này, ta hoàn toàn không thể biết được, chúng cũng đưa ngay tức khắc những tin tức từ bán cầu này sang bán cầu kia.

Ta chân thành biết ơn những thành đạt ấy, chúng cho thấy rõ sự thông minh của nhân loại, kiên trì thăm dò những điều bí mật của vũ trụ bao la, phong phú và phức tạp, và sử dụng một cách hữu ích những năng lực dồi dào trong thiên nhiên. Để thành đạt được như thế, cần phải có những tiêu chuẩn rõ ràng, chính xác, và những cảm xúc cá nhân không thích hợp đối với tiên bộ kỹ thuật.

Nhưng khi ta xét về sự sống, vấn đề trở nên khác hẳn. Trong sự liên hệ giữa chúng ta và những người khác, về vấn đề sức khỏe, làm việc và giải trí, chúng ta không

áp dụng cùng sự thông minh và thực tế. Tại sao? Có lẽ vì chính bản chất của sự sống, mà chúng ta không thể áp dụng sự chính xác như khi chúng ta đo lường vật chất. Có lẽ vì tiến trình của sự sống hoàn toàn khác với khoa học và kỹ thuật, vì nó cần có một quan điểm khác, một cách thức khác để tiếp cận với thế giới. Mặc dù đã tiến bộ trong khoa học và kỹ thuật, chúng ta vẫn chưa thăm dò vào những phương diện quan trọng nhất của sự sống - sự bí nhiệm của sinh và tử, của vui thú và đau khổ, của tự do và định mệnh - với cùng một cường độ như chúng ta đã dùng để khám phá vũ trụ vật chất.

Ngày nay, thế giới đang thay đổi quá nhanh làm cho con người cảm thấy bối rối, không những chỉ trong kỹ thuật, mà còn trong cách nhìn vào nó. Những giả thuyết khoa học và những khám phá mới mẻ cho thấy sự thông minh của loài người. Những triết lý mới đang cố gắng tuân theo lý trí con người. Những ý tưởng lạ lùng đáng ngạc nhiên đang xâm nhập vào tôn giáo, ngành tâm lý học đang nghiên cứu và khám phá những tiềm năng to lớn và rắc rối trong tâm thức con người. Chúng ta đang sống trong một thời kỳ chuyển hướng mô hình – đánh dấu sự chấm dứt của trạng thái thăng bằng bền vững bình thường của chúng ta (Algeo, “Chúng Kiến Sự Khởi Đầu”).

Bị ép ra khỏi những những khu vực khép kín của niềm tin truyền thống, và vào con lốc của sự thay đổi không thể tránh được, chúng ta có thể cảm thấy lạc lõng và bối rối. Những lời dạy mà trước kia chúng ta noi theo không hề thất lạc, sẽ không còn giúp đỡ chúng ta. Chúng ta cũng không thể tìm ra nền tảng vững chắc cho những thành đạt trong vũ trụ vật chất. Chúng ta tìm kiếm ý nghĩa và định hướng của cuộc sống, để hiểu biết thâm sâu hơn bản chất của chúng ta, để thông suốt những bí mật căn bản, lớn lao của chính sự sống. Chúng ta cảm nhận bằng trực giác rằng, phải có một nền tảng chân thật và trường cửu trong lòng vạn vật, một cái gì tồn tại xuyên qua mọi thay đổi và phát triển, một điều gì mà từ đó những thay đổi chỉ là sự biểu lộ bên ngoài.

Chúng tôi đưa ra loạt bài học về Minh Triết Thiêng Liêng này với hy vọng giúp học viên tìm ra ý nghĩa từ những hỗn loạn của cuộc sống. Đây là ấn bản mới của một loạt bài học được soạn thảo từ hai chục năm trước bởi Emogene S. Simons, được hiệu đính lại thành ấn bản lần thứ hai bởi Virginia Hanson. Mục đích của ấn bản hiện tại là giữ lại những đặc điểm thiết yếu của những bài học, đã được dùng và đem lại lợi ích cũng như thích thú cho vài thế hệ học viên, đồng thời sự trình

bày được cập nhật hóa cho thích hợp với khiếu nhận thức và sự hiểu biết của thế hệ hiện hiện tại.

Người viết hiện tại đồng ý với những bậc tiền nhân rằng Minh Triết Thiêng Liêng có nguồn gốc từ những nguyên lý không thể vi phạm, cho nên tinh túy nó không tùy thuộc vào thời gian. Trong khi những nguyên lý này chính nó cố định, nhưng hình thể trong đó những nguyên lý biểu lộ nối kết chặt chẽ với những thay đổi về sự thông hiểu và cảm xúc của con người, vì thế cần phải diễn tả theo từ ngữ đương thời cho từng thế hệ. Xuyên qua nhiều thời đại, những nguyên lý này được lặp đi lặp lại theo cách thức thích hợp với nhu cầu và sự hiểu biết trong thời gian ấy. Cho nên, ở thời đại hiện tại, những năm đầu của thiên niên kỷ mới, những nguyên lý này cần được lặp lại.

Bà H. P. Blavatsky, một trong những vị sáng lập Hội Thông Thiên Học, viết: “Minh Triết Thiêng Liêng là đại dương không bờ bến của chân lý, tình thương và minh triết đại đồng phản chiếu ánh huy hoàng của nó lên quả đất.... Hội Thông Thiên Học được thành lập để trình bày cho nhân loại sự hiện hữu của chân lý đó.” Để cho rõ hơn, “đại dương không bờ bến” này không phải sở hữu riêng của Hội Thông Thiên Học; nó hiện tồn khắp mọi nơi, và luôn luôn sẵn sàng cho một tâm trí truy tìm một cách không sợ hãi. Tuy nhiên, một vài khái niệm chính thuộc chân lý đại đồng này được diễn đạt rõ ràng trong các sách Thông Thiên Học nhiều hơn những nơi khác; toàn bộ những khái niệm này được trình bày mạch lạc hơn, và thích hợp đặc biệt cho thời đại chúng ta. Trong những bài học này, chúng tôi không đưa ra một giáo điều độc đoán nào về chân lý cuối cùng.

Nơi đây, chúng tôi chỉ trình bày những điều căn bản. Học giả cũng nên để ý rằng những giải thích mà chúng tôi đưa ra chỉ là những giả thuyết để nghiên cứu, không phải là những phát biểu tối hậu đối với bất cứ vấn đề gì. Vì những ý kiến có tính cách siêu hình (hay vượt ngoài vật chất), không phải những sự vật có thể chứng thực trong phòng thí nghiệm, cho nên không cần chấp nhận như một sự kiện không thể bác bỏ. Tuy nhiên, nếu chúng có vẻ đúng thật và có thể kiểm chứng bằng kinh nghiệm riêng của các bạn, chúng sẽ soi sáng nhiều vấn đề không thể giải thích được. Theo đường lối đó, chúng có thể chứng tỏ là những viên đá định hướng cho sự tiến bộ xa hơn trên con đường của sự sống. Ta cần ghi nhớ những lời của Kahlil Gibran trong luận đề “Tự Tri”, vì nó thích hợp trong việc theo đuổi sự nghiên cứu này:

Không nói, “Tôi đã tìm thấy chân lý,”

Mà hãy nói, “Tôi đã tìm thấy một sự thật.”

Không nói, “Tôi đã tìm thấy con đường của linh hồn,”

Mà hãy nói, “Tôi đã gặp linh hồn đang đi trên con đường.”

H. P. Blavatsky từng nói rằng sự học hỏi những nguyên lý vĩ đại, tổng quát của Minh Triết Thiên Linh đòi hỏi sự cố gắng đặc biệt, liên hệ đến việc “đục ra những đường rãnh mới trong não bộ.” Với tâm trí đã bị điều kiện hóa, chúng ta không dễ dàng bắt cái trí làm việc một cách nghiêm ngặt; nhưng một khi vượt qua được sự ngần ngại và ù lì đã quen, chúng ta có thể tìm thấy sự học hỏi này là một cuộc phiêu lưu thích thú trong đời sống chúng ta.

Xin cảm tạ những vị sau đây đã trợ giúp trong việc duyệt xét lại tác phẩm này: Adele Algeo, Cecil Messer, Shirley Nicholson, Ananya Rajan, và Donna Wimberley.

J. A.

CHƯƠNG 1

MINH TRIẾT THIÊNNG LIÊNG LÀ GÌ?

BẠN ĐÃ TỪNG THẮC MẮC về những câu hỏi “lớn” của cuộc sống?

Tôi thực sự là ai?

Tại sao thế giới như thế này?

Tôi đến từ đâu?

Tôi đang làm gì ở cõi trần?

Điều gì sẽ xảy ra tiếp theo?

Khi nào tôi tìm ra được tất cả những điều này?

Nếu bạn đã từng thắc mắc về những câu hỏi này, hay những câu hỏi không thể trả lời được tương tự như thế, xin chúc mừng bạn. Khả năng thắc mắc của bạn chứng tỏ bạn là con người. Là con người, ta muốn tìm hiểu về chính ta và thế giới chung quanh. Tính tò mò này đặc biệt xuất hiện ở trẻ con, chúng luôn luôn hỏi “điều gì?” và “tại sao?” Khi lớn lên, ta có thể học cách sống với sự không hiểu biết của chúng ta, mà không còn đặt ra những câu hỏi như thế nữa, ít nhất là không còn thắc mắc một cách quá mức. Nhưng, là con người, chúng ta có tính đam mê hiểu biết ý nghĩa của mọi vật, và sự đam mê ấy không thể bị ức chế hoàn toàn.

Sự đam mê của con người trong việc hiểu biết chính mình và thế giới chung quanh, làm cho ta tiếp tục tìm kiếm để tự khám phá chính mình. Để tự nhận dạng mình, loài người có những tên khác nhau. Theo từ ngữ kỹ thuật sinh vật học, chúng ta là “người khôn ngoan” (*Homo sapiens*). Nhưng có những tên khác dành cho loài người như: “người ham vui” (*Homo jocosus*), “người ba hoa” (*Homo loquax*), “người làm việc” (*Homo faber*). Chúng ta có thể được gọi một cách thích hợp nhất bằng danh từ *Homo quaeritans*, tức “người tìm hiểu” hay “người đang tìm kiếm”.

Trong việc theo đuổi sự truy tìm xuyên qua nhiều thời đại, con người đã tiếp cận hơn với câu trả lời những nghi vấn của chính họ. Ba trong số những phương thức tiếp cận quan trọng nhất là: khoa học, triết học, và tôn giáo. Mỗi phương thức bắt đầu từ những giả định riêng, rồi từ đó đưa ra những giải đáp theo cách thức riêng. Vì những sự khác biệt này, mà khoa học, triết học, và tôn giáo đôi khi có vẻ mâu thuẫn lẫn nhau. Nhưng vì tất cả đều đang cố gắng giải đáp những câu hỏi “lớn”, cho nên những câu trả lời đúng đắn, thật ra không thể trái nghịch nhau. Để tìm hiểu

nguyên nhân của những sự khác biệt, và làm thế nào để có thể tìm thấy chân lý chung trong những phương thức khác nhau ấy; sự cố gắng này đưa chúng ta đến với Minh Triết Thiêng Liêng và Hội Thông Thiên Học.

MINH TRIẾT THIÊNG LIÊNG VÀ HỘI THÔNG THIÊN HỌC

Có sự liên hệ rõ ràng giữa Minh Triết Thiêng Liêng và Hội Thông Thiên Học, nhưng chúng là hai thực thể khác nhau.

Minh Triết Thiêng Liêng là một phương pháp giải đáp cho những câu hỏi “lớn” của sự sống, bằng cách cố gắng hòa giải những phương thức khác nhau của khoa học, triết học và tôn giáo, mà không tự giới hạn vào bất cứ những giả định hay đường lối đặc biệt nào. Nó dựa vào những giả định và đường lối của riêng nó, trong khi nó chấp nhận tất cả những điều chân thật và có giá trị trong những phương thức khác.

Minh Triết Thiêng Liêng bao gồm những điều rất mới và những điều rất cũ. Mới, vì nó có thể được áp dụng để thỏa mãn sự ham hiểu biết về nguồn gốc của chúng ta, và ý nghĩa của mọi vật trong thế giới ngày nay ở chung quanh chúng ta. Nó làm thế, không phải với một danh sách câu trả lời đơn giản, thích hợp, mà nó đưa ra một cách thức mới để nhìn chính chúng ta và vũ trụ, cách thức này cung cấp nền tảng để phát triển những câu trả lời của chính chúng ta.

Minh Triết Thiêng Liêng là cũ, vì nó đưa ra những nguyên lý đã được biết và dạy bởi những bậc hiền triết quá khứ ở khắp nơi trên thế giới. Nó đã được gọi bằng nhiều danh từ khác nhau. Ở Ấn Độ, nó được gọi là *Brahmavidya* “Minh Triết của Thực Tại Tối Hậu” hay *Sanatana Dharma* “Giáo Huấn Vĩnh Cửu.” Trong Do Thái Giáo nó được gọi là *Kabbalah* “Cái Đã Được Chấp Nhận.” Ở Trung Hoa nó được gọi là *Tao Hsueh* “Giáo Huấn của Đường Đạo.” Trong Hồi Giáo nó được gọi là *Sufism* “Con Đường của Những Người Mặc Lông Cừu (chỉ “sự tinh khiết” và “khôn ngoan”). Trong Cơ Đốc Giáo nó được gọi là *Prisca Theogia* “Tư Tưởng Cổ Truyền về Những Vấn Đề Thiêng Liêng.” Nó còn được gọi là *Truyền Thống Minh Triết, Triết Lý Vĩnh Cửu, Giáo Lý Bí Truyền, và Minh Triết Cổ Truyền.*

Từ ngữ Minh Triết Thiêng Liêng (*Theosophy*) được rút ra từ hai chữ Hy Lạp, *theos* “thiêng liêng” và *sophia* “minh triết.” Tuy nhiên, Minh Triết Thiêng Liêng không phải một hệ thống tư tưởng được đưa ra do thần minh cai quản từ trên cao, mà là “Minh Triết Siêu Phàm” hiện diện phổ quát trong tinh thần con người như một tiềm năng, và sẽ dần dần được khai mở theo tiến trình tiến hóa. Chính “Minh Triết

Siêu Phàm” bên trong chúng ta, khuấy động sự ham muốn khám phá chúng ta là ai, và giải đáp cho những câu hỏi “lớn” khác.

Từ ngữ Minh Triết Thiêng Liêng (*Theosophy*) được dùng lần đầu tiên ở nước Anh năm 1650 để dạy một số nhà hiền triết xưa, và sau đó được áp dụng vào tư tưởng của Ammonius Saccas và Plotinus, người đã sáng lập trường Alexandrian của phái Neoplatonism ở Ai Cập vào đầu thế kỷ thứ ba sau Chúa giáng sinh. Đối với họ, Minh Triết Thiêng Liêng là kiến thức siêu phàm, giải thích những kinh nghiệm huyền bí mà các vị đạo đồ ở Hy Lạp có được. Sau đó, từ ngữ này được dùng bởi nhà bí học Tin Lành Jakob Bohme, thuộc những người Thụy Điển đầu tiên ở nước Anh, và cũng được sử dụng bởi những tác giả khác ở thế kỷ 17, 18 về các vấn đề tinh thần. Từ ngữ này cũng được áp dụng trong những trường phái tư tưởng như: Pythagoreanism, Gnosticism, Hermeticism, Alchemy, Advaita Vedanta, và Mahayana Buddhism, cũng như những triết gia như: Nicholas of Cusa (1401 - 1464), Paracelsus (ca. 1490 – 1541), và Giordano Bruno (1548 – 1600).

Hiện nay, sau khi Hội Thông Thiên Học được thành lập năm 1875, từ ngữ này đã được sử dụng một cách phổ biến. Hội TTH tuyên bố ba mục đích:

Tạo một trung tâm của tình huynh đệ đại đồng trong nhân loại, không phân biệt chủng tộc, tín ngưỡng, phái tính, giai cấp, hay màu da.

Khuyến khích việc học hỏi đối chiếu giữa tôn giáo, triết lý và khoa học.

Nghiên cứu những định luật thiên nhiên chưa giải thích được và những năng lực tiềm ẩn trong con người.

Để thực hiện những mục đích này, Hội TTH trình bày Minh Triết Cổ Truyền theo phát biểu đương thời, còn được gọi là Minh Triết Thiêng Liêng. Hội Thông Thiên Học (sẽ được đề cập nhiều chi tiết hơn ở chương 2), không đòi hỏi các hội viên (theo truyền thống còn được gọi là những Bạn Đồng Liêu), chấp nhận tất cả hay một phần nào giáo lý Minh Triết. Phương châm của Hội là “Không tôn giáo nào cao hơn Chân Lý.” Từ ngữ “tôn giáo” trong phương châm trên không những chỉ các giáo hội, mà còn chỉ bất cứ một hệ thống niềm tin hay tư tưởng nào – bao gồm cả những phát biểu về Minh Triết Thiêng Liêng của Hội.

Hầu hết những hội viên của Hội Thông Thiên Học đều đồng ý một cách tổng quát về những ý tưởng căn bản và lý tưởng của Minh Triết Thiêng Liêng, nhưng họ có quyền tự do từ chối bất cứ điều nào trong đó, và hiểu tất cả những điều trong giáo lý theo ánh sáng riêng của họ. Những ai muốn trở thành hội viên, chỉ cần đồng ý với những mục đích của nó. Như thế, Hội TTH trình bày một quan điểm của sự sống một cách toàn diện, mạch lạc, không bị ảnh hưởng bởi thời gian; một phương

cách diễn đạt Truyền Thống Minh Triết theo thời điểm hiện tại. Nó là nền tảng cho một sự sống thỏa mãn, hữu ích, từ đó giúp cho những người đi theo khám phá bản chất bên trong của chính mình và góp phần vào phúc lợi thế gian.

Mặc dù Minh Triết này đã được đưa ra qua nhiều thời đại, dưới nhiều tên khác nhau, và với những ngôn ngữ khác nhau, tinh túy của nó trên căn bản chỉ là một, tuy nhiên nhiều phương diện bên ngoài và cách thức trình bày có thể thay đổi. Nó đặc biệt trình bày thực tại của tình huynh đệ và điều cần thiết chủ yếu của sự thực hành tình huynh đệ ấy. Nó cũng soi sáng những vấn đề chưa giải thích được ở chung quanh ta, và giúp sự phát triển những năng lực tiềm tàng bên trong ta. Nó chính là sự điều hòa bên trong của tôn giáo, triết học và khoa học.

MINH TRIẾT THIÊNNG LIÊNG NHƯ TÔN GIÁO

Thượng đế gởi những bậc thầy xuống ở mỗi thời đại,
Tới mỗi vùng đất và mỗi giống dân,
Tiết lộ những điều thích hợp với trình độ của họ
Cái trí không đưa ra lĩnh vực của chân lý
Vào trong qui tắc ích kỷ của một giống dân duy nhất.

James Russell Lowell (1819 – 1891)

Thế giới bao gồm những vùng khác nhau, mỗi vùng dành cho dân chúng khác nhau và trong một thời gian khác nhau. Danh từ *tôn giáo* phát xuất từ chữ Latin, có nghĩa gốc là “nối kết trở lại.” Như thế, những tôn giáo khác nhau nối kết, theo những cách thức khác nhau, những tín đồ của chúng trở lại nguồn gốc tối hậu của sự sống, mà chúng ta có thể gọi nguồn gốc này với bất cứ tên gì như: Cái Tuyệt Đối, Thượng Đế, Thực Tại thiênng liêng, hay những danh từ tương tự.

Ta có thể gọi Minh Triết Thiênng Liêng là “Tôn Giáo Minh Triết,” vì nó cũng đưa ra cách thức cho sự nối kết đó. Nhưng Minh Triết Thiênng Liêng không phải là một tôn giáo. Nó không cho rằng nó đưa ra nền minh triết và chân lý đầy đủ, cuối cùng, và nó cũng không đưa ra một giải thích duy nhất mà Minh Triết Siêu Phàm bao gồm. Minh Triết Thiênng Liêng cho biết, tất cả vạn vật đang tiến hóa, bao gồm cái trí con người. Chúng ta đang ở vào giữa giai đoạn của một thế giới chưa phát triển xong, và chính chúng ta cũng chưa phát triển xong. Vì thế kiến thức gộp nhậ được

về bất cứ điều gì, ở bất cứ lúc nào cũng cần thiết và có thể thêm vào. Chúng ta chỉ ở vào giai đoạn giữa của sự phát triển, cho nên chúng ta vẫn còn nhiều điều phải tìm hiểu.

Minh Triết Thiêng Kiêng không ràng buộc một cá nhân vào bất cứ một niềm tin hay tín ngưỡng tôn giáo đặc biệt nào, nhưng nó công hiến cho sự tìm tòi sâu xa, không ngừng nghỉ của nhân loại, về ý nghĩa và sự toàn vẹn của sự sống theo một đường lối không giáo điều độc đoán. Các tôn giáo trên thế giới đưa ra những phương pháp cho sự tìm tòi này, vì thế cũng là đối tượng cho sự nghiên cứu Minh Triết Thiêng Liêng.

Minh Triết Thiêng Liêng tôn trọng Minh Triết căn bản siêu phàm, nằm bên trong giáo lý của mọi tôn giáo. Nó không tìm cách làm chuyển đổi tôn giáo của của bất cứ người nào, mà nó chỉ giải thích trên căn bản hợp lý, ý nghĩa bên trong của những tín ngưỡng và nghi lễ khác nhau. Bà Annie Besant, Hội Trưởng thứ nhì của Hội Thông Thiên Học quốc tế, có nói về quan điểm của hội một cách súc tích như sau: “Minh Triết Thiêng Liêng kêu gọi bạn sống (*live*) với tôn giáo của bạn, chứ không phải rời bỏ (*leave*) nó.”

MINH TRIẾT THIÊNG LIÊNG VÀ KHOA HỌC

Một phương diện khác của MTTL là tính chất khọc, đặc biệt thái độ của nó đối với sự quan sát và thí nghiệm, giả thuyết và khám phá. Dĩ nhiên, cũng có những khác biệt giữa khoa học và MTTL. Khoa học tự giới hạn vào những sự vật có thể xác định số lượng và thử nghiệm bằng cách lặp lại, kiểm soát, và thí nghiệm khách quan. Minh Triết Thiêng Liêng cũng đề cập đến kinh nghiệm trực tiếp, nhưng thường với tính chất chủ thể và phẩm lượng. Tuy nhiên, nhiều khái niệm phức tạp trong các sách MTTL có thể đi song song với kiến thức của khoa học hiện đại, theo những đường hướng rất rõ ràng.

Phương pháp khoa học dựa vào cách khám phá sự hoạt động của thế giới vật chất, và đặc tính chính của nó là tìm kiếm chân lý một cách khách quan. Nhưng ngày nay tất cả các khoa học gia sâu sắc có lẽ đồng ý với lời nói của một trong những vị hiền triết Á Đông: “Mỗi khám phá lớn của khoa học đều bắt đầu từ một trực giác tuyệt diệu.” Minh Triết Thiêng Liêng tiến vào vùng của những “trực giác tuyệt diệu” này, phần nhiều nó đề cập đến những nhân tố bên ngoài phạm vi của bằng chứng khách quan. Nhưng nếu chúng là chân lý, chúng có thể được xác nhận bởi tất cả những người nào muốn dùng đời sống như một phòng thí nghiệm.

Như thế, khoa học không chú ý đến những mục đích đạo đức, ngoại trừ những nhà khoa học có trách nhiệm. Mọi kiến thức của khoa học là năng lực, có thể được sử dụng vào mục đích tốt hoặc xấu; về một mặt, khoa học đã phát triển trong lãnh vực trị liệu các chứng bệnh, mặt khác nó cũng chế tạo những dụng cụ để tàn phá, như trong chiến tranh. Trong khi MTTL chỉ ra con đường mới để đạt sự hiểu biết bên trong, nó cũng dạy rằng những kiến thức ấy chỉ có thể thủ đắc an toàn bởi những người đã thanh lọc hành động, tình cảm, và tư tưởng, đặt phúc lợi nhân loại trên lợi ích cá nhân. Sự tự phát triển và tự kiểm soát phải đi đôi với sự phiêu lưu nghiên cứu để mở rộng kiến thức, nếu có cả hai, chúng ta và thế giới mới được an toàn.

MINH TRIẾT THIÊN LIÊNG VÀ TRIẾT HỌC

Về một phương diện khác, MTTL là triết học, vì nó mặc nhiên công nhận sự giải thích hợp lý về vũ trụ và những định luật của vũ trụ. Nó cũng giải thích nguồn gốc, sự tiến hóa và số phận con người. Trong thông điệp gửi cho đại hội tại Hoa Kỳ, bà Blavatsky viết: “Minh Triết Thiên Liêng là triết học của sự luận giải hợp lý mọi vật, và không phải là giáo lý.” Như thế, MTTL không phải một tổ chức về lòng tin, mà là một cách thức để giải thích sự vật – một triết học. MTTL đưa ra những lý do của sự sống, mà tôn giáo cũng như khoa học không đề cập đến. Nó xác định vũ trụ đồng nhất, có trật tự, và có mục đích; vật chất là dụng cụ để sự sống tiến hóa; tư tưởng là một năng lực sáng tạo, mà chúng ta có thể học sử dụng nó một cách hữu hiệu; những kinh nghiệm vui thú và đau khổ là phương tiện để chúng ta phát triển các đặc tính và khả năng, từ đó đạt được minh triết, tình thương, và năng lực.

Chúng ta nói MTTL bao gồm những phương diện thuộc tôn giáo, khoa học, và triết học, nhưng ba phương thức tiến đến chân lý này, khi theo đúng, không trái nghịch nhau, mà còn hòa hợp lẫn nhau. Chúng là ba cách thức đạt đến chân lý của vũ trụ, và có những điều mà vào một lúc nào đó là tôn giáo hay triết học, vào lúc khác sẽ là khoa học. Như John D. Barrow, một khoa học gia người Anh có viết trong “Những Giả Thuyết của Mọi Vật”:

Ngày nay, những nhà vật lý học chấp nhận quan điểm nguyên tử cho rằng những cơ thể vật chất được tạo ra từ các phân tử cơ bản giống nhau. Có những bằng chứng xác nhận quan điểm này, và được dạy trong các trường đại học trên thế giới. Tuy nhiên, lý thuyết của vật lý học này đã được nói đến trong triết học của Hy Lạp cổ xưa, cũng như trong thần bí học và tôn giáo, mà không được xác nhận bởi những bằng chứng được quan sát. Lúc khởi đầu, thuyết nguyên tử như một ý niệm triết lý, thất bại trong việc chứng minh, và không được coi như “khoa học”; nhưng

ngày nay đã trở thành nền tảng cho khoa học vật chất. Như thế, những ý tưởng đã bị nghi ngờ không có cơ sở vững chắc theo tiêu chuẩn hiện tại, trong tương lai có thể sẽ được chấp nhận như thực tại “khoa học”.

VÀI KHÁI NIỆM CĂN BẢN CỦA MINH TRIẾT THIÊN LƯƠNG

Minh Triết Thiên Lương - trên phương diện tôn giáo, khoa học và triết học của nó - đưa ra những khái niệm sau đây để chúng ta suy xét:

- Thực tại tuyệt đối tối hậu là một toàn thể duy nhất - tuyệt đối, khách quan, không thể hiểu thấu, và không thể diễn tả được.
- Vũ trụ mà trong đó chúng ta sống có nhiều tầng lớp, đa dạng, luôn luôn thay đổi, tương đối (tức mỗi thành phần chỉ có ý nghĩa và giá trị trong sự liên hệ đến những thành phần khác), và ảo ảnh, hay “*mayavic*” (tức sự thực tại của nó khác với vẻ bên ngoài của nó).
- Thực tại tuyệt đối là nguồn gốc của tất cả mọi tâm thức, vật chất, và năng lượng, đó chính là ba phương diện cần thiết và tương hợp lẫn nhau trong vũ trụ biểu lộ, và hiện diện trong mỗi sinh vật cũng như trong mỗi phân tử. Không có vật chất chết, mọi vật đều chứa đựng tâm thức.
- Vũ trụ và mọi vật trong đó, là sự phát xuất hay diễn đạt của thực tại tối hậu, không phải những sáng tạo từ “không” do một tạo hóa có cá tính.
- Vũ trụ thì vĩnh cửu, nhưng có vô số thế giới biểu lộ từng thời kỳ trong nó.
- Vũ trụ được thâm nhập bởi một trí thông tuệ chung, một trí vũ trụ, nó được diễn đạt một cách có ý thức theo những mức độ khác nhau bởi tất cả các sinh vật trong vũ trụ.
- Vũ trụ vật chất mà bình thường chúng ta nhận biết, chỉ là một phương diện của toàn thể vũ trụ, nó bao gồm nhiều cõi, vùng, hay kích thước của sự hiện hữu; những phương diện cùng tồn tại, thâm nhập vào nhau, và tương tác lẫn nhau của một toàn thể. Trong bảy cõi của thái dương hệ, con người hoạt động chủ yếu trên ba cõi: vật chất, tình cảm và trí tuệ.
- Vũ trụ và mọi vật trong đó, có thứ tự theo khuôn mẫu của những chu kỳ đều đặn, gồm những thời kỳ hoạt động và nghỉ ngơi, được quản trị bởi một nguyên lý đại đồng của nguyên nhân và hậu quả, tức nhân quả (karma). Trong sự sống con người, nguyên lý của chu kỳ này được diễn tả bằng nhiều cách khác nhau, trong đó có sự sinh trở đi trở lại, hay luân hồi (reincarnation).

- Do sự hướng dẫn của trí thông tuệ bên trong, sự tiến hóa được diễn đạt qua cố gắng cá nhân, thì tốt lành, có mục đích, và tuân tự theo một chương trình.
- Những hình thể vật chất đang tiến hóa, cũng thể đối với tâm thức chúng ta, kiến thức về vũ trụ, và sự nhận biết tinh thần trên căn bản đồng nhất với mọi sự sống.
- Chúng ta là những sinh vật tổng hợp; chúng ta có một số những nguyên lý tiến hóa độc lập, hay khả năng; sự phát triển của chúng là mục đích của sự tiến hóa. Trong vũ trụ và trong con người đều có bảy nguyên lý như thế.
- Chúng ta là những sinh vật có ba tầng lớp: (1) một phạm ngã tạm bợ, chỉ có một đời sống, (2) một chân ngã tiến hóa trường cửu, luân hồi, và (3) một tia hay một xuất tiết trực tiếp của thực tại tối hậu. Sự hợp nhất của ba phương diện này là lực hướng dẫn cho sự tiến hóa của chúng ta.
- Tiến trình tiến hóa bắt đầu từ xung động vô thức, rồi cuộc phải trở thành tiến trình tâm thức, được hướng dẫn bởi ý chí tự do, và sự nhận thức càng ngày càng tăng thêm của những thực thể tiến hóa. Tâm thức con người tham dự vào sự tiến hóa được tượng trưng như sự đi trên đường đạo.
- Những thực thể tiến hóa của vũ trụ, gồm những sự sống thông minh, kém hoặc trội hơn con người, trong số đó có những người tiến rất cao (những bậc Thầy hay Chân Sư), họ có thể giúp đỡ và hướng dẫn những thực thể kém tiến hóa hơn.
- Chìa khóa để con người thúc đẩy sự tiến hóa là hiện dâng trong việc phụng sự kẻ khác, đó là lòng vị tha - một nhận thức sự hợp nhất huynh đệ, và hoàn toàn quên đi sự chia rẽ cá nhân.
- Sự đau khổ, tàn nhẫn, và thất vọng mà chúng ta gặp phải trong cuộc sống là kết quả của vô minh, từ những hành động không quân bình, những sai trái tương đối, hoặc thay đổi; chúng không phải là những sự xấu ác tồn tại một cách độc lập.
- Do kết quả của sự cố gắng cá nhân trong kiếp sống này, con người có thể đạt được sự hiểu biết bằng trực giác, hay kinh nghiệm thân bí, từ đó nhận thức hoàn toàn sự liên kết với thực tại tối hậu.
- Những sự nối kết có ý nghĩa, phù hợp, tương tự, và lặp lại theo khuôn mẫu của vạn vật trong vũ trụ. Do những sự tương đương này mà chúng ta có thể sử dụng những gì đã biết để khám phá cái chưa biết.
- Phía sau những hình thức ngoại môn, hay công truyền, của mọi tôn giáo và triết lý tôn giáo, hiện tồn một giáo lý nội môn bên trong, chứa đựng những khái niệm như được kể ra nơi đây.

Hiện tại, Quan Điểm Thế Giới của Minh Triết Thiêng Liêng là cố gắng diễn đạt căn bản của những khái niệm như thế.

Hội Thông Thiên Học, trong khi để cho mỗi hội viên tự do hoàn toàn trong việc giải thích những lời dạy Minh Triết Thiêng Liêng, nó được ra đời để gìn giữ và nhận thức minh triết vĩnh cửu. Nó thể hiện cả quan điểm thế giới và tầm nhìn của con người tự biến đổi.

Truyền thống này được thành lập trên vài đề xuất căn bản:

1. Vũ trụ và vạn vật trong nó, là một toàn thể liên hệ và tùy thuộc lẫn nhau.
2. Mỗi thực thể hiện tồn - từ nguyên tử tới dãy ngân hà - được bắt nguồn trong cùng một Thực Tại sáng tạo sự sống đại đồng. Cái Thực Tại này ở khắp mọi nơi, nhưng không bao giờ được tổng kết trong những phần tử của nó, vì nó vượt quá mọi sự diễn đạt của nó. Nó tự phô bày theo một tiến trình có mục đích, thứ tự và có ý nghĩa trong thiên nhiên, cũng như trong thời kỳ ngoi nghỉ thâm sâu nhất của trí tuệ và tinh thần.
3. Nhận thức giá trị độc nhất của mỗi sinh vật, được bày tỏ trong lòng tôn trọng sự sống, lòng trắc ẩn đối với tất cả, sự thông cảm đối với nhu cầu của mọi cá nhân đang tìm chân lý cho chính họ, và tôn trọng mọi truyền thống tôn giáo. Cách thức những lý tưởng này trở thành hiện thực trong đời sống cá nhân là đặc quyền chọn lựa và hành động có trách nhiệm của mỗi con người.

Điều quan tâm chính của Minh Triết Thiêng Liêng là thúc đẩy sự hiểu biết và tình huynh đệ trong dân chúng thuộc mọi chủng tộc, quốc gia, triết lý, và tôn giáo. Vì thế, tất cả mọi người, không phân biệt chủng tộc, tín ngưỡng, phái tính, giai cấp, hay màu da, đều được mời tham dự bình đẳng trong sinh hoạt và công việc của Hội. Hội Thông Thiên Học không áp đặt những giáo điều, nhưng nó chỉ ra nguồn gốc duy nhất bên ngoài mọi sự khác biệt. Lòng ngưỡng mộ chân lý, tình thương đối với tất cả mọi sinh vật, và cam kết sống một đời vị tha, là biểu hiệu của Người Thông Thiên Học thật sự.

Những giáo huấn này cũng được diễn tả một cách thi vị, trong hình thức được biết đến như Ba Chân Lý của Hoa Sen Trắng, vì nguồn gốc chúng xuất hiện trong một câu chuyện biểu tượng của Mabel Collins ở cuối thế kỷ 19, được gọi là “Bài Ca của Hoa Sen Trắng”:

Có ba chân lý vĩ đại, tuyệt đối, không thể mất đi, nhưng chúng có thể vẫn giữ im lặng vì không đủ lời để diễn đạt.

- Linh hồn con người vốn bất tử và tương lai của nó phát triển huy hoàng, không biên giới.

- Nguyên lý sinh ra sự sống, ngự trong ta và chung quanh ta, nó không bao giờ mất và đời đời ban phước, ta không thể thấy, nghe và ngửi được nó, nhưng ai muốn nhận thức sẽ nhận thức được nó.
- Mỗi người đều là người lập luật lệ cho chính mình một cách tuyệt đối, là người ban phát sự vinh quang hay tối tăm cho chính mình, là người cảm vận mạng mình, thưởng, phạt mình.

Ba chân lý này lớn lao như sự sống, mà cũng giản dị như một tâm hồn giản dị nhất. Hãy dùng nó làm thức ăn cho kẻ đói.

CÂU HỎI ĐỂ NGHIÊN CỨU (chương 1)

1. Minh Triết Thiêng Liêng là gì? Danh từ này có từ bao giờ, và Minh Triết Thiêng Liêng có từ bao giờ?
2. Phương châm của Hội Thông Thiên Học có ý nghĩa như thế nào đối với bạn?
3. Khía cạnh nào của Minh Triết Thiêng Liêng chứng tỏ nó có tín ngưỡng nhưng không phải là một tôn giáo, nó có tính cách khoa học nhưng không phải là một môn khoa học, có tính cách triết lý nhưng không phải một phái triết học?
4. Trong một khía cạnh, Minh Triết Thiêng Liêng bao gồm những giáo lý trong tất cả mọi tôn giáo, và không thuộc vào bất cứ tôn giáo nào. Nó đề cập đến một số giáo lý căn bản trong tất cả hoặc nhiều tôn giáo mà bạn quen thuộc, và đối bạn giáo lý nào liên hệ đến những ý niệm của Minh Triết Thiêng Liêng.
5. Quan điểm của Minh Triết Thiêng Liêng đối với Thiên Chúa Giáo, Ấn Độ Giáo, Phật Giáo, và những tôn giáo khác như thế nào? Ý kiến hay quan điểm của bạn đối với vấn đề này như thế nào?
6. Từ những gì bạn đọc được trong chương này, đối với bạn điều gì dường như là giáo lý đặc biệt nhất của Minh Triết Thiêng Liêng.
7. Ba mục đích của Hội Thông Thiên Học có liên hệ như thế nào với Minh Triết Thiêng Liêng?

8. Giả sử có một người bạn không biết gì về Minh Triết Thiêng Liêng, hỏi MTTL là gì, thì bạn giải đáp như thế nào?

CHƯƠNG 2

MINH TRIẾT CỔ TRUYỀN TRONG THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI

MINH TRIẾT THIÊN HỌC VÀ HỘI THÔNG THIÊN HỌC gắn bó lẫn nhau, nhưng khác nhau, như đã được ghi nhận trong chương trước. MTTL là sự diễn đạt Minh Triết Cổ Truyền vào thời hiện đại, hay Truyền Thống Minh Triết của loài người. Trong những chương sau, chúng ta sẽ xét đến vài khái niệm căn bản của Truyền Thống Minh Triết này với nhiều chi tiết hơn. Nhưng trong chương này, chúng ta coi Hội Thông Thiên Học như một tổ chức, và tìm hiểu cách thức nó truyền đạt Truyền Thống Minh Triết như thế nào cho tất cả chúng ta có thể dùng nó trong việc truy tìm, hiểu biết và chuyển hóa đời sống.

LỊCH SỬ HỘI THÔNG THIÊN HỌC

Hội Thông Thiên Học được thành lập năm 1875 tại thành phố New York, bởi một nhóm người cùng nhau thảo luận những vấn đề liên quan đến minh triết của người xưa, những điều bí nhiệm chưa được giải thích trong thiên nhiên, và ý nghĩa của những điều đó đối với con người đương thời. Hai vị đứng đầu trong số những vị sáng lập Hội là Helena Petrovna Blavatsky và Henry Steel Olcott, họ gọi nhau là “Cặp Song Sinh Thông Thiên Học” vì sự liên hệ chặt chẽ trong tình huynh đệ phát triển giữa hai người qua nhiều kiếp.

Helena Petrovna Blavatsky là một phụ nữ Nga, trở thành công dân nước Hoa Kỳ. Bên ngoài, bà thuộc dòng dõi quý tộc của nước Nga, bên nội, là những vị tướng lĩnh trong quân đội. Mẹ là một tiểu thuyết gia, được so sánh như một George Sand của nước Nga, do những tiểu thuyết của bà viết về sự cải cách xã hội. HPB, như bà muốn người ta gọi thế, khi còn trẻ đã lập gia đình, nhưng từ bỏ cuộc sống tiện nghi của tầng lớp thượng lưu ở Nga để tìm sự giải thích cho những điều bí mật của sự sống, bằng cách đi khắp nơi trên thế giới để truy tìm minh triết. Rốt cuộc, bà đã gặp được những vị thầy, “Những Chân Sư Minh Triết” mà bà đã thấy trong những giấc mơ và linh ảnh lúc bà còn trẻ. Những vị này đã huấn luyện bà theo truyền thống và chăm sóc bà như người thừa kế. Các Ngài gọi bà sang Hoa Kỳ với mục đích thành lập một tổ chức làm trung tâm, mang công việc truyền bá minh triết của các Ngài cho nhân loại.

Henry Steel Olcott là một luật sư, phục vụ xứ sở trong thời kỳ Nội Chiến ở Hoa Kỳ, với vai trò giám sát, khám phá sự gian lận trong những tiếp liệu quân nhu (cho nên thường được gọi là “Đạt Tá Olcott”). Sau khi Tổng Thống Lincoln bị ám sát, ông được ủy nhiệm trong ban điều tra. Ông Olcott đã làm nhiều việc khác nhau, thí dụ như xuất bản một tài liệu nói về hạt giống trong ngành canh tác những thực vật sản xuất đường, và biên soạn lịch sử Hoa Kỳ. Ông là một nhà văn đặc trưng cho tờ New York thời báo, có nhiệm vụ theo dõi những biến cố đang xảy ra. Vào cuối thế kỷ thứ mười chín, Thần Linh Học (cho rằng con người có thể tiếp xúc với linh hồn người đã chết xuyên qua đồng cốt) là một vấn đề rất hấp dẫn; và vài hiện tượng tâm linh quan trọng được tường trình ở một nông trại thuộc Vermont. Vì thế, ông Olcott đã đi đến Vermont để viết một câu chuyện về những hiện tượng này, và nơi đây ông gặp HPB, bà cũng đến để chứng kiến những sự việc và gặp ông Olcott.

Bà Blavatsky và ông Olcott vừa gặp nhau đã trở thành bạn thân, đến khi trở về New York, Ông Olcott bắt đầu tham dự những buổi thảo luận tại căn nhà bà HPB, nơi đây họ thường bàn về những chủ đề bí truyền và công truyền. Khi có đề nghị thành lập một hội để nghiên cứu thâm sâu hơn những vấn đề như thế, ông Olcott được bầu làm Hội Trưởng và HPB là Thư Ký. Tổ chức mới này có tên là Hội Thông Thiên Học, tên này được chọn do mục đích nối kết hội với lịch sử cổ xưa của những phong trào trở về phái Tân Platon của thành Alexadria.

Hội nhận được những bài khen tặng của các tờ báo, đặc biệt khi nó bảo trợ cho nơi hỏa táng công cộng đầu tiên ở Hoa Kỳ. Một trong những hội viên, Varon de Palm, để di chúc yêu cầu được hỏa táng sau khi chết. Để thể hiện danh dự cho lời yêu cầu, Ông Olcott đã sắp xếp cho Varon được hỏa thiêu tại lò thiêu đầu tiên ở Hoa Kỳ, lò hỏa thiêu này được xây dựng bởi một vị bác sĩ ở Pennsylvania, để ông dùng cho chính ông khi qua đời. Một thời gian ngắn sau, ông Olcott và bà HPB di chuyển về Đông Phương. Họ đã liên hệ với những tu sĩ Phật Giáo ở Tích Lan và với những tu sĩ Ấn Giáo ở Ấn Độ, và được kêu gọi mở rộng việc truyền bá MTTL ở những nước ấy. Vì thế, năm 1879 hai vị sáng lập hội xuống tàu qua Á Châu, đầu tiên dừng chân ở Bombay, rồi họ truyền bá rộng rãi công việc của Hội khắp tiểu lục địa này. Ba năm sau, họ mua một điền trang có tên Adyar, gần Madras (hiện tại được gọi là Chennai) ở miền nam Ấn Độ, làm tổng hành dinh quốc tế của Hội. Ông Olcott hoạt động rất tích cực trong lãnh vực giáo dục và xã hội, nhân danh dân chúng bị bóc lột của Tích Lan, và thúc đẩy sự phục hưng Phật Giáo thế giới. HPB tiếp tục sáng tác những tác phẩm MTTL, tổng cộng có hơn hai chục tập sách dày.

Trong “Cặp Song Sinh Thông Thiên Học”, HPB là một phụ nữ của tư tưởng, chịu trách nhiệm phần lớn cho việc diễn đạt Minh Triết Thiêng Liêng trong thời đại mới, nhưng bà cũng là đối tượng của những người Âu Châu tò mò, có mưu đồ dùng khả năng của bà làm lực xúc tác cho những hiện tượng khác nhau. Ông

Olcott là một người có tài tổ chức, đã chăm sóc Hội qua thế hệ thứ nhất, ông cũng là người phát ngôn chính thức của MTTL cho công chúng và Hội ở Á Châu. HPB tập trung vào những phương diện bí truyền của MTTL; Ông Olcott, trên những phương diện công truyền, và vai trò của Hội như một cầu nối giữa những nền văn hóa và tôn giáo khác nhau. Ở Hoa Kỳ, Ông William Quan Judge, một trong những vị sáng lập viên, trở thành một người phụng sự nổi bật của Hội.

Bà Annie Besant, một người cải cách xã hội, một nhà hùng biện lừng danh, có sức lôi cuốn mạnh mẽ, đã kế nghiệp làm lãnh tụ tư tưởng MTTL sau khi bà HPB từ trần vào năm 1891. Năm 1907, sau khi ông Olcott từ trần, bà Besant đã nối tiếp làm vị Hội Trưởng quốc tế thứ hai của Hội. Bà đã nhận Krishnamurti làm con nuôi và giáo dục ông, về sau ông là một triết gia Ấn Độ. Krishnamurti lớn lên và trở thành một bậc thầy độc lập, nhưng những lời dạy của ông vẫn phản ảnh sâu đậm kinh nghiệm Minh Triết Thiêng Liêng từ lúc còn trẻ. Bà Besant được dân Ấn ghi nhớ như một nhà cải cách giáo dục và là người tranh đấu cho nền tự trị của xứ Ấn Độ. Bà là người phụ nữ đầu tiên không phải người Ấn, được bầu làm Chủ tịch của Quốc hội Nước Ấn Độ. Những vị Hội Trưởng TTH Quốc tế sau bà Besant gồm có: George Arundale và John Coats người Anh, C. Jinarajadasa người Tích Lan, Sri Ram và Radha Burnier người Ấn Độ.

Trong số những hội viên Hội TTH nổi tiếng có: Abner Doubleday (một sáng lập viên huyền thoại của môn bóng chày), Thomas Edison (nhà phát minh), Frank Baum (tác giả của The Wizard of Oz), William Butler Yeats (thi sĩ người Anh gốc Ái Nhĩ Lan), Piet Mondrian (họa sĩ trừu tượng người Hà Lan), Alexander Scriabin (nhà sáng tác nhạc người Nga), Mohandas Gandhi (lãnh tụ tranh đấu cho nền độc lập Ấn Độ), J. Nehru (thủ tướng Ấn Độ), và gần đây nhất có Đức Dalai Lama thứ 14 (thêm vào của dịch giả). Nhiều vị lãnh tụ khác của tư tưởng hiện đại cũng được ảnh hưởng bởi MTTL, một số chịu ảnh hưởng rất thâm sâu; vài thí dụ nổi bật như: James Joyce, D. H. Lawrence, Maria Montessori, Vassily Kandinsky. Vai trò của MTTL trong việc hình thành tư tưởng ở thế kỷ 20 chưa được miêu tả đầy đủ, nhưng nó rất quan trọng.

HỘI THÔNG THIÊN HỌC QUỐC TẾ VÀ QUỐC GIA

Ngày nay, Hội TTH vẫn đặt trụ sở quốc tế ở Adyar, và hiện diện trong khoảng 70 quốc gia trên thế giới. Khu đất ở Adyar rất lớn, nguyên thủy ở vùng ngoại ô của thành phố Madras, nhưng bây giờ được bao bọc trong thành phố. Nó bao gồm một tòa nhà quản trị chính được xây dựng từ thời HPB và Olcott, và nhiều cấu trúc

khác như: Học Viện Leadbeater, phòng nghỉ ngơi dành cho những khách Tây phương đến thăm viếng; nhiều gia cư khác và những tòa nhà hành chánh. Thư Viện Adyar, chứa đựng một trong những bộ sưu tập quan trọng nhất trên thế giới của những bản viết tay trên lá cây cọ cổ xưa. Nhà Xuất Bản Sách MTTL. Trường học Olcott dành cho những trẻ em nghèo. Một trung tâm xã hội chuyên lo cho những bà mẹ còn trẻ, và nuôi nấng con cái của họ. Một trạm phát thuốc trị bệnh cho thú vật. Những đền thờ của các tôn giáo khác nhau trên thế giới. Một đền thờ của Hội Tam Điểm. Những vườn hoa, Công Viên Kỷ Niệm, nơi cất giữ tro tàn của vài vị Thông Thiên Học lỗi lạc; và còn nhiều thứ khác nữa. Trường Minh Triết ở Adyar tổ chức mỗi năm hai học kỳ, được hướng dẫn bởi những vị giám đốc khách, từ khắp nơi trên thế giới.

Tổ chức đầu tiên thuộc quốc gia, hay “Bộ Phận” của Hội ở Hoa Kỳ, được noi theo bởi nhiều quốc gia khác trên thế giới. Trung tâm quốc gia của Hội TTH Hoa Kỳ, được gọi là trung tâm “Olcott”, lấy tên vị Hội Trưởng sáng lập, tọa lạc ở Wheaton, Illinois, vùng ngoại ô phía tây của Chicago, từ năm 1926.

Điền trang Olcott rộng hơn 40 mẫu, với một biệt thự chính được bà Annie Besant đặt viên đá xây dựng năm 1926 trong một buổi hành lễ theo nghi thức Hội Tam Điểm. Hiện nay, nó có tên là Biệt Thự L. W. Rogers, lấy tên của vị Hội Trưởng Quốc Gia, người đã trông nom việc xây dựng. Trong biệt thự này có những phòng làm việc hành chánh của hội, thư viện, một hội trường, một lớp học, một phòng dành cho tham thiền, và một số phòng dành cho nhân viên và khách đến thăm viếng. Điền trang cũng gồm có Nhà Xuất Bản Sách Thông Thiên Học và Tiệm Sách Quest nằm trong biệt thự có tên là Joy Mills, là tên của vị Hội Trưởng Quốc Gia, người đã xây dựng nó. Cũng có một số nhà dành cho những dịch vụ khác nhau và nhà ở của nhân viên. Ngoài ra còn có một hồ nước, những vườn hoa, khu rừng nhỏ, sân cỏ, những khu nghỉ ngơi và thiền định, một mê cung, và một Công Viên Kỷ Niệm.

NHỮNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI THÔNG THIÊN HỌC HOA KỲ

Hội được mở rộng cho những người tán thành ba mục đích của hội (được trình bày trong chương 1), có hai loại hội viên. Thứ nhất, những hội viên nói chung, trực thuộc Hội quốc tế và quốc gia, nhưng không thuộc vào một nhóm nào nhỏ hơn. Thứ nhì, những hội viên cũng có thể trực thuộc vào một nhóm: một chi bộ (lodge or branch: 2 từ này đồng nghĩa nhau), hay một trung tâm học tập (study center). Chi bộ có ít nhất 7 hội viên, được tổ chức một cách chính thức do những chức vụ

được bầu ra, và thường có những buổi học tập cho các hội viên và những sinh hoạt công cộng. Trung tâm học tập có ít nhất 3 hội viên, tổ chức ít chính thức hơn, và họp mặt ít thường hơn như đối với chi bộ, và sinh hoạt công cộng có giới hạn.

Hội Thông Thiên Học Hoa Kỳ có những chi bộ hay trung tâm học tập ở hầu hết các tiểu bang trong nước. Nhưng nhóm lớn nhất là Chi Bộ Quốc Gia, hoạt động bằng thư từ (bưu điện hay điện tử), và gửi bài học hàng tháng cho những người tham dự, bao hàm những khái niệm căn bản của MTTL và tác phẩm TTH cổ điển. Trang Web của Hội TTH là: www.theosophical.org với tin tức cập nhật thường xuyên về Hội và Minh Triết Thiêng Liêng.

Hội TTH quốc gia phát hành hai tạp chí định kỳ: *The Quest*, cũng có thể được đặt mua bởi những người không phải hội viên, và *The Messenger*, một bản tin dành cho hội viên. Hội cũng sản xuất những đĩa ghi âm hoặc hình ảnh, gửi những giảng viên quốc gia đến những nhóm học tập ở khắp nước, xuất bản nhiều loại sách, từ Minh Triết Thiêng Liêng cổ đến những bài viết về những chủ đề gây quan tâm đối với Người Thông Thiên Học và những người ngoài hội. “Quest Books” là dấu hiệu của Nhà Xuất Bản TTH cho nhiều sách viết dành cho công chúng. Hội cũng tổ chức hội nghị thường niên và trường hè tại trung tâm quốc gia.

Tại trung tâm quốc gia, Hội TTH Hoa Kỳ có một thư viện truy tìm và lưu hành tài liệu, được đặt tên của vị Hội Trưởng Sáng Lập, Henry Steel Olcott, từ thư viện này, sách vở và những đĩa ghi âm hoặc hình ảnh có thể được mượn bằng thư từ. Tại đây cũng có Học Viện Olcott, tổ chức học hỏi MTTL qua những bài giảng, nhóm họp, hội thảo, những khóa học tương ứng, và những khóa học trên mạng lưới vi tính. Học viên theo học các khóa học được người có kinh nghiệm hướng dẫn, giúp đỡ trong việc học hỏi. Những bài học trong mạng lưới vi tính có sẵn ở: www.theosophicalinstitute.org, học viên có thể làm việc với một người cố vấn, hoặc tự học. Tất cả những lớp học trên mạng đều miễn phí. Những bài giảng được chọn lựa và những buổi hội thảo được trực tiếp truyền trên mạng vi tính. Những thông tin thêm về thời khắc biểu, chương trình, khóa học, ghi danh, và truyền trực tiếp có sẵn ở www.theosophical.org.

Những hội viên mới của Hội nhận những bức thư kế tiếp nhau, như một sự giới thiệu những điểm thiết yếu của MTTL. Hội viên có đặc quyền gửi thư mượn sách từ thư viện Olcott và được bớt tiền khi mua sách từ Nhà Sách Olcott Quest, và những chương trình do trung tâm quốc gia tổ chức.

NHỮNG TỔ CHỨC SONG HÀNH

Có vài tổ chức từ nguyên thủy độc lập với Hội TTH, nhưng chia sẻ quan điểm MTTL về sự sống, và có lịch sử liên hệ với Hội, qua sự trùng hợp của hình ảnh lãnh đạo và tư cách hội viên. Trong số đó có:

TRƯỜNG BÍ GIÁO TTH. Để phát triển con người và phụng sự nhân loại, trường này được thành lập bởi HPB vào khoảng cuối cuộc đời của bà. Để được ghi danh vào hội viên của Trường Bí Giáo (TBG), như thường được gọi, người đó phải là hội viên của Hội TTH được vài năm. Hội viên TBG phải ăn chay trường, và phải theo vài phương pháp thực hành về vấn đề sức khỏe và kỷ luật. Trung tâm TBG Hoa Kỳ ở Krotona, Ojai, California.

CHƯƠNG TRÌNH PHỤNG SỰ MTTL. Tổ chức này phối hợp những lý tưởng MTTL thực dụng, được thành lập bởi bà Annie Besant. Nó bao gồm những thành phần như: Bảo Vệ Thú Vật, Nghệ Thuật và Âm nhạc, Sinh Thái Học, Chữa Bệnh, Hòa Bình, và Phục Vụ Xã Hội. Hội viên của các tổ chức này không giới hạn trong những hội viên của Hội TTH.

TRỤ SỞ TẶNG SÁCH CỦA HỘI TTH. Tổ chức này không có hội viên riêng, mỗi năm nó kêu gọi sự trợ giúp cho việc phân phối sách miễn phí đến các thư viện.

NGHI THỨC ĐÔNG PHƯƠNG CỦA HỘI TAM ĐIỂM QUỐC TẾ. Hình thức này của Hội Tam Điểm nhận cả nam lẫn nữ giới, được cải cách bởi bà Annie Besant. Nó thực hành những nghi lễ Hội Tam Điểm với một nhận thức về ý nghĩa quan trọng của tinh thần.

CÂU HỎI ĐỂ NGHIÊN CỨU (chương 2)

1. Tại sao Hội Thông Thiên Học cần thiết để bổ xung cho Minh Triết Thiêng Liêng?
2. Trong lịch sử Hội Thông Thiên Học, những nhân vật chính là ai, và vai trò của họ như thế nào?
3. Làm thế nào Minh Triết Thiêng Liêng hòa điệu một cách đặc biệt với tư tưởng và văn hóa hiện đại, do ảnh hưởng của nó đối với những nhân vật quan trọng và do những hoạt động của những hội viên trong Hội?
4. Minh Triết Cổ Truyền liên quan đến đời sống hiện đại theo đường lối nào?

CHƯƠNG 3

TÌNH HUYNH ĐỆ ĐẠI ĐỒNG

MỤC ĐÍCH THỨ NHẤT của Hội Thông Thiên Học quan tâm đến tình huynh đệ:

Tạo một trung tâm của tình huynh đệ đại đồng trong nhân loại, không phân biệt chủng tộc, tín ngưỡng, phái tính, giai cấp, hay màu da.

Tình huynh đệ là điều chú trọng đầu tiên của Hội TTH, vì tất cả con người đều có liên hệ lẫn nhau. Thật vậy, trong cơ bản, tất cả chúng ta có cùng một sự sống, nhưng diễn đạt một cách đa dạng. Vì gắn bó mật thiết lẫn nhau, điều gì mà mỗi người làm, cũng ảnh hưởng đến mọi người khác. Nhân loại, như một toàn thể, nếu không học cách sống như trong cùng một gia đình, coi như không biết sống. Hội TTH là một trung tâm khuyến khích thực hành tình huynh đệ, và thúc đẩy mỗi quan tâm đến sự tiến hóa của nhân loại.

Ta cần phân tích cẩn thận vài điểm trong mục đích thứ nhất này, bắt đầu với từ ngữ “tình huynh đệ.” Từ ngữ này rõ ràng không có ý chỉ riêng những người nam, vì tình huynh đệ này “không phân biệt... phái tính.” Nói đúng hơn, nó có nghĩa “tình ruột thịt tinh thần” hay đơn giản là “gia đình.” Hiện nay, nhiều người nhạy cảm với ý nghĩa của những từ ngữ này, đặc biệt đối với những người có thành kiến về chủng tộc, nguồn gốc quốc gia, nhóm dân tộc, hay phái tính. Vì thế họ có thể hỏi Người Thông Thiên Học, tại sao trong mục đích thứ nhất, chúng ta sử dụng chữ “tình huynh đệ” mà đối với một số người khi đọc hay nghe nó, có gợi ý hướng về nam giới.

Trước tiên, từ ngữ “tình huynh đệ” có một lịch sử cao quý lâu đời trong Hội TTH, và liên hệ mật thiết với chính sự nhận diện của tổ chức. Trong những ngày đầu, có một số người Anh nổi bật gia nhập Hội, muốn bỏ mục đích “tình huynh đệ”, cho nó là không thực tế và không thể đạt được. Họ muốn cải cách Hội thành một hội chuyên nghiên cứu những ý niệm bí truyền, và thực hiện những thí nghiệm về những hiện tượng chưa giải thích được. Thực ra, những người Anh này có thành kiến chống lại những người thuộc các chủng tộc và văn hóa khác, và không để ý đến những người anh em của họ.

Các bậc Chân Sư Minh Triết là động lực bên trong của việc thành lập Hội, đã từ chối bất cứ mục đích nào, nếu nó chỉ chú trọng đến trí thức, thí dụ như ý kiến thành lập một trường chuyên dành cho sự nghiên cứu những điều bí truyền và thí nghiệm. Các vị đã tuyên bố một cách rõ ràng mục đích chính của Hội là thực hành tình huynh đệ. Các vị nói, nếu Hội không có mục đích ấy, tốt hơn không nên tồn

tại. Vì thế, đối với Hội TTH, từ ngữ “tình huynh đệ” có nghĩa tất cả mọi người đều là thành viên di truyền, tình cảm, trí tuệ và tinh thần của cùng một gia đình nhân loại.

Hơn nữa, chỉ có ngôn ngữ của một số ít nước trên thế giới chịu ảnh hưởng bởi “phái tính đặc biệt”, và Hoa Kỳ là một trong những nước đó. Còn nhiều nước khác không để ý đến, như thế đề nghị thay đổi lời lẽ dùng để diễn đạt những mục đích của Hội thật sự không cần thiết. Hội là một tổ chức quốc tế, do đó nó phải tôn trọng quan điểm của đa số hội viên của nó (phần đông sống trong những nước khác, không có ngôn ngữ chịu ảnh hưởng phái tính đặc biệt).

Từ ngữ “tình huynh đệ” cũng đã được dùng từ lâu trong Anh Ngữ, không phải để chỉ một nhóm người phái nam, nhưng nó chỉ dân chúng một cách tổng quát, gồm cả hai phái tính. Khoảng năm 1300, “tình huynh đệ” được dùng đồng nghĩa với “bạn đồng liêu.” Năm 1338, dịch giả kinh thánh John Wycliffe dùng nó như đồng nghĩa với “tình bạn hữu.” Vào năm 1784 thi sĩ William Cowper viết, “sự nối kết của tình huynh đệ, từ đó Một Đấng Sáng Tạo chung ràng buộc tôi và loài người.” Vào năm 1821 thi sĩ Shelley cầu nguyện, “Và làm cho địa cầu Một tình huynh đệ.” Như thế, theo lịch sử, “tình huynh đệ” thường được coi như gia đình tinh thần của nhân loại.

Có vài điều khác cần được làm sáng tỏ về mục đích thứ nhất, vì đôi khi cũng bị hiểu lầm. Mục đích không phải **tạo ra** tình huynh đệ đại đồng trong nhân loại. Tình huynh đệ ấy đã có sẵn; nó là một sự thật của thiên nhiên. Mục đích chỉ là **thành lập một nhân**, một trung tâm, hay cốt lõi của tình huynh đệ ấy. Tất cả mọi người đều là những thành viên của một gia đình, nhưng không phải tất cả đều biết như thế, và ngay cả không biết có một gia đình như thế. Mục đích của trung tâm là phục vụ như một nhóm làm việc cho sự nhận thức ý nghĩa của sự liên hệ gia đình đại đồng.

Hội TTH cũng được gọi là “một” trung tâm, không phải chỉ là một, mà một trong nhiều. Chúng ta không muốn nói chúng ta là những người duy nhất chú trọng đến mục tiêu này, mặc dù chúng ta tiến đến nó theo một cách thức đặc biệt. Thí dụ, chúng ta nhận thức tình huynh đệ trong nhân loại có hàm ý tính đồng nhất của mọi sự sống và sự duy nhất của vạn vật.

TÌNH HUYNH ĐỆ VÀ SỰ SỐNG DUY NHẤT

Khi nhận ra sự thật chỉ có một sự sống và một sự hiện tồn, chúng ta chắc chắn sẽ thấy tình huynh đệ có căn bản tự nhiên, như sự chiếu sáng của mặt trời và tiến trình trợ giúp trái đất. Mọi thay đổi trạng thái của tâm thức, mọi mức độ thông minh, là diễn đạt của sự sống duy nhất. Sự sống duy nhất này tự diễn đạt trong mọi vật, từ con vi trùng đến dãy thiên hà to lớn, từ nguyên tử đến thiên thần. Vũ trụ là sự diễn đạt của cái Thực Tại thiêng liêng, bởi bất cứ tên gì mà cái Thực Tại ấy được gọi. Cao hay thấp, lớn hay nhỏ, “trong Ngài chúng ta sống, di chuyển và có bản thân chúng ta.” Khái niệm về sự sống thiêng liêng ở khắp mọi nơi được gọi là Thượng Đế vô sở bất tại.

Trong Minh Triết Thiêng Liêng, tình huynh đệ có nghĩa rộng hơn một lý tưởng nhân ái của sự tốt bụng đối xử với người khác, chủ yếu là chúng ta sống với nhau trong sự hòa điệu. Để nhận thức sự sống duy nhất như nguồn gốc của mọi vật và mọi sinh vật, MTTL nhấn mạnh về tình huynh đệ ở mức độ sâu thẳm nhất, và làm cho tình huynh đệ trở nên một thành phần không thể thiếu trong sự hiện tồn của chúng ta, như những con người.

Hậu quả của sự vi phạm nguyên tắc tình huynh đệ, về phương diện cá nhân, có thể không hiện ra rõ rệt ngay tức khắc, nhưng không thể tránh khỏi. Những biến động gây nhiều thống khổ lan rộng trên bộ mặt thế giới ngày nay, là kết quả trực tiếp của sự vi phạm qui tắc này trong suốt nhiều thời kỳ lịch sử quá khứ. Nhân loại bắt đầu nhận thức về “nguồn gốc căn bản của mỗi linh hồn với Thực Tại Tối Thượng đại đồng” (như bà HBP viết trong Giáo Lý Bí Truyền). Nhưng nhận thức về sự duy nhất của gia đình nhân loại, không theo kịp sự phát triển của mưu trí thông minh áp dụng vào những cách thức nhằm tiêu diệt lẫn nhau. Vì thế, con người vẫn tiếp tục tìm những phương cách bạo lực để đạt bất cứ điều gì có lợi cho họ. Tuy nhiên, nên hiểu rằng chúng ta là những thành phần của cùng một cơ thể, tôn thương cho một thành phần là tôn thương cho toàn cơ thể.

TÌNH HUYNH ĐỆ VÀ SỰ TIẾN HÓA

Chúng ta thấy rõ sự tiến hóa của nhân loại còn lâu mới hoàn tất, vì xuyên qua lịch sử, sự biểu lộ của tình huynh đệ chỉ vụn vặt, lúc có lúc không. Khi con người đầu tiên xuất hiện trên thế giới, căn bản là tìm lợi lộc và chăm lo dự trữ quá đáng cho chính mình, giống như trường hợp những trẻ con. Tuy nhiên khi lớn lên, trong tiến trình mở rộng sự ham muốn các nhu cầu, trẻ con cũng quan tâm đến những người khác. Khi phát triển, con người chưa hoàn toàn thoát khỏi những ràng buộc chật hẹp, và bị thu hút vào việc tìm kiếm lợi lộc riêng tư.

Sự thích thú cá nhân mở rộng một cách từ từ, bao gồm lợi lộc của toàn thể gia đình, và sự chăm sóc cho con cái để duy trì nòi giống. Kế đến, sự ràng buộc trung thành lan rộng đến những đơn vị lớn hơn như: bộ tộc, nòi giống hay tôn giáo. Những bậc Thầy Vĩ Đại của nhân loại, liên tục tìm cách đánh thức ý tưởng hợp nhất về một sự sống chung, một cái ngã lớn hơn, nhưng con người thường diễn dịch điều này như những nhóm người có cùng một niềm tin, hay những nhân viên trong cùng một cộng đồng đặc biệt. Chúng ta đã nói rộng sự trung thành giới hạn, đến tình huynh đệ đại đồng bao hàm rộng rãi hơn. Người Tốt Bụng, tức người muốn hy sinh để giúp đỡ người khác không thuộc dòng giống, là một ý niệm mới, xảy ra vào thời chúa Jesus, và Ngài đã tạo một biến cố gây xúc động mạnh.

Trải qua nhiều thời đại, hàng triệu người hành hương trên đường tiến hóa, khái niệm tình huynh đệ phát triển một cách chậm chạp. Vào một thời kỳ cách nay không lâu, sự buôn bán con người như những nô lệ, xem như có thể được chấp nhận, và “người chủ” làm bất cứ điều gì mà họ muốn đối với nô lệ. Một thời gian sau có sự quan tâm đến những nô lệ, và cho rằng con người không thể bị ngược đãi. Kế đến, theo tiêu chuẩn đạo đức, câu hỏi về quyền sở hữu của con người đối với một người khác được đặt ra. Và ngày nay, dù chế độ nô lệ chưa biến mất hẳn trên địa cầu, nhưng đã được hầu hết các nước đặt ngoài vòng pháp luật.

Ta nên nhận thức rằng hành tinh này thật ra chỉ là một thế giới đã được gia tăng nhờ sự phát triển thông tin điện tử, vận chuyển viễn thông nhanh chóng, tăng cường mậu dịch quốc tế, và những sở thích văn hóa chung của dân chúng khắp nơi. Không có quốc gia nào hoàn toàn biệt lập với các quốc gia khác. Ngay những nước cách rất xa nhau về phương diện địa dư, có thể đến với nhau rất nhanh, và có thể liên lạc nhau một cách tức khắc. Như thế, điều gì xảy ra trong một nước đều có ảnh hưởng đến những nước khác.

Ngay đối với sự bùng nổ hận thù chủng tộc, tôn giáo, văn hóa cũng có thể được xem như việc mở đầu cho nhận thức đại đồng hơn về sự duy nhất thiết yếu của nhân loại. Bạo động và khủng bố thường bộc lộ sự thù hận, là đầu tận cùng đen tối của sự liên hệ giữa con người. Ở đầu kia, một số càng ngày càng nhiều nhân loại đang nhận thức ánh sáng của tình huynh đệ và thiện ý hợp tác. Thật đúng lúc thử thách lớn nhất cho sự biểu lộ bản chất tốt lành và cao thượng của nhân loại.

Hành động trái nhân tính và khủng bố đáng lý phải được loại trừ từ lâu trên hành tinh này; nhưng khi xem xét chương trình tiến hóa, ta nhận ra mỗi người không thể tránh khỏi gặt lấy những gì mà ta đã gieo, và học những bài học về sự gieo nhân, từ đó có thể thoáng thấy một tương lai tốt đẹp hơn. Trong tương lai ấy, sự tùy thuộc lẫn nhau và trách nhiệm hỗ tương, thay thế cho sự tàn nhẫn và hận thù mù quáng mà hiện nay con người chưa vượt qua được. Tinh thần hợp tác và tôn trọng lẫn

nhau của nhân loại không thể tránh khỏi bị vi phạm, tuy nhiên không ngăn cản được chúng ta làm việc để đạt mục đích đó càng sớm càng tốt, vì chính chúng ta phải hoàn thành nó. Không một quyền lực nào từ thiên liêng hay từ con người có thể áp đặt sự hợp tác và tôn trọng lên chúng ta. Sự nhận thức tình huynh đệ tùy thuộc vào chính chúng ta.

TÌNH HUYNH ĐỆ VÀ ĐƯỜNG ĐẠO

Trong quyển sách hướng dẫn tâm linh của bà H. P. Blavatsky “Tiếng Vô Thinh”, bà bảo người hành hương phải chuẩn bị trả lời một vài câu hỏi. Một trong những câu hỏi đó là “Bạn có làm cho tâm và trí bạn hòa hợp với tâm trí chung của tất cả nhân loại chăng?” Lòng trắc ẩn, một đức hạnh được cả Phật và Chúa dạy, là đức hạnh lớn, cuối cùng phải đạt được hoàn toàn nơi mỗi người tìm đạo. Thuở xưa, người hành hương chân thành trên đường đạo, bị buộc phải “hòa hợp với mọi sự sống; yêu thương mọi người như họ là những bạn cùng học, những môn đồ của một vị Thầy, và những con cái của cùng một mẹ hiền.”

Không một ai trong chúng ta biết đã tiến tới mức nào so với những người khác. Trong quá khứ, tất cả chúng ta ở giai đoạn phát triển tâm linh của những người kém tiến hóa nhất hiện nay; trong tương lai, chúng ta sẽ tiến đến giai đoạn của những bậc cao đồ chói sáng hiện nay. Giữa hai thái cực, có vô số cấp độ, mỗi cấp độ là một viên đá lót đường đến sự thành đạt to lớn hơn. Cũng nên biết là những thành đạt tâm linh không luôn luôn rõ ràng. Với những lý do này, ta không thể phán xét lẫn nhau. Chúng ta chia sẻ cùng một nguồn gốc chung, một kinh nghiệm chung, và một số phận chung. Đây là thực tại tiềm ẩn bên trong, mà chưa đủ số người trong nhân loại nhận thức được, để mang hòa bình cho thế giới xáo trộn hiện nay.

Thật là một thử thách khi chúng ta làm cho tâm và trí hòa hợp với tâm đại đồng của toàn thể nhân loại. Nhưng chúng ta cũng đối diện với một thử thách khác về tình huynh đệ, đó là sự nhận ra tính duy nhất của tất cả mọi sự sống, trong bất cứ hình thể nào mà nó biểu lộ. Chúng ta là những người anh, chị cả của các loài khác trong thiên nhiên, vì thế chúng ta có trách nhiệm về việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên, và đặc biệt là loài vật. Đối với những ai biết mọi sự sống đều là hiện thân của một sự sống duy nhất, do đó làm cho thú vật đau đớn một cách vô ích là điều không thể chấp nhận. Nguyên tắc đạo đức không gây tổn hại và tôn trọng mọi sự sống là động lực cho những ai cố gắng áp dụng những nguyên lý MTTL trong đời sống của họ

Chúng ta cũng đọc thấy trong “Tiếng Vô Thinh” đoạn văn sau đây: “Lòng từ ái thốt lên: Có thể nào hưởng được phúc lạc trong khi mọi sinh vật khác phải chịu đau khổ? Con có thể được cứu vớt khi nghe toàn thể gian đang rên xiết chăng?” Những lời này được nói lên khi người hành hương đến cuối hành trình và có thể chọn sự giải thoát khỏi vòng luân hồi. Nhưng tiếng vô thinh hỏi người hành hương có nở lòng rời bỏ nhân loại đang đau khổ chăng. Thử thách cuối cùng mà chúng ta phải đối diện ở cuối con đường tiến hóa, là nhận thức rằng chúng ta không thể đạt được tự do, trong khi người khác còn bị trói buộc. Thực hành trọn vẹn tình huynh đệ vô điều kiện, là diễn đạt đúng thực nhận thức của chúng ta về tính duy nhất của sự sống, và của nguồn gốc chúng ta trong cái duy nhất.

Vị Chân Sư được nhắc đến như “K.H.” có viết thư cho một phóng viên người Anh, ông A. P. Sinnett (Những Bức Thư của Chân Sư, số 5): “Từ ngữ ‘Huynh Đệ Đại Đồng’ không phải là lời nói lãng phí. Toàn thể nhân loại có một yêu cầu quan trọng đối với chúng ta... Đó là một nền tảng vững chắc duy nhất cho nguyên tắc đạo đức phổ quát. Nếu nó là một giấc mơ, ít nhất là một giấc mơ cao quý cho nhân loại, và nó là lòng mong muốn mạnh mẽ của bậc Cao Đồi thật sự.”

CÂU HỎI ĐỂ NGHIÊN CỨU (chương 3)

1. Giải thích ý nghĩa câu: Thượng Đế có mặt ở khắp mọi nơi (vô sở bất tại)?
2. Tại sao tình huynh đệ đại đồng được cho là kết quả tất yếu của ý tưởng về Thượng Đế vô sở bất tại?
3. Giải thích câu nói: thương tổn đối với một người là thương tổn cho toàn thể nhân loại. Cho thí dụ để giải thích.
4. Tình huynh đệ của nhân loại có phải là sự đồng nhất không? Giải thích và cho thí dụ.
5. Thế nào là thái độ của người Thông Thiên Học đối với những loài thấp hơn trong thiên nhiên? Căn bản của thái độ đó là gì?
6. Sự khác biệt nào có thể được chấp nhận và thực hành nguyên lý của tình huynh đệ trong thái độ của chúng ta đối với công việc làm? Giáo dục? Vấn đề chính trị? Liên hệ giữa các chủng tộc? Vấn đề lao động? Bạn có thể thay thế bất cứ vấn đề nào bạn thích, và áp dụng vào đó nguyên tắc tình huynh đệ đại đồng. Áp dụng nguyên tắc đó có thể làm thay đổi thế nào?

CHƯƠNG 4

CON NGƯỜI VÀ CÁC THỂ

BẢN CHẤT BÊN TRONG CỦA CHÚNG TA, tức của toàn thể nhân loại, là điều mà chúng ta cần thông hiểu, nếu chúng ta muốn thực hành nghiêm túc tình huynh đệ. Chúng ta cần thay đổi hoàn toàn quan niệm thông thường cho rằng con người là xác thân và nó có một linh hồn. Nghĩ rằng xác thân là con người thật, chẳng khác gì lầm lẫn cái nhà là người chủ sống trong đó. Minh Triết Thiêng Liêng cho biết, chúng ta thật sự là “chân thân” hay một đơn vị bên trong, một mảnh vụn của thần minh, một tia lửa của ngọn lửa thiêng, sống trong nhiều cái nhà.

Một “thể” là cơ quan tiếp xúc với môi trường chung quanh chúng ta. Như thể chúng ta có nhiều cơ quan tiếp xúc hay “thể”, cũng như chúng ta có nhiều môi trường. Ngoài môi trường vật chất đậm đặc, chúng ta còn có những môi trường khác như: năng lượng sinh lực, cảm giác, tư tưởng, và trực giác. Cơ quan tiếp xúc của chúng ta với mỗi môi trường có hai nhiệm vụ: về mặt này, nó là vận hà (hay con đường thông thương), xuyên qua đó chúng ta kinh nghiệm và gây ảnh hưởng lên môi trường; về mặt khác, loại cơ quan tiếp xúc của chúng ta cũng giới hạn kinh nghiệm và đáp ứng nhiều hay ít với môi trường.

Thí dụ, những giác quan của thể xác giống như những cửa sổ. Từ trong nhà, ta nhìn ra ngoài xuyên qua những cửa sổ đó, tùy theo cái nhà có nhiều hay ít cửa sổ và tùy theo hướng những cửa sổ mở ra ngoài mà ta có thể nhìn thấy hàng xóm chung quanh. Tương tự như thế, loại giác quan và độ nhạy cảm của chúng, xác định những gì mà ta có thể nhận thấy thể giới bên ngoài. Có nhiều thực tại hơn là những gì mà ta có thể quan sát được qua những cửa sổ giác quan thông thường của ta. Và đó là tất cả những thể của ta, tất cả các cơ quan tiếp xúc với nhiều môi trường trong đó ta sống. Như Hamlet đã nói với một người bạn: “Này Horatio, những sự vật trên trời và dưới đất nhiều hơn là những gì được tưởng tượng trong triết lý của bạn.”

Tuy nhiên, những giới hạn không phải hoàn toàn là điều xấu, vì chúng vừa bảo vệ vừa thử thách chúng ta. Trước hết, những giới hạn là sự bảo vệ. Nếu nhận thức của chúng ta đối với tất cả các môi trường chung quanh không bị giới hạn, chúng ta sẽ

bị mòn mỏi do tiếp xúc với quá nhiều những cảm giác, năng lượng, xúc động, tư tưởng, và trực giác gợi ý đến từ bên ngoài. Chỉ riêng ở cõi trần, chúng ta bị vây quanh bởi những màu sắc mà chúng ta không thể thấy, những âm thanh mà chúng ta không thể nghe, những mùi mà chúng ta không thể ngửi, và những cảm giác mà chúng ta không thể cảm nhận. Ở khắp mọi nơi quanh ta đều có những làn sóng vô tuyến, tia X, tia gamma, và những hiện tượng điện từ khác mà giác quan thể xác không thể nhận thức được. Nếu tất cả những thứ kể trên tác động lên ý thức chúng ta, sẽ làm cho chúng ta bị rối loạn và tê liệt. Như T. S. Eliot đã nói: “Bản chất con người không thể chịu đựng quá nhiều thực tại.” Chúng ta cần được bảo vệ để tránh khỏi quá nhiều thực tại.

Thứ nhì, những giới hạn là sự thử thách. Sự nhận thức của con người chỉ phát triển xuyên qua những giới hạn. Và chính vì mục đích phát triển sự nhận thức, mà chân thân đã tự mặc lên những lớp áo vật chất, với những giới hạn và mức độ đậm đặc khác nhau. Nói khác đi, chân thân đã bao phủ lên chính nó bằng những lớp có năng lượng khác nhau, mà xác thân là lớp đậm đặc nhất. Theo vài ý nghĩa nào đó, vật chất và năng lượng có thể hoán chuyển lẫn nhau; cái mà ta gọi là chất đặc là một dạng thức của năng lượng, dù ta thấy dường như nó rắn chắc và không thể bị xuyên thấu. Độ cứng của một hòn đá không phải do sự vững chắc của nó, mà do cường độ kết hợp của những nguyên tử cấu tạo nên nó.

CÁC THỂ CỦA CON NGƯỜI VÀ NHỮNG PHẠM VI NĂNG LƯỢNG

Minh Triết Thiêng Liêng dạy rằng thái dương hệ của chúng ta gồm bảy cõi, có những chất liệu thẩm thấu vào nhau, hay những phạm vi năng lượng. Trong số đó có ba cõi liên hệ trực tiếp đến sự tiến hóa cá nhân chúng ta: cõi vật chất, cõi tình cảm và cõi trí tuệ. Cõi vật chất chia ra hai phần chính: một phần với mức độ vật chất đậm đặc và phần kia với mức độ vật chất thanh nhuyển, thường được gọi là “dĩ thái”. Tương tự như thế, cõi trí tuệ cũng có hai phần chính, thường được gọi là “thấp” và “cao”, nhưng ở đây phần thấp của cõi trí được gọi một cách đơn giản là “trí tuệ” còn phần cao được gọi là “nguyên nhân”, với lý do sẽ được giải thích về

sau. Những mức độ vật chất khác nhau này cung cấp chất liệu tạo ra vài thể của chúng ta.

Từ ngữ các “thể” được dùng để chỉ cơ quan tiếp xúc với năng lượng của những phạm vi này, nhưng ta không nên nghĩ các “thể” như những vật cố định, đứng yên một chỗ. Nên biết, dù thể xác đậm đặc của chúng ta có vẻ như cố định từ ngày này qua ngày khác, thật ra nó thay đổi liên tục, dù với tốc độ chậm hơn nhiều so với những thể thanh nhẹ hơn, vì nó có mức độ rung động thấp.

Những thể thanh nhẹ hơn có thể được xem như những dòng luân lưu của lực, thường theo vài khuôn mẫu nhất định, và thay đổi từng lúc tùy theo đặc tính của tư tưởng, tình cảm, và thái độ của chúng ta đối với cuộc sống ở thế gian, cũng như cách thức mà chúng ta ứng xử với kinh nghiệm. Những thể là những phạm vi cục bộ của lực, hay những tụ điểm tập trung năng lượng cá thể của những phạm vi rộng lớn hơn, trong đó chúng hoạt động. Mỗi thể là một trung tâm, phát xuất ra chung quanh một vùng năng lượng; những vùng năng lượng chung quanh này được gọi là “hào quang.”

Để tiện việc thảo luận, chúng ta đề cập đến những thể như là những phần riêng rẽ, gọi chúng là: thể xác (gồm 2 phần: đậm đặc và dĩ thái), tình cảm, trí tuệ, và nguyên nhân, nhưng thật ra chúng không hoàn toàn phân cách nhau. Chúng tùy thuộc lẫn nhau và hoạt động như một toàn thể. Ta biết rằng, ta không bao giờ có cảm xúc mà không có tư tưởng, cũng như ta không thể suy tưởng mà không kèm theo vài cảm xúc. Trong ngành y khoa, ai cũng biết là tư tưởng và cảm xúc ảnh hưởng đến thể xác và ngược lại.

Những mối liên kết giữa các thể khác nhau là luân xa (*chakras*), danh từ Phạn ngữ có nghĩa là bánh xe (wheel) hay vòng tròn (circle). Chúng là 7 trung tâm năng lượng chính (ngoài ra còn có một số luân xa phụ) phân phát trên những thể thanh nhẹ của con người, ở nơi mà những vận hà của năng lượng hội tụ, mỗi luân xa có hình dạng như một bánh xe hay một hoa sen. Chúng tập trung năng lượng tuôn chảy xuyên qua các thể, và liên lạc các thể với nhau từ cõi thực tại này đến cõi kia. Tương ứng với thể xác đậm đặc, những luân xa chính ở các vị trí: gần phần cuối của xương sống, gốc của những cơ quan sinh sản, rún, tim, cổ họng, phần trán giữa hai lông mày, và đỉnh đầu.

Mặc dù thể tình cảm hay phạm vi năng lượng thẩm nhập vào thể xác, một phần của nó lộ ra bên ngoài thể xác. Tương tự như thế, thể trí thẩm nhập vào thể xác và thể tình cảm, nó lộ ra ngoài thể tình cảm. Mắt thường không thể thấy những thể thanh nhẹ này, tuy nhiên chúng vẫn có thật. Những người có khả năng nhãn thông thấy được và diễn tả chúng, và mỗi người trong chúng ta đều cảm nhận năng lượng của chúng, dù theo vài cách thức khách quan, chúng ta có “thấy” được chúng hay không.

Nhân thể (causal body) tồn tại lâu dài hơn những thể khác. Nó là thể mà Thánh Paul đã ám chỉ như một “thể không hủy diệt.” Nó được cấu tạo bởi loại chất liệu thanh nhẹ hơn, hay tần số năng lượng cao hơn, từ vùng cao của cõi trí (hay cõi thượng giới). Tâm thức chúng ta hoạt động ở cõi này là “chúng ta” thật sự, chính phương diện này của chúng ta luân hồi trong những thể thấp, và qua những thể thấp này chúng ta gạt hái kinh nghiệm. Nó là thể của chân ngã chúng ta, phân biệt với phàm ngã tạm bợ được thể hiện qua các thể: xác, vía, và hạ trí.

Cơ quan tiếp xúc trong môi trường có tần số cao ấy được gọi là “nhân” thể, vì từ đó những nguyên nhân được lưu trữ, và không sớm thì muộn sẽ trở thành hậu quả nơi thể giới hữu hình bên ngoài. Nhắc lại, chúng ta không nên nghĩ “kho chứa” này là khoảng không gian; những “nguyên nhân” không phải là vật, mà là khả năng rung động. Nhân thể là nơi chứa thường trực những châu báu, mà chúng ta đã để dành do những kinh nghiệm của tư tưởng, tình cảm, và hành động trong ba thể thấp của chúng ta. Nó là “thiên đàng” như được nhắc đến bởi Thánh Matthew (6.19-21), như một nơi chứa đầy những châu báu không bị hư hỏng. Chúng ta sẽ xét đến nó đầy đủ hơn về sau.

THỂ DĨ THÁI KÉP (THỂ PHÁCH)

Như trên đã nói, thể xác chúng ta có hai “phần” hay phương diện. Một phần là thể đậm đặc, cấu tạo bởi chất đặc, lỏng và hơi, phần này được diễn tả trong những sách sinh lý học và cơ thể học. Một phần khác thường không nhìn thấy được và không được đề cập trong các sách giáo khoa. Phần này được gọi là “dĩ thái kép” (etheric

double) hay “thể sinh lực” (vital body), nó có một số nhiệm vụ quan trọng như là khuôn mẫu để tạo dựng nên thể xác đậm đặc.

Không những chỉ có cái khung bên ngoài, mà mỗi tế bào của thể xác đậm đặc đều có đối phần dĩ thái hay sinh lực. Thể phách được cấu tạo bởi chất liệu thanh nhuyễn hơn thể xác đậm đặc, và hiếm khi thấy được bằng mắt trần. Vì thể phách không thể chứa đựng tâm thức nếu nó tách riêng khỏi đối phần đậm đặc của nó, cho nên nó không phải là một thể riêng biệt với thể xác đậm đặc. Tuy nhiên, nó là cơ quan vận chuyển cảm giác, và tác động như một cầu nối giữa thể xác đậm đặc và những phương diện tinh tế hơn của con người, đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng khác của nó.

Thể phách hấp thụ năng lượng từ mặt trời, truyền đi dưới dạng sinh lực, gởi đi dọc theo những dòng năng lượng của cơ thể và phát tỏa ra ngoài số thặng dư theo mọi hướng chung quanh cơ thể, như một thứ ánh sáng màu trắng xanh. Đôi khi nó được gọi là “hào quang sức khỏe” (health aura), vì màu sắc và sự rung động của nó cho thấy trạng thái sinh lực và sức khỏe của cơ thể con người. Những người chữa bệnh theo phương pháp “xúc liệu pháp, hay dùng tay truyền nhân điện” (Therapeutic Touch) tác động lên hào quang sức khỏe làm cho cơ thể dễ dàng hồi phục.

Thể phách có thể tạm thời tách rời khỏi thể xác đậm đặc trong tình trạng bất tỉnh, bị đánh thuốc mê, hay do vài hiệu quả từ trạng thái xuất thần. Tuy nhiên nó vẫn nối liền với thể xác đậm đặc bởi một sợi chỉ làm bằng chất liệu của chính nó, đó là “sợi dây bạc” được nói đến trong một quyển Thánh Kinh Cơ Đốc: “Đến khi sợi dây bạc bị thả lỏng ... tinh thần sẽ trở về với Thượng Đế đã ban cho nó.” Khi “sợi dây bạc” này bị đứt, và cuối cùng thể phách rút ra khỏi cơ thể, sinh lực ngưng lưu thông, mới có sự “chết” thực sự. Kế đó thể phách phân hủy từ từ gần bên thể xác đậm đặc, và nhiệm vụ của nó trong kiếp luân hồi này đã chấm dứt.

THỂ TÌNH CẢM

Thể tình cảm, (còn được gọi là thể vía, hay thể cảm xúc), ló ra một ít bên ngoài thể xác và thể phách. Nó là dẫn thể của cảm giác và ham muốn, từ những đam mê vật chất đến những xúc động cảm hứng. Những người có thần nhãn thấy nó luôn luôn

di động, sáng chói, rực rỡ. Chính vì sự biểu hiện sáng chói này mà đôi khi nó được gọi là “thuộc về ngôi sao” (astral) hay thể giống như ngôi sao (từ chữ Hy Lạp *astron* “ngôi sao”). Tuy nhiên, từ ngữ *astral* đã được sử dụng theo vài ý nghĩa khác nhau trong các sách Thông Thiên Học, đôi khi nó chỉ cho chất mà chúng ta gọi là “dĩ thái”, và đôi khi với ý nghĩa tổng quát để chỉ sự “thanh nhẹ.” Nó không được dùng trong quyển sách này (ngoại trừ trong các đoạn văn trích dẫn) để tránh sự lẫn lộn.

Khi thể xác ngủ, tâm thức tiếp tục hoạt động trong thể tình cảm (trí nhớ về những kinh nghiệm khi hoạt động trong thể này đôi khi truyền qua bộ óc thể xác, với hình thức nhớ lại những giấc mơ hay ấn tượng). Phần lớn chất liệu tạo nên thể tình cảm được tập trung bên trong giới hạn của khuôn thể xác, và vì trong suốt những giờ con người thức, hầu hết những đường khí lực trong thể tình cảm đi theo những đường nét của thể xác, nên khi xuất ra khỏi thể xác trong lúc ngủ, nó có khuynh hướng duy trì hình dạng bề ngoài, và ta có thể nhận diện được người ấy trong cõi tình cảm. Ngoài ra cũng có một khoảng năng lượng lớn hơn hay hào quang, tỏa ra chung quanh cơ thể, phản ánh những cảm xúc vượt trội vào mỗi thời điểm.

Người có nhãn thông diễn tả thể tình cảm của một người tiến hóa như một vùng đầy màu sắc rực rỡ sáng chói. Ở một người kém tiến hóa, nó có màu tối xậm hơn. Những cảm xúc như ích kỷ, tham lam, ganh ghét, và nhục dục quá trớn làm cho nó có màu nâu xậm, xanh bùn, và đỏ bầm: đôi khi chúng ta dùng từ ngữ “những tư tưởng và tình cảm lấm bùn”, câu này rất thích hợp để diễn tả những sắc thái ấy.

THỂ TRÍ

Minh Triết Thiêng Liêng cho biết mỗi cõi hay vùng trong vũ trụ được phân chia thành bảy phần chất liệu hay tần số rung động khác nhau. Thể trí “thấp” được cấu tạo từ bốn phần chất liệu đậm đặc của cõi trí (cõi trí còn được gọi là cõi thượng giới). Mặt khác, nhân thể là dẫn thể của tâm thức trong ba phần chất liệu thanh nhẹ hay “cao” của cõi trí. Khi đề cập đến chúng như là những phương diện, hay dẫn thể cho tâm thức, chớ không phải là những thể làm bằng chất liệu, thể trí đôi khi được gọi là “hạ trí,” và nhân thể là “thượng trí”. Thể trí thấm nhập và tỏa ra ngoài khỏi

thể xác và thể tình cảm, nó là cơ quan trí tuệ tiếp xúc với ngoại giới. Nó là dẫn thể cho sự suy tưởng về kinh nghiệm của chúng ta.

Khi thể trí được sử dụng, nó rung động nhanh và độ lớn tạm thời gia tăng. Tư tưởng kéo dài làm cho độ lớn gia tăng thường trực, như thế, thể trí được tăng trưởng ngày này qua ngày khác do sự sử dụng đúng đắn quyền năng tư tưởng. Phẩm chất của thể tình cảm tùy thuộc vào thái độ và thói quen của tình cảm, cũng thế, phẩm chất và sự trong sáng của của thể trí chúng ta tùy thuộc vào đặc tính của cách thức suy tưởng.

Vì tư tưởng và tình cảm có liên hệ lẫn nhau, cái này ảnh hưởng lên cái kia, hai thể này liên kết khá chặt chẽ. Thể trí liên kết với thể tình cảm được gọi theo Phạn ngữ là “*kama manas*”, có nghĩa là “trí cảm dục.” Hoạt động phối hợp nhau, chúng tạo ra những loại “cảm xúc tư tưởng,” mỗi loại cảm xúc tư tưởng này phản ánh màu sắc đặc biệt trong hào quang. Người có nhãn thông nhìn thấy hào quang của người kiêu hãnh có màu cam, sợ hãi có màu xám đậm, cái kính có màu đỏ tươi. Tư tưởng cảm xúc của tình thương không ích kỷ sáng rực với màu hồng nhạt; nỗ lực thông minh có màu vàng; sùng tín có màu xanh da trời; sự thương cảm có màu xanh lá cây tươi; nguyện vọng tinh thần có màu xanh hoa đình hương hay màu xanh lợt có vân đỏ của hoa oải hương.

NHÂN THỂ

Nhân thể là dẫn thể qua nó chân ngã hay linh hồn tự diễn đạt như một chuỗi cá tính trong thế gian. Nó thực hiện điều đó bằng cách hoạt động ở những cõi đậm đặc hơn, xuyên qua những thể tạm thời như: thể trí, thể tình cảm và thể xác. Chỉ có sự tốt lành, chân thật, và đẹp đẽ mới vào được nhân thể, vì những rung động của nó rất thanh nhẹ, không thể đáp ứng với những sự thô kệch, sai trái, xấu xa.

Vì nhân thể ở cấp độ của tư tưởng trừu tượng phổ quát (được gọi là cái trí cao), nó là nơi chứa đựng kiến thức và những khả năng bẩm sinh. Vào lúc khởi đầu của sự tiến hóa nhân loại, nó nhỏ và hầu như không có màu sắc, giống như một bong bóng hay một màng mỏng manh. Tuy nhiên khi chúng ta tiến hóa, do tác dụng của những tư tưởng, tình cảm, và hành động tốt đẹp dần dần được ghi nhận, kích thước

nó sẽ tăng lên và có màu sắc; nhưng điều này xảy ra rất chậm chạp, cho đến khi ở thế gian, chúng ta đạt đến giai đoạn có tư tưởng vô ngã, không còn tính ích kỷ. Khi đó, người có nhãn thông nhìn thấy nó rung động với những màu sắc lấp lánh, và nhân thể trở thành một bầu ánh sáng rực rỡ, đầy những tia sáng của bác ái và minh triết.

Nhân thể tồn tại từ đời này qua đời khác, nó là hiện thân thường trực của chúng ta, trong khi thể trí, thể tình cảm, và thể xác được đổi mới theo mỗi kiếp tái sinh, chúng chỉ là những dẫn thể tạm thời cho một kiếp sống. Nhân thể lưu giữ những kết quả của mỗi kiếp sống như những khả năng, những khả năng này được hấp thụ vào nhân thể sau sự chết của thể xác, và sự tan rã của thể tình cảm và thể trí.

SỰ TẠO THÀNH NHỮNG THỂ MỚI

Sau khi thể xác và thể phách kèm theo nó “chết”, chúng ta tiếp xúc với những môi trường thuộc cõi thanh nhẹ hơn trong một thời gian, xuyên qua thể tình cảm và thể trí. Nhưng rốt cuộc những thể này cũng “chết”, và chúng ta được trú ngụ trong nhân thể trường tồn (hay ít nhất trong thời gian dài). Trong nhân thể, những kinh nghiệm hữu ích của kiếp sống vừa qua được phối hợp dưới hình thức những khả năng gia tăng.

Khi những kinh nghiệm của kiếp vừa qua đã được hấp thụ và biến đổi thành những khả năng và năng lực gia tăng, thì sự ham muốn có nhiều kinh nghiệm hơn, một lần nữa lôi kéo chúng ta vào vòng tái sinh. Trước hết, chúng ta tự thu hút vào thể trí, và kế đó vào thể tình cảm, những thể mới này có cùng những đặc tính tổng quát với những thể mà chúng ta đã vứt bỏ lúc kết thúc kiếp luân hồi trước. Kế đó, chúng ta được sinh ra trong một thể xác mới, thể xác này được tạo ra theo cùng loại khuôn mẫu mà chúng ta đã có từ những kiếp quá khứ, mặc dù không nhất thiết phải cùng phái tính với kiếp vừa qua, và dĩ nhiên với những đặc tính di truyền từ cha mẹ mới, những đặc tính này thích hợp với nghiệp quả của chúng ta.

Đây là con đường của sự tiến hóa. Tốc độ phát triển do chúng ta định đoạt, tùy thuộc vào sự hữu hiệu trong việc thu góp kinh nghiệm đúng đắn, và mức độ kiểm soát mà chúng ta đạt được đối với những thể thấp của chúng ta. Có thể nói rằng đó

là sự trưởng thành mà chúng ta đạt được trong việc đối phó với những kinh nghiệm của cuộc sống. Như thế, có vô số sự sinh và tử, và vô số những thể thấp cần thiết cho mỗi chúng ta trên hành trình nhiều thiên niên kỷ.

CÂU HỎI ĐỂ NGHIÊN CỨU (chương 4)

1. Thế nào là sự liên hệ giữa bạn và cơ thể của bạn?
2. Những hình thể vật chất có mục đích để làm gì?
3. Thế nào là sự khác nhau giữa 3 thể tạm bợ và thể thứ tư hay thể trường tồn?
4. Diễn tả ngắn gọn thể tình cảm và thể trí.
5. Thể dĩ thái kép là gì? Nhiệm vụ của nó? Tại sao nó không phải là một thể thực sự?
6. Trong Minh Triết Thiêng Liêng, thể trường tồn được gọi là gì? Tại sao?
7. Giải thích sự quan trọng của màu sắc trong tư tưởng và cảm giác, và ý nghĩa của vài màu sắc. Ý nghĩa của màu sắc phản ánh như thế nào trong ngôn ngữ thông dụng hàng ngày của chúng ta. Thí dụ, thế nào là “tâm trạng đen”?
8. Loại kinh nghiệm nào được đồng hóa vào trong nhân thể?
9. Giải thích tại sao những thể dặt tâm thức đến thói quen tư tưởng, ham muốn và hành động?
10. Chúng ta phải có thái độ như thế nào đối với các thể của chúng ta?

CHƯƠNG 5

SỰ SỐNG SAU KHI CHẾT

Đối với chúng ta, câu “sự sống sau khi chết” có vẻ nghịch lý, nhưng nên nhớ, “chết” là một từ ngữ mơ hồ. Thường chúng ta dùng cùng chữ “chết” để chỉ sự chuyển tiếp ở cuối cuộc sống và tình trạng kế tiếp theo sau sự chuyển biến đó. Khi dùng một từ ngữ cho cả hai ý nghĩa như thế là việc không thích hợp, vì nó lẫn lộn một tiến trình với một trạng thái, làm cho chúng ta nghĩ rằng hai sự kiện này là một. Nó ngụ ý rằng một khi chúng ta đã chết, thì không còn gì nữa. Trái lại, chúng ta có hai từ ngữ hoàn toàn khác nhau để chỉ tiến trình bổ sung: “sinh” và trạng thái “sống”, gợi ý rằng tiến trình của sự sinh, đưa đến trạng thái mới của sự sống. Để cho sự phân biệt được rõ ràng và tránh vấn đề ngụ ý, nơi đây chúng ta dùng từ ngữ “chết” để chỉ tiến trình, và “sự sống sau khi chết” để chỉ trạng thái do kết quả của sự chết.

Minh Triết Thiêng Liêng giải thích tiến trình của sự chết và sự bước vào đời sống sau khi chết, nhờ đó làm giảm bớt tính cách bí hiểm và làm nhẹ đi lòng sợ hãi đối với cả tiến trình lẫn trạng thái. Thay vì là điều đáng sợ, không dám nghĩ đến, cả tiến trình và trạng thái, xuất hiện như cuộc phiêu lưu không thể tránh khỏi, thì chúng ta có thể chuẩn bị một cách thông minh, như cho một cuộc đi du lịch đến một xứ khác. Chúng ta phải góp nhặt thông tin về những điều kiện, và thực hiện những bước cần thiết để đối diện với những kinh nghiệm mới.

Chúng ta có thể nào được biết những gì xảy ra sau khi thể xác chết, hoặc thật sự biết được chúng ta có tiếp tục tồn tại chẳng? Trong “Ngôi Làng Nhỏ” của văn hào Shakespear đề cập đến điều này như sau: “nơi chưa được khám phá, từ đó không có du khách nào trở về,” nhưng thực ra chúng ta có nhiều tường trình về những gì xảy ra sau khi chết. Những tường trình này có được từ kinh nghiệm của những người sắp chết, những điều quan sát được của các vị có nhãn thông, và những truyền thống trong các tôn giáo lớn.

Sự tồn tại của tâm thức sau khi chết cũng là một kết luận đúng đắn, từ quan điểm về một thế giới như một nơi có trật tự hợp lý. Những kinh nghiệm của một đời người nếu mất đi thật là hoang phí. Như Manly Hall đã diễn tả: “Nếu nhà thần học

cho rằng có một tia lửa thiêng trong mỗi người, vậy thì chính tia lửa này không lệ thuộc thời gian và không thể bị hủy diệt; như thế, không có lý do gì cho rằng Thượng Đế trong Thiên Nhiên sống vĩnh viễn, còn Thượng Đế trong con người chết vĩnh viễn.”

Mỗi cá nhân là một người hành hương bất tử, có tương lai dài không thể tưởng tượng được so với đời sống của phàm nhân hiện tại. Đúng vậy, vì mỗi cá nhân là một đơn vị độc nhất, không có hai sự sống nào giống hệt nhau, thật là hợp lý khi cho rằng đối với mỗi người, sự sống sau khi chết cũng độc nhất, dù kiểu mẫu tổng quát có thể tương tự cho tất cả, giống như sự sống ở thế gian. Sự sống sau khi chết là một trạng thái chủ thể, phần lớn được xác định bởi thái độ, tư tưởng, và hoạt động của cá nhân, đó là mức độ của tâm thức đạt được trong suốt cuộc sống vừa hoàn tất.

Minh Triết Thiêng Liêng đoán chắc rằng bản ngã thật sự không chết sau khi chúng ta rời bỏ thể xác; nói đúng hơn, sau một thời gian, chúng ta sẽ linh hoạt hơn trước, vì chúng ta không còn gắn bó, và hết tùy thuộc vào vật chất đậm đặc của cõi trần. Sau khi chết, chúng ta chỉ ngưng sử dụng dẫn thể dùng để diễn đạt nơi cõi trần. Đường dây liên lạc đã bị cắt đứt, bỏ lại “dụng cụ tiếp nhận” đã chết, nhưng “con người” trước đây đã diễn đạt xuyên qua dụng cụ đó, vẫn luôn luôn hoạt động.

Theo truyền thống Minh Triết Thiêng Liêng và những gì được diễn tả bởi các người quan sát bằng thần nhãn, thì trạng thái sau khi chết xảy ra theo hai kiểu mẫu. Vài sinh viên cho rằng chỉ có một trong hai kiểu mẫu là bình thường, nhưng điều mà chúng ta có thể nói là chỉ có cả hai kiểu mẫu đã được diễn tả. Có kiểu mẫu khác nhau của sự sống, thì cũng có kiểu mẫu khác nhau của tình trạng sau khi chết. Cả hai kiểu mẫu đều đồng thuận trên vài phương diện, nhưng khác nhau trên những phương diện khác.

SỰ CHẾT VÀ THỂ DĨ THÁI KÉP

Hai quan điểm đồng ý rằng, khi một người tiến gần đến lúc chết, thể dĩ thái kép - (hay thể phách) là thể dẫn truyền năng lượng đến thể xác đậm đặc - rút ra và mang theo với nó lực sống và những thể cao. Cuối cùng chỉ còn sợi chỉ từ điển mỏng

manh, hay “sợi dây bạc”, nối liền thể phách với thể xác đang chết. Kế đó, trong một khoảng thời gian ngắn cuối cùng của tâm thức, những biến cố của kiếp sống vừa qua diễn ra nhanh trước mắt người chết; những người gần chết nhưng được cứu sống trở lại chứng thực rất rõ ràng sự kiện này. Cuối cùng, sợi dây dĩ thái này bị đứt, đánh dấu sự chết thực sự. Bây giờ, người ấy được bao bọc trong thể phách màu xám tím, nó bay lơ lửng bên trên thể xác đậm đặc một thời gian ngắn, trong trạng thái bình an, vô thức.

Như thế, tiến trình của sự chết không khác gì nhiều với sự đi ngủ, ngoại trừ trong giấc ngủ, thể phách vẫn còn nối liền với thể xác đậm đặc, cung cấp năng lực cho nó, nhưng ngược lại lúc chết, thể phách rút ra và sự nối kết bị cắt đứt. Những người hiện diện trong lúc “rút lui” có thể trợ giúp rất nhiều cho người chết đang trong tình trạng chuyển tiếp, bằng cách giữ yên lặng, bình tĩnh, và không xúc động đối kháng với những gì đang xảy ra.

Sau một thời gian, thay đổi trong một giới hạn nào đó, nhưng thường kéo dài một số giờ, con người bên trong hay linh hồn tự thoát ra khỏi thể phách và rời bỏ hoàn toàn khỏi cõi trần. Rồi thể phách cũng “chết” và từ từ tan rã, trong khi tâm thức của người ấy trụ vào thể tình cảm. Nói cách khác, thể tình cảm sống lâu hơn thể xác.

THỂ TÌNH CẢM TRONG SỰ SỐNG SAU KHI CHẾT

Như đã nói nơi chương trước, thể tình cảm hiện tồn trong một thể giới thanh nhẹ hơn bất cứ trạng thái bình thường nào của vật chất hữu hình, một lĩnh vực hiện tồn với các loại rung động của chính nó, từ những rung động rất thanh nhẹ đến những rung động nặng trịch. Sau khi chết, con người bị thu hút vào mức độ có đặc tính gần nhất với những cảm xúc quen thuộc của họ lúc còn sống. Thể tình cảm có một loại tâm thức tinh linh mơ hồ của chính nó, loại tinh linh này cảm thấy có sự thay đổi khi con người tách rời khỏi thể phách. Để tự bảo vệ chống lại bị tan rã, càng lâu càng tốt, nó lập tức tái sắp xếp những chất liệu mỏng manh của nó, làm thế nào để những rung động nặng nề thô kệch hơn tạo thành lớp vỏ ngoài cùng. Chỉ có những ảnh hưởng cùng loại mới có thể thâm nhập lớp vỏ bên ngoài này, để vào

được tâm thức bên trong. Vì thế, hầu hết những người mới chết chìm đắm vào một giấc ngủ vô thức.

Nếu một người trong lúc sống bị khống chế mạnh mẽ bởi những dục vọng thô kệch, khi chết sẽ thức tỉnh với những rung động cùng loại, trong một loại luyện ngục (purgatory). Dĩ nhiên, thể xác không bị đau đớn, nhưng người ấy phải tranh đấu với những dục vọng không thể thực hiện, vì không còn xác thân để thỏa mãn chúng. Tình trạng này không phải là sự trừng phạt, nó chỉ là kết quả không thể tránh khỏi của định luật thiên nhiên, kết quả của những nguyên nhân tác động trong cõi vật chất.

Những người có sở thích thanh cao và kiểm soát được nhiều sự thèm khát, sẽ không phải trải qua nhiều căng thẳng mạnh bạo của cảm xúc, vì ngay những phần đậm đặc thô kệch nhất của thể tình cảm của họ, cũng không dung chứa chất liệu rung động với những tần số thấp thời này. Họ trải qua một giấc ngủ được bảo vệ, trong khi những thành phần của thể tình cảm được sắp xếp, để loại bỏ những thứ thô kệch như một cái vỏ đã hư hoại, từ đó họ có thể được hấp thu vào nhân thể trường tồn của chân ngã luân hồi.

Về vấn đề này có hai quan điểm khác nhau. Một quan điểm cho rằng con người sau khi chết, phải ở vào tình trạng như ngủ suốt thời gian trong cõi tình cảm, và chỉ thức tỉnh trở lại trên cõi trí, được gọi là Devachan, một loại thiên đàng thuần chủ quan. Quan điểm này được phổ biến bởi những vị truyền dạy Thông Thiên Học vào thời kỳ đầu, để phản bác lại ý tưởng của những nhà Thần Linh Học cho rằng đồng tử có thể tiếp xúc với linh hồn người đã chết. Những nhà Thần Linh Học cho rằng sau khi chết, linh hồn sống một cách khách quan, có ý thức và có thể liên lạc tự do với người còn sống, ngay cả có thể hiện hình trong một buổi cầu hồn. Theo truyền thống Thông Thiên Học thì trong trường hợp bình thường, người sống không thể liên lạc với người chết xuyên qua đồng tử, mà chỉ có thể nâng cao tư tưởng một cách chủ quan lên mức độ của người đã chết.

Quan điểm khác cho rằng con người chỉ “như ngủ” qua những cấp độ thô kệch của cõi tình cảm, và đối với những cấp độ này, họ không có sự đáp ứng âm hưởng. Cho đến khi phần thô kệch tương ứng của thể tình cảm đã được loại bỏ, họ sẽ vượt lên những cấp độ cao hơn của cõi tình cảm, và thức tỉnh với sự sống rất giống với lối sống mà họ đã bỏ lại ở thế gian. Quan điểm này cho biết, những cảnh cao hơn của

cõi tình cảm rất giống như những phương diện thú vị của cuộc sống trần gian, dù ít có tính vật chất hơn. Khi linh hồn tiến đến những cấp độ này thì những tình cảm đã được thanh lọc hóa, vì thế những hình tư tưởng không còn kết dính với sự đam mê. Thật vậy, ở cấp độ này không còn chất liệu có thể đáp ứng với những tư tưởng và ham muốn vật chất nặng trịch.

Tuy nhiên có điều khác biệt quan trọng đối với sự sống cõi trần. Lúc ấy ta có thể thấy được tư tưởng, nên không thể hiểu lầm; sự liên lạc ở cõi này trên mức độ mà người bình thường đang sống trong thể xác có thể hiểu được. Cõi của tình cảm và tư tưởng được gọi là “vũ trụ không giới hạn,” nơi đây chất liệu sẵn sàng đáp ứng với tư tưởng, khi nghĩ về một vật, vật đó tức khắc được tạo ra, dù nó có thể tan biến lúc tư tưởng hướng về nó không còn nữa.

Người chết sẵn sàng liên lạc với người sống trong lúc người sống đang ngủ, nhưng khi người sống đang thức, người chết không thể liên lạc được với người mà tâm thức vẫn còn tập trung vào cõi trần. Tư tưởng thương yêu từ các bạn bè còn sống, và những lời cầu nguyện cho người chết, nếu không kèm theo cảm xúc buồn rầu, thường là một nguồn trợ giúp, làm phấn khởi cho người vừa mới vào cõi tình cảm. Tuy nhiên, sự sâu khổ quá đáng của những người còn sống, làm cho người chết không yên tâm, và có thể ngăn trở tiến trình đi lên trong một thời gian.

CÔI TRỜI CHÂN PHÚC VÀ THỂ TRÍ

Trong bất cứ trường hợp nào, hoặc người chết ngủ suốt toàn thời gian ở cõi tình cảm hay chỉ ngủ trong phần thấp của cõi đó, thế giới tình cảm không kéo dài mãi mãi. Bất cứ phẩm tính của con người trong cuộc đời quá khứ như thế nào, rốt cuộc những ham muốn cảm xúc của mỗi người sẽ được tẩy sạch. Người ta ước tính thời gian trung bình từ hai mươi đến bốn mươi năm, để một người sau khi chết kinh nghiệm ở cõi tình cảm. Sau đó người ấy thức tỉnh ở một vùng thích thú, thuận lợi hơn. Sự thức tỉnh này được so sánh với sự bước vào cuộc sống thiên đàng được diễn tả trong nhiều tôn giáo.

Tính chất đặc biệt của thế giới thiên đàng hay Cõi Trời Chân Phúc (Devachan) là sự phúc lạc tăng cường. Cõi Trời Chân Phúc gồm bốn cảnh thấp của cõi trí (mà

chúng ta đã nhắc đến nơi chương 4, như là vùng của thể trí), đến cảnh cao nhất của nhân thể. Ở thế giới này không thể có sự xấu ác và thống khổ, vì chúng đã được giải quyết và bỏ lại trong cõi trần và cõi tình cảm. Nó cũng là một thế giới mà năng lực đáp ứng với nguyện vọng, và chỉ bị giới hạn bởi khả năng khát vọng của cá nhân. Nó là vùng đất của lòng mong ước trong tâm con người, vì trong Cõi Trời Chân Phúc chúng ta tạo ra thế giới thích hợp nhất cho chính chúng ta. Cõi Trời Chân Phúc còn có nghĩa “đất của những vị thần minh”, là nơi an ủi cho những đau khổ và thất vọng của cuộc sống thế gian.

Cõi Trời Chân Phúc không phải là một nơi chốn, mà là một trạng thái tâm thức, trong đó năng lượng đã được tăng cường đến một cấp độ rất cao. Con người có năng lực thông hiểu trọn vẹn mỗi tình huống. Khi nghĩ đến một nơi, người ấy hiện diện ngay nơi đó; khi nghĩ đến bạn bè thân yêu, người ấy gặp ngay họ. Đó là một thế giới hạnh phúc không thể tả, những khát vọng của con người trở thành hiện thực.

NHÂN THỂ GIỮA NHỮNG THỜI KỲ LUÂN HỒI

Thời gian ở Cõi Trời Chân Phúc dài hay ngắn tùy theo nhu cầu từng cá nhân. Sau khi những nhu cầu này đã được thực hiện ở bốn cảnh thấp của cõi trí, con người thức tỉnh trên ba cảnh cao hơn, nơi đây mọi khả năng vĩnh viễn gặt hái được trong suốt kiếp sống vừa qua được sát nhập vào nhân thể (như đã đề cập nơi chương 4). Sau khi đã qua hết một vòng luân hồi, giờ đây cái ngã bắt tử trở về quê hương và sống một thời gian ở nơi riêng của nó. Đối với phần đông con người, đây chỉ là một thời gian ngắn trong trạng thái tâm thức mơ màng, chỉ đủ cho người ấy nhận thức những sự kiện quan trọng trong cuộc sống đã qua, và tích trữ những điều tốt còn lại để sử dụng trong tương lai dưới hình thức lương tâm và lý tưởng.

Thời gian lưu trú nơi cõi của nhân thể lâu hay mau tùy theo từng trường hợp, sau thời gian này, con người lại cảm thấy khao khát có được kinh nghiệm nhiều hơn. Kế đó, họ thấy một viễn ảnh về kiếp luân hồi sắp tới, và linh hồn thoáng thấy con đường trước mặt. Thế rồi, nhịp điệu sự sống của con người thúc đẩy họ vào tiến trình thu góp và kiến tạo một bộ những thể mới cho kiếp tái sinh sắp tới. Chính

lòng mong muốn của linh hồn và sự cần thiết có thêm kinh nghiệm ở những cõi thấp, mang nó trở vào vòng sinh tử. Chu kỳ này được lặp đi lặp lại mãi cho đến khi triển vọng học hỏi và phát triển xuyên qua tiến trình này đã cạn, và linh hồn đứng trên ngưỡng cửa vào hàng thân mình.

CÂU HỎI ĐỂ NGHIÊN CỨU (chương 5)

1. So sánh ý tưởng thông thường với ý tưởng của Minh Triết Thiênêng Liêng về sự chết được diễn tả trong chương này.
2. Liệt kê những nguyên nhân và bằng chứng tạo niềm tin về sự sống sau khi chết, mà bạn thấy có sức hấp dẫn.
3. Diễn tả tiến trình của sự chết của người bình thường và tình trạng ngay sau khi chết, theo sự hiểu biết về Minh Triết Thiênêng Liêng.
4. Thể tình cảm tự tái sắp xếp như thế nào trong trạng thái sau khi chết?
5. Minh Triết Thiênêng Liêng giải thích như thế nào về bản phận đối với tình trạng sau khi chết của chính chúng ta?
6. Trong tình trạng sau khi chết, Minh Triết Thiênêng Liêng cho biết thế nào sự liên hệ về mức độ của đời sống tình cảm, với kinh nghiệm ngay tức khắc của chúng ta trên cõi tình cảm, với những cảnh khác nhau của nó?
7. Khi sống, thái độ trí tuệ và tình cảm của chúng ta phải như thế nào đối với cái gọi là sự chết?
8. Hai quan điểm của MTTL về sự sống sau khi chết khác nhau thế nào?
9. Điều gì định đoạt thời gian lưu trú trong cõi tình cảm, và trong cõi Thiên Đàng hay Cõi Trời Chân Phúc (Devachan)?
10. Mục đích của Cõi Trời Chân Phúc là gì?
11. Điều gì xảy ra sau thời gian ở Cõi Trời Chân Phúc?

CHƯƠNG 6

LUÂN HỒI

LUÂN HỒI LÀ MỘT KHÁI NIỆM CĂN BẢN của Minh Triết Thiêng Liêng. Nó là chìa khóa mở cánh cửa hiểu biết nhiều hơn về đời sống con người, nếu không có nó thì đời sống con người vẫn còn rất khó hiểu. Ở các nước Tây phương, phần đông dân chúng chấp nhận quan điểm về một linh hồn mới, được tạo ra cùng với thể xác. Tuy nhiên, gần đây sự tin tưởng về luân hồi được phổ thông hóa và lan truyền rộng rãi. Những cuộc thăm dò ý kiến của viện Gallup vào thập niên 1980 cho biết, 23 phần trăm người Mỹ trưởng thành và 27 phần trăm vị thành niên chấp nhận ý tưởng về luân hồi. Trong các tôn giáo ngày nay, sự thích thú tìm hiểu về thuyết luân hồi đã được khôi phục, và các nhà tâm lý học cũng thường thảo luận về đề tài này.

Người suy nghĩ sâu sắc không thể chấp nhận ý tưởng cho rằng một vị Thượng Đế từ ái, lại cho phép người xấu ác vui hưởng giàu sang, dư thừa của cải vật chất, trong khi người tốt phải sống trong cảnh nghèo túng, thiếu thốn. Một vị Thượng Đế ban phát trí thông minh và tài năng nghệ thuật cho một số người, trong khi không cho người khác những phúc lợi này, hoặc phú cho một số người có cơ thể khỏe mạnh đẹp đẽ trong khi lại bắt những người khác phải gánh chịu một cơ thể đau ốm khuyết tật. Ta thấy vô số những sự bất công như thế ở quanh ta. Người biết suy tư và có lòng trắc ẩn tự hỏi: làm thế nào họ có thể chấp nhận ý tưởng về một vị Thượng Đế công bằng và từ ái, nếu quả thật mỗi linh hồn là một thực thể được sáng tạo hoàn toàn mới lúc sinh ra?

Từ lâu, đó là một tình trạng rất khó nói cho thế giới Tây phương, mà giải đáp của họ là “theodicy”, tức Thượng Đế tốt lành dù có sự hiện tồn của điều xấu ác, theo từ ngữ Hy Lạp *theos* “god” và *dike* “justice” (sự công bằng), định nghĩa trong từ điển Merriam-Webster ‘s Collegiate như sau: “biện hộ sự tốt lành và toàn năng của Thượng Đế trong hoàn cảnh có sự hiện tồn của điều xấu ác.” Đó là chủ đề của 4 tác phẩm rất khác nhau được kể sau đây: quyển Thánh Kinh của Job, bài trường ca “Thiên Đường Đã Mất” của Milton, quyển tiểu thuyết ở thế kỷ 19 “Moby Dick” của Melville, và quyển sách nhỏ “Vấn Đề Đau Khổ” của C.S. Lewis. Dưới hình

thức này hay hình thức khác, đó là câu hỏi thách thức tất cả chúng ta vào những trường hợp khác nhau trong cuộc sống.

Minh Triết Thiêng Liêng có giải thích về nghi vấn ấy, nhưng nơi đây chúng ta chỉ tập trung chú ý vào một sự kiện, đó là ý niệm về luân hồi. Nhưng nếu không xét ý niệm này theo cách thức đơn giản và tầm thường, chúng ta cần có một bài luận giải rộng lớn hơn. Mỗi người trong chúng ta là một phần tử của sự sống thiêng liêng đang tiến hóa – Trí Tuệ thiêng liêng vốn hiện hữu trong mỗi phần tử của tạo vật. Mặc dù đáng thiêng liêng vừa siêu việt vừa nội tại trong thế giới này, ý tưởng cũ về Thượng Đế, cho ngài là “Cha Trên Trời”, bày ra những trò chơi tàn nhẫn không giải thích được đối với con cháu của chính ngài, trong khi đó đòi hỏi chúng phải thương yêu ngài vô điều kiện, điều này không thể chấp nhận được đối với nhiều người hiện nay.

Hơn nữa, hầu hết mọi người đều đồng ý rằng với thời gian, điều gì có bắt đầu thì sẽ có chấm dứt. Thế mà có những người tán đồng quan điểm truyền thống cho rằng linh hồn có một tương lai vô tận, mặc dù nó không có quá khứ. Quan điểm này thật vô lý hơn sự tưởng tượng cây gậy chỉ có một đầu.

LUÂN HỒI VÀ TIẾN HÓA

Minh Triết Thiêng Liêng coi luân hồi như là một định luật liên hệ đến sự tiến hóa của nhân loại, trong sự phát triển tinh thần, cũng như sự phát triển hình thể vật chất. Có vài giả thuyết liên hệ đến trạng thái sau khi chết. Giả thuyết thứ nhất cho rằng không có trạng thái nào sau khi chết. Giả thuyết thứ hai cho rằng theo một cách thức nào đó, ít nhất là đối với những người xứng đáng vào cõi thiên đàng, sự chết làm cho con người được hạnh phúc, khôn ngoan, và tốt lành. Giả thuyết thứ ba cho rằng sự sống sau khi chết tạo cơ hội để con người tiếp tục tăng trưởng và phát triển, nhưng ở một thế giới khác với cõi trần. Giả thuyết thứ tư cho rằng linh hồn trở đi trở lại thế gian để học hỏi tất cả những gì ở trường đời, giống như sinh viên trở lại trường học ngày này qua ngày khác, năm này qua năm khác cho đến khi ra trường.

Giả thuyết thứ nhất trái ngược với quan điểm của tập thể nhân loại từ những ngày đầu tiên của thời tiền sử. Khi ấy con người đã đối xử với xác thân người chết theo những cách thức đặc biệt, cho thấy rõ họ mong chờ chúng tồn tại trong một hình thức nào đó. Tương tự như thế, tất cả tôn giáo trên thế giới và những trường phái triết học lớn đều cho rằng tâm thức con người vẫn còn tồn tại sau khi chết. Ít nhất, phần đông ý kiến quần chúng chống lại giả thuyết này.

Giả thuyết thứ hai có vẻ không hợp lý. Vì khi xác thân mục nát, tâm thức phải tiếp tục tình trạng lúc trước khi chết. Khi quan sát, chúng ta sẽ nhận thấy trong suốt cuộc sống thế gian, dù cố gắng cách mấy, tâm thức phát triển rất chậm chạp, khó mà mong đợi trong một thời gian ngắn sau khi chết, thành linh chúng ta trở nên phát triển hoàn toàn. Theo giả thuyết này, nó không phát triển liên tục, như chúng ta nhận thấy chung quanh; mà là một sự đột phá mãnh liệt, và ta thành linh trở thành người xa lạ đối với chính ta.

Giả thuyết thứ ba cho rằng sau khi chết, chúng ta tiếp tục tự phát triển nơi thế giới không vật chất. Những người phản đối giả thuyết này cho rằng, sự hiểu biết của linh hồn về tình trạng thế gian và sự sống con người, không thể nào được thực hiện hoàn hảo dưới những điều kiện hoàn toàn thay đổi sau khi chết. Nếu điều này có thể xảy ra, thì khó có thể giải thích tại sao con người cần phải nhập vào xác thân vật chất. Vì chúng ta có một đời sống thế gian, đời sống này phải phục vụ cho mục đích trong tiến trình tiến hóa. Như đã nói lúc trước, con người chỉ đạt được sự nhận thức nhờ có những giới hạn. Sau khi chết, con người thoát khỏi mọi giới hạn của cuộc sống thế gian, vì thế khó có thể tạo ra những điều kiện cần thiết để đạt được sự nhận thức đầy đủ, chính sự nhận thức này là mục đích của sự tiến hóa.

Vì thế, Minh Triết Thiêng Liêng bác bỏ ba giả thuyết đầu, và chấp nhận giả thuyết thứ tư, vì nó hợp lý nhất và hài hòa với quan niệm về một hệ thống có trật tự. Trường học là một thí dụ tương tự thích hợp. Mọi người đều biết, ta không thể nhận lãnh bằng cấp đại học, khi chỉ mới học xong lớp đầu tiên trường tiểu học hoặc lớp mười hai trường trung học. Chúng ta phải học hết chương trình trong một phân khoa đại học mới có thể lấy chứng chỉ đại học. Trong chương trình giáo dục, chúng ta phải hoàn tất một giai đoạn, trước khi tiến lên giai đoạn kế tiếp. Như thế, muốn hoàn tất sự học hỏi trong vũ trụ, chúng ta buộc phải tham dự vào trường đời.

Từ ngữ *reincarnation* (*luân hồi*) có nguồn gốc từ *re* “lần nữa,” *in* “vào trong,” và *carn* “thịt”. Như thế, nó có nghĩa là “vào trở lại xác thân.” Nói khác đi, chúng ta là những tinh thần thông tuệ, những tia của sự sống đức Thượng Đế, được bao bọc trong những thể làm bằng vật chất với nhiều mức độ khác nhau. Chúng ta xuống cõi trần để học hỏi. Chúng ta phải đi xuyên qua một chuỗi dài vô số cuộc sống thế gian, để phát triển những năng lực tiềm tàng, bằng cách tranh đấu với những hoàn cảnh và trong một hệ thống liên hệ với bao người khác.

Qua mỗi kiếp sống trở lại trong xác thân, chúng ta góp nhặt kinh nghiệm để đến giai đoạn giữa hai kiếp luân hồi, chúng ta biến đổi chúng thành khả năng và năng lực cần thiết cho sự phát triển tinh thần. Tiến trình này có lẽ giống với cách thức thực phẩm được ăn vào và biến đổi thành chất bổ dưỡng cho cơ thể, qua những giai đoạn tiêu hóa và hấp thụ. Hoặc trở lại sự so sánh với một trường học, học sinh có những giai đoạn phải học rất tích cực, trong thời gian này chúng nhồi nhét những điều được chỉ dạy vào đầu, kể đến có những thời kỳ mà tất cả những điều đã học hỏi, được biến đổi thành kiến thức và kinh nghiệm.

Tiến trình đồng hóa, dù là thực phẩm, kiến thức, hay kinh nghiệm, đều xảy ra trong tầng lớp vô thức của chúng ta. Sự đồng hóa những kinh nghiệm góp nhặt được trong suốt kiếp sống sẽ xảy ra sau khi chết, ở một mức độ bên ngoài sự nhận thức nơi cõi trần và mục đích của chúng ta. Sau đó chúng ta trở lại với một thể xác mới được trang bị tốt hơn, để tiếp tục tham dự vào trường đời ở một cấp độ cao hơn.

Đôi khi ta thấy một kiếp luân hồi có vẻ như thất bại, trong kiếp sống ấy, chân ngã không thể ảnh hưởng gì đối với phàm ngã, và con người tiến bộ rất ít. Thật ra còn có thể coi như bị thụt lùi, khi những cơ hội phát triển bị lãng phí, giống như những học sinh bị rớt, phải học trở lại lớp cũ, vì chúng không muốn, hay không thể làm hết những gì mà nhà trường đòi hỏi. May thay, trường hợp này cũng rất hiếm. Tuy nhiên, cuối cùng không có gì lãng phí, vì sự thất bại cũng là cách thức giáo dục, nó có thể góp phần làm mạnh thêm sự xác quyết, để linh hồn có được nỗ lực mới trong kiếp tái sinh.

Sự luân hồi như một phương tiện để tiến hóa, có thể bị nhầm lẫn với một ý tưởng khác, đó là sự trở lại cuộc sống trần gian của con người trong thể xác của con vật (đôi khi được gọi là “sự chuyển hồn – transmigration”, dù từ ngữ này cũng có ý nghĩa khác). Sự trở lại của tâm thức con người vào thể xác thú vật trái với luật tiến

hóa. Trong chương sau, chúng ta sẽ thấy chân thân con người đi vào dòng tiến hóa vào cuối của chu kỳ tiến hóa thú vật, từ đó bắt đầu chu kỳ con người. Một khi sự sống đã trở nên cá nhân hóa trong loài người, nó chính thức đi vào một giai đoạn mới của sự tiến bộ, và từ đó nó không trở vào lại hỗn độn của loài thú. Thật kỳ lạ nếu điều này xảy ra, kỳ lạ như một sinh viên đại học ghi danh học lại lớp đầu tiên trong một trường tiểu học.

Theo thuyết luân hồi, chúng ta giống như những sinh viên thuộc mọi cấp độ khác nhau. Những sinh viên ghi danh học những năm khác nhau tùy theo trình độ mà họ đã có. Tương tự như thế, một số người tiến bộ nhiều vì họ vào rất sớm chu kỳ sinh, tử trong hiện tại, hoặc họ đã cố gắng thật nhiều để học những bài học của cuộc sống. Những người khác vào chu kỳ này trễ hơn, hoặc không chuyên cần cố gắng, cho nên ít tiến bộ. Tất cả mọi người, tội phạm hay bậc thánh, khờ dại hay khôn ngoan, đều chia sẻ cùng một sự sống thiêng liêng, và đều có những cơ hội bằng nhau để phát triển. Sự khác nhau là chúng ta biết sử dụng thời gian để phát triển, hoặc biết nắm lấy những cơ hội cho sự tiến bộ.

Hơn nữa, mỗi cá nhân phải học hỏi theo những thứ tự khác nhau, người tội phạm hay người khờ khạo phải học một số bài học đặc biệt, mà bậc thánh hay người thông minh không cần phải học. Nên biết, ngay một linh hồn gần hoàn hảo, vẫn có thể còn thiếu sót vài phẩm chất căn bản, mà những người kém tiến hóa hơn đã có, tuy những người này thua kém hơn họ về tất cả những phương diện khác. Ta có thể so sánh linh hồn ấy như một sinh viên đã thông hiểu mọi môn học, ngoại trừ môn địa lý, người sinh viên này tiến chậm hơn những sinh viên khác về môn địa lý, nhưng dẫn đầu trong tất cả các môn học khác.

Mọi sự học hỏi đều theo một khuôn mẫu hình xoắn ốc. Chúng ta học một điều gì, sau đó gần như quên đi, vì thế chúng ta cần học lại. Nhưng khi học lại vấn đề, chúng ta không bắt đầu cùng một tình trạng không biết gì như lần đầu tiên. Chúng ta vẫn còn nhớ một số ít điều, vì thế sự học lại sẽ dễ dàng hơn. Nếu bạn từng cố gắng học thuộc lòng một bài thơ, học cách đánh máy, hoặc tập chơi golf, bạn sẽ nhận thấy khuôn mẫu hình xoắn ốc của sự học, quên đi, và học trở lại. Những bài học của cuộc đời cũng xảy ra giống như vậy.

Những kinh nghiệm cũ được tóm tắt lại vào lúc bắt đầu một công việc mới. Đối với chu kỳ ngắn ngủi của đời sống con người, toàn thể sự tiến hóa vật chất được

tóm lược theo một cách thức nào đó trong giai đoạn thai nghén, và toàn thể sự tiến hóa tâm lý được tóm lược trong giai đoạn từ lúc thơ ấu đến lúc trưởng thành. Hiện tại, chúng ta đang trên đường tiến hóa theo hình xoắn ốc của nhân loại. Khi đến giai đoạn siêu nhân loại, những kinh nghiệm dồi dào được chuyển hóa thành năng lực để đối phó với những thử thách của sự tăng trưởng ở giai đoạn còn cao hơn nữa, tương tự như chúng ta trong tình trạng hiện tại đối với những gì được coi là thiêng liêng. Tuy nhiên, trước khi đạt đến giai đoạn cao cả ấy, chúng ta cần tiếp tục con đường học hỏi theo hình xoắn ốc thuộc nhân loại, và đó là mục đích của sự luân hồi.

NĂNG LỰC GIẢI THÍCH CỦA THUYẾT LUÂN HỒI

Thuyết luân hồi giải thích tại sao có những sự khác biệt ở chung quanh chúng ta, mà những sự khác biệt này không do di truyền hay môi trường. Di truyền hoặc môi trường, tự chúng không thể giải thích những khác biệt hầu như vô tận về thiên tài, khả năng, và sự khéo léo của con người. Nếu thuyết luân hồi được chấp nhận như một giả thuyết có giá trị, dù không có chứng minh cụ thể, thì những sự khác biệt như thế rất dễ hiểu: đó là mỗi linh hồn khi nhập vào xác thân vật chất, đem theo với nó kết quả của các kiếp quá khứ. Tài năng không phải quà tặng, mà là kết quả của những cố gắng đặc biệt trong nhiều kiếp sống.

Thuyết luân hồi cũng giải thích những cách thức khác nhau để nhân loại phân biệt thế nào là phải hay quấy. Môi trường không thể giải thích được điều đó, vì một linh hồn sống trong hoàn cảnh khó khăn, có thể có lương tâm phát triển cao độ, trong khi một người sinh ra và sống trong một hoàn cảnh dễ dàng, thành đạt, có học vấn, lại không có ý thức nào về đạo đức. Lương tâm là kết quả của quá khứ, là sự ghi nhận không thể tẩy xóa được từ những bài học cũ, thuộc những cơ thể khác nhau trong quá khứ. Chúng ta không thể mong đợi mọi linh hồn đều có cùng tiêu chuẩn xử thế và đạo đức, mặc dù tất cả đều có cùng khả năng phát triển những tiêu chuẩn này. Dĩ nhiên, chúng ta không nên nhầm lẫn những quy ước và tập tục của một nền văn hóa đặc biệt, thúc đẩy sự tiến hóa nhanh hơn và “tốt” theo ý nghĩa tổng quát.

Thuyết luân hồi cũng giải thích tại sao có những người nam hay nữ biểu hiện tính dục khác với đặc tính sinh lý bình thường. Cái ngã bên trong không có phái tính, trong một kiếp sống, nó mang thân xác người nam, trong một kiếp khác, nó mang thân xác người nữ. Qua một chuỗi kiếp sống, khi nó trú ngụ trong những xác thân người nam, nó kinh nghiệm sự sống theo cách thức nam giới; đến kiếp khác, nó ở trong thể xác người nữ, những đặc tính của nam giới vẫn còn, trong khi nó cần phải phát triển kinh nghiệm đáp ứng theo chiều hướng nữ giới. Cũng giống thế, một người đã học những bài học nữ tính trong một số kiếp sống, đến kiếp này mang lấy thể xác nam giới, người ấy cần phải cố gắng để điều chỉnh. Có nhiều yếu tố liên hệ trong việc hướng dẫn tính dục, và ý niệm về luân hồi là một trong những yếu tố đó.

AI TIN TƯỞNG VÀO THUYẾT LUÂN HỒI?

Ý tưởng về sự luân hồi không có gì mới mẻ hay khó kiếm. Nó được dạy trong những thiên hùng ca của Ấn Giáo, trong những bản văn của người Ai Cập, trong những bài thuyết pháp của đức Phật, và trong giáo lý của phái Pythagore ở Hy Lạp. Thuyết này được chấp nhận và dạy trong nhiều nhóm người Do Thái ở thời Josephus, cũng như về sau trong kinh Kabbalah. Nó khá phổ biến trong thời kỳ đầu của Cơ Đốc Giáo. Trong hiện tại, nhiều người Cơ Đốc Giáo chân chính nghiên cứu lý thuyết này, coi nó như một giả thuyết hợp lý và nhận thấy rằng nó thích hợp với tôn giáo của họ.

Chính đức Jesus đã gián tiếp chấp nhận thuyết luân hồi khi ngài nói với những môn đồ: “John the Baptist là Elijah trở lại” (Mathew 11:14, 17:10-13, và trong Malachi 4:5). Origen, một trong những vị linh mục Cơ Đốc Giáo có học vấn uyên thâm, đã dạy về sự hiện hữu từ trước của linh hồn, giống như thuyết luân hồi. Tuy nhiên, những giáo huấn đầu tiên của những vị linh mục Cơ Đốc Giáo và những người theo phái Trực Quan (Gnostics), dần dần trở nên bị hiểu lầm. Vào năm 553 sau Thiên Chúa, Hội Nghị Giáo Hội Cơ Đốc Giáo tại Constantinople đã tuyên bố: bất cứ ai tán trợ cho thuyết luân hồi phải bị “rút phép thông công” (anathema). Từ đó thuyết luân hồi đã bị chính thức bãi bỏ khỏi Cơ Đốc Giáo.

Tuy nhiên, niềm tin về luân hồi vẫn âm thầm tồn tại trong văn hóa Tây Phương, nó được duy trì ở rải rác nơi này hoặc nơi kia, bởi những người có một tầm nhìn huyền bí và can đảm nói ra lòng tin xác quyết của họ. Trong số những người tin tưởng vào thuyết luân hồi, có những vị nổi tiếng như: Browning, Emerson, Goethe, Aldous Huxley, Schopenhauer, Shelley, Tennyson, Whitman, và Whittier. Thomas Edison, nhà phát minh người Mỹ, và nhà kinh doanh Henry Ford, cũng như thi sĩ được vinh danh của Anh Quốc, John Masefield, được biết là chấp nhận thuyết luân hồi. Đại tướng George Patton trong cuộc chiến tranh thế giới thứ hai, cũng vững tin sự thực tại của thuyết luân hồi.

Công trình đặc biệt đáng kể là của bác sĩ giáo sư tâm thần học Ian Stevenson, trong nhiều năm làm trưởng Khoa Tâm Thần tại trường y khoa thuộc Viện Đại Học Virginia. Stevenson đã cống hiến trọn đời làm việc cho công cuộc nghiên cứu những trường hợp nhớ lại kiếp quá khứ, và những hiện tượng liên hệ, trong số nhiều người thuộc các nền văn hóa khác nhau trên khắp thế giới, đặc biệt trong số trẻ em. Những kết quả mà ông khám phá, và những trường hợp nghiên cứu được đăng tải trong một số sách, cho thấy những chi tiết chính xác về trí nhớ kiếp trước. Stevenson đánh giá cao mọi giải thích về những sự kiện này, và đã có kết luận đối với một số lớn trường hợp, sự giải thích đơn giản và hay nhất là những trường hợp này biểu hiện thực tế: trí nhớ về những kiếp sống quá khứ.

Gần đây, Stevenson đã nghiên cứu về những dấu vết và dị tật bẩm sinh, chúng cho thấy sự tương ứng với những biến cố ghi nhận được từ kiếp quá khứ. Trong quyển sách về đề tài này dành cho quần chúng “Thuyết Luân Hồi và Sinh Vật Học Gặp Nhau Nơi Đâu?”, ông kết luận bằng một “Thảo Luận Tổng Quát”, trong đó ông cho biết:

Nếu chấp nhận một con người có thể tồn tại và tái sinh sau khi thể xác chết, chúng ta có thể thắc mắc, những nét đặc trưng nào có thể được chuyển từ một kiếp sống này sang một kiếp sống khác. Tôi nhận thấy chữ diathanatic (có nghĩa: “mang theo xuyên qua sự chết”) rất hữu dụng để diễn tả sự sắp xếp những thành phần nào của người quá cố có thể diễn đạt trở lại trong thân xác mới. Như thế, phần nào sẽ được mang theo? Qua những trường hợp mà tôi đã biết, thì những phần này có thể gồm: vài nhận thức về những biến cố thuộc kiếp trước; điều ưa thích hay ghét bỏ và nhiều thái độ khác; trong vài trường hợp, những di tích còn lại từ các vết thương cơ thể hay những dấu vết khác trên thể xác kiếp trước. [181-2]

Thật hữu ích nếu những yếu tố mà con người được mang theo xuyên qua sự chết, do Stevenson trình bày, được phân chia thành hai nhóm: (1) “những điều ưa thích cũng như ghét bỏ trên nhiều phương diện, và những thái độ khác,” mà trong truyền thống Ấn Độ được gọi là “uẩn” (skandhas), từ ngữ này chỉ tính khí của chúng ta trong sự đáp ứng với thế giới chung quanh theo cách thức riêng biệt. (2) “vài nhận thức về những biến cố thuộc kiếp trước... và trong vài trường hợp những di tích của vết thương cơ thể hoặc dấu vết khác trên thể xác kiếp trước.” Truyền thống Minh Triết Thiên Liêng cho biết tất cả mọi người đều chịu ảnh hưởng bởi những “uẩn”, những “ưa thích hay ghét bỏ và những thái độ khác” từ kiếp quá khứ. Nhưng truyền thống này không nói đến những “nhận thức về các biến cố thuộc kiếp trước” hay “di tích đặc biệt của những vết thương cơ thể hoặc những dấu vết khác trên thể xác kiếp trước.” Do đó, nghi vấn được nêu ra do sự khác biệt này.

KÝ ỨC CỦA NHỮNG KIẾP QUÁ KHỨ

Một câu hỏi không thể tránh khỏi là: “Nếu tôi đã sống trước kia, tại sao tôi không nhớ?”. Câu hỏi này được giải đáp bởi giáo huấn Minh Triết Thiên Liêng về bản chất của trạng thái giữa những kiếp luân hồi. Hầu hết trí nhớ chi tiết của chúng ta (về sự kiện, nơi chốn, con người, và những sự việc tương tự, những mẫu nhận thức vụn vặt) được nối kết với bộ óc xác thân. Khi thể xác chết, tâm thức của bộ óc xác thân bị mất, mặc dù dư âm của nó vẫn còn duy trì một thời gian ở mức độ thực tại thanh nhẹ hơn. Thường có một khoảng cách khá lâu giữa xác thân đã chết và xác thân mới. Vào lúc chúng ta tái sinh, âm hưởng về những chi tiết của kiếp sống quá khứ không còn tác động nữa. Đến khi có được não bộ mới, chúng ta cũng có thể trí và thể tình cảm mới, các thể mới này không mang di tích về những ký ức đặc biệt của quá khứ.

Những trường hợp được ông Stevenson khảo sát có một số đặc điểm ngoại lệ. Thường kiếp sống trước bị chết sớm do tai nạn, do bệnh đột ngột, hoặc bạo lực, trong khi phạm ngã còn quá trẻ. Bài học của kiếp trước chưa hoàn tất, họ nhanh chóng được tái sinh trong vùng có cùng một nền văn hóa tổng quát và địa dư, để cho linh hồn có thể tiếp tục công việc đã bị gián đoạn. Linh hồn trở lại trong một thể xác mới mà không mất đi thể tình cảm và thể trí cũ, vì thế nó mang vào não bộ

mới những âm vang của trí nhớ từ kiếp trước. Trong những trường hợp điển hình, ký ức của quá khứ biểu lộ sớm trong kiếp mới rồi dần dần mờ nhạt đi, khi đứa bé đến tuổi dậy thì, ký ức cũ được thay thế bằng ký ức mới của kiếp hiện tại.

Mặc dù hầu hết chúng ta thường không nhớ những chi tiết cụ thể về cuộc đời quá khứ, nhưng tất cả chúng ta đều nhớ điều quan trọng nhất trong những kiếp trước, điều mà ta gọi là lương tâm, khát vọng, lý tưởng, và khả năng bẩm sinh. Chúng ta cũng “nhớ” những cách hành xử theo thói quen cũ, những uẩn. Phương pháp của Thiên Nhiên là gạn lọc ra những gì có giá trị và loại bỏ những chi tiết; chi tiết chỉ là hình thức xuyên qua đó chân lý biểu hiện. Hình thức sẽ tan rã, nhưng chân lý và thói quen còn tồn tại. Bằng trực giác, ta cũng có thể nhận ra những người mà ta đã có liên hệ từ kiếp quá khứ. Và đôi khi trong vài điều kiện đặc biệt, chúng ta có thể nhớ, hay do một hoàn cảnh nào đó “chạm” vào những chi tiết đặc biệt thuộc quá khứ, vì quá khứ vĩnh viễn còn đó, tuy hầu hết mọi người không biết cách thấy lại nó theo ý muốn.

Phàm ngã chỉ tồn tại cho một kiếp sống. Nhưng chân ngã tồn tại xuyên qua ranh giới của sự chết và sự sinh, nó là sợi dây nối liền những phàm ngã khác nhau thuộc những kiếp luân hồi của chúng ta. Quan điểm của Stevensons là sử dụng sự phân biệt quan trọng này, để giải thích lý do chúng ta tán trợ thuyết luân hồi, mặc dù thiếu minh chứng đặc biệt về những kiếp quá khứ:

Chúng ta có thể thông hiểu nhiều hơn lý do bị mất một số ít hay nhiều những gì của phàm ngã theo sau cái chết, bằng cách phân biệt giữa phàm ngã và chân ngã. Khi nói đến chân ngã, tôi ám chỉ tất cả những đặc điểm, ấn dấu hoặc hiển lộ, mà một người có từ một đời hoặc nhiều đời trước, cũng như từ đời này. Khi nói đến phàm ngã, tôi ám chỉ mọi phương diện được diễn đạt trong hiện tại hoặc có khả năng diễn đạt.[182]

Ta có thể ví chân ngã như một diễn viên đóng nhiều vai trò, phô diễn vài phần của chính họ trong mỗi vai trò, sử dụng mọi khả năng và tài khéo léo phát triển được qua những vai trò mà họ đã đóng trước kia, nhưng họ hoàn toàn đặt những vai trò cũ qua một bên, mà chỉ tập trung vào vai trò đang đóng. Thí dụ như nữ diễn viên Helen Hayes cho biết, trước khi cô thực hiện một vai trò mới, cô “tẩy sạch cái trí” của mỗi vai trò trước đó; nếu không làm vậy, cô không thể đóng thành công trong vai trò mới. Dĩ nhiên cô nhớ rằng cô đã đóng nhiều vai trò khác, và mang tất cả

năng khiếu cô đã đạt được qua những vai trò ấy, để ứng dụng khi thích hợp vào vai trò hiện tại, nhưng khi cô đang “nhập” trong một vai trò, thì không có điểm đặc biệt nào thuộc những vai trò trước đây ở trong trí cô.

Một số người đã đạt được sự nhạy cảm cần thiết để có lại ký ức thuộc những kiếp quá khứ, nhưng thường thì họ ngần ngại bàn luận về những ký ức này, vì lo sợ có thể bị hiểu lầm. “Người Thiên Tài”, một quyển sách của Cesare Lombroso, có đoạn viết: “Một thi sĩ mất trí lạ thường, John Clare, tự tin mình là một chứng nhân của Trận Chiến Trên Sông Nile, với cái chết của Nelson; và cố thuyết phục cho người khác tin chắc rằng ông ta có hiện diện khi Charles đệ nhất bị chết.” Có lẽ ông Clare thật sự nhớ lại những kinh nghiệm này, nhưng thật không thông minh khi tiết lộ một cách rộng rãi. Về phương diện này, dĩ nhiên, có một số người phải khổ sở vì tưởng tượng quá đáng, và cái trí trong tiềm thức đóng một vai trò quan trọng. Cho nên, tốt hơn là nên giữ tính cách khách quan nếu có thể, khi nhớ được điều gì thuộc những kiếp trước. Tóm lại, thật là khôn ngoan nếu chúng ta xem những gì mà chúng ta đã làm trong quá khứ, kém quan trọng hơn nhiều những gì mà chúng ta làm trong hiện tại.

ĐIỀU GÌ QUYẾT ĐỊNH CHO HOÀN CẢNH TÁI SINH

Có ba yếu tố quyết định cho hoàn cảnh tái sinh sắp tới. Thứ nhất, luật tiến hóa và ý muốn phát triển của bản chất cao cả bên trong con người, hai yếu tố này kết hợp mang con người vào những hoàn cảnh, trong đó họ có thể phát triển tới đa những đức tính cần thiết. Mục đích của luân hồi là cung cấp cơ hội cho sự phát triển thêm về trí tuệ lẫn tinh thần. Nhân tố cung cấp cho cơ hội đó được gọi là *swadharma*, danh từ Phạn ngữ tương đương với ý niệm Tây phương: “tiếng gọi cá nhân” hay “thiên hướng riêng của một người.”

Nhưng luật tiến hóa và sự chọn lựa của bản chất cao cả bên trong chúng ta, tác động trong ranh giới của một luật khác, đó là luật của nguyên nhân và hậu quả, hay luật của sự công bằng. Những hành động trong quá khứ, có thể đưa đến cho chúng ta cơ hội, hoặc cản trở theo nhiều cách khác nhau trong kiếp này. Mỗi tình huống mà chúng ta phải đối diện là kết quả của các nguyên nhân trước kia, và thường, tuy

không phải luôn luôn, các nguyên nhân này là do hành động trong những kiếp quá khứ của chúng ta. Hơn nữa, hành động của chúng ta trong kiếp này, tạo nên kết quả làm khuôn mẫu cho những hoàn cảnh mà chúng ta sẽ gặp lại trong tương lai. Luật của nguyên nhân và hậu quả (nói tắt là: luật nhân quả) có tên là *karma* trong Phạn ngữ, và đó là chủ đề mà chúng ta sẽ nghiên cứu chi tiết trong chương sau.

Yếu tố thứ ba là sự đồng cảm hay liên hệ. Chúng ta phải được đưa đi tái sinh vào một thời gian và nơi chốn nào đó, để có thể gặp lại những người mà trước đây rất lâu, chúng ta đã tạo nên sự ràng buộc sâu đậm, về tình thương hoặc thù hận, để trợ giúp hoặc làm hại nhau. Những cơ hội đến trong đời sống mới, để làm việc trở lại với các bạn đồng hành từ quá khứ, để hàn gắn những vết thương cũ, trả những món nợ cũ, hòa giải với những kẻ thù cũ, và thắt chặt thêm dây liên hệ với những người thân yêu.

Tất cả những yếu tố này giúp quyết định một cách tổng quát tương lai chúng ta, nhưng dù bất cứ trong trường hợp đặc biệt nào, tiến trình vẫn vô tư và đem lại lợi ích tối hậu, vì nó luôn luôn làm việc cho sự phát triển của tinh thần. Khi nhận thức được như thế, chúng ta có thể đối diện với cuộc sống, dù vui sướng hay khổ nản, với lòng can đảm và tự tin vững chắc hơn. Chúng ta biết chắc bằng cố gắng của chính mình, chúng ta có thể xây dựng một tương lai tốt đẹp hơn, và khi hợp tác với những người khác, tương lai tốt đẹp không phải chỉ riêng cho chúng ta, mà còn cho tất cả nhân loại.

BẰNG CHỨNG VỀ SỰ LUÂN HỒI

Có nhiều loại bằng chứng về sự luân hồi, không phải tất cả các loại bằng chứng đều đáng tin cậy như nhau đối với mọi người. Sự kéo lùi về dĩ vãng của khoa thôi miên đã được thực hành rộng rãi trong nhiều năm, được xem như một phương pháp đạt đến ký ức thuộc những kiếp quá khứ. Vở nhạc kịch sân khấu và điện ảnh “Vào Một Ngày Trong Sáng, Bạn Có Thể Thấy Mãi Mãi” trình bày một cách phổ biến của phương pháp này. Nhưng sự kéo lùi về dĩ vãng của khoa thôi miên có những giải thích khác nhau, và khó kiểm chứng. Còn trong hầu hết các trường hợp một số người, đôi khi tự nhiên nhớ lại kiếp trước, cũng gặp cùng sự khó khăn trong

việc giải thích. Bằng chứng đáng tin nhất, do số lượng trường hợp, do cách thức nó thu góp và được trải nghiệm cẩn thận, cũng như được ghi chép thành tài liệu, là công trình suốt đời của Ian Stevenson được kể đến ở trên.

Tuy nhiên đối với nhiều người chấp nhận thuyết luân hồi, chứng cứ đáng tin cậy nhất có thể chỉ đơn giản là một phần không thể thiếu của toàn thể quan điểm cuộc đời, nó bao gồm: mục đích của đời sống, trật tự của vũ trụ, và sự tiến hóa của tinh thần con người. Quan điểm cuộc đời này, bao gồm sự luân hồi, giúp con người có được một đời sống hữu ích và mãn nguyện. Đó là một lý do thực tế để con người chấp nhận ý niệm luân hồi, và như những đại triết gia thực dụng đã nhìn nhận, sự kiện là khi một điều gì cho thấy có hiệu quả, chính đó là bằng chứng cho biết có lẽ nó đúng thật.

Trong nền văn hóa thiên về vật chất và cơ khí, niềm tin về luân hồi, hay bất cứ hình thức tồn tại nào của tâm thức sau khi xác thân chết, thường bị bác bỏ và bị coi như “sự thỏa mãn điều mơ ước.” Trong quyển “Thuyết Luân Hồi Và Sinh Vật Học Gặp Nhau Nơi Đâu” Ian Stevenson đã kết thúc với ý kiến về sự bác bỏ ấy, và chỉ ra sự sai lầm của nó:

Trên thực tế, nhiều người trong chúng ta muốn tin có sự sống sau khi chết, nhưng sự mong muốn của chúng ta về một điều có thể đúng thực, không làm cho nó trở thành sai lạc. Tóm lại, chúng ta có thể có sự tiến hóa song đôi: của hình thể và của trí tuệ hay linh hồn.[187]

CÂU HỎI ĐỀ NGHIÊN CỨU (chương 6)

1. Giải thích ý nghĩa của luân hồi. Phân biệt sự khác nhau giữa luân hồi và ý niệm thông thường về “Sự chuyển hồn.”
2. Những lý do gì dường như quan trọng nhất đối với bạn để bênh vực hoặc để chống lại ý niệm về sự luân hồi?
3. Sự khác biệt về khả năng trí tuệ và đạo đức của con người được giải thích như thế nào bằng luật luân hồi?

4. Linh hồn có phái tính không? Những bài học gì được học hỏi qua cơ thể của người nam, và qua cơ thể của người nữ.
5. Có bằng chứng nào cho biết luật luân hồi không phải một giáo lý mới mẽ?
6. Tại sao rất khó khăn nhớ lại những chi tiết của kiếp quá khứ? Nhớ lại những kiếp quá khứ hay biết trước những sự việc xảy ra trong tương lai có luôn luôn hữu ích không? Tại sao?
7. Bằng cách nào chúng ta nhớ lại những kiếp quá khứ?
8. Khi nào và tại sao linh hồn sẽ ngưng luân hồi?
9. Nhân tố chính nào xác định nơi chốn và những biến cố xảy ra trong kiếp tương lai?
10. Nếu sự hiểu biết về luân hồi được phát triển rộng rãi ở thế giới Tây Phương, sẽ tạo ra sự khác nhau nào trong cuộc sống và những hoạt động chung quanh chúng ta?

CHƯƠNG 7

NHÂN QUẢ

VỮ TRỤ HOẠT ĐỘNG THEO LUẬT VÀ CÓ TRẬT TỰ, trong ấy không có điều gì xảy ra một cách tình cờ hoặc ngẫu nhiên. Mọi sự vật trong thế giới đều được quản trị bởi định luật thiên nhiên, không những chỉ trong thế giới vật chất, mà còn trong những lãnh vực tâm lý và tinh thần, cũng như trong lãnh vực xử thế và đạo đức. Không một phần nhỏ nào của năng lượng được tiêu dùng ở bất cứ nơi đâu trong vũ trụ, mà không gây ra một hiệu quả tương ứng. Một hòn đá cuội được ném lên không trung, sẽ lập tức rơi trở xuống do định luật trọng lực. Khi ta lên dây một cái đồng hồ, cần phải mất nhiều giờ phút để nó chạy hết chu kỳ, tuy nhiên, tiến trình tác động của nguyên nhân và hiệu quả hoàn toàn giống nhau.

Tương tự như thế, năng lượng phát ra do tư tưởng và ham muốn, không sớm thì muộn cũng tạo thành kết quả. Là con người, chúng ta không thể tránh được hậu quả do những hành động của chúng ta. Đôi khi, nguyên nhân tạo ra kết quả ngay tức khắc. Trong những trường hợp phức tạp, thường phải đợi một thời gian dài mới thấy được kết quả. Sự chết không xóa đi những món nợ của ta, cũng không làm mất đi những món nợ của người khác đối với ta, không khác gì khi ta dời chỗ ở đến một thành phố mới, ta vẫn phải trả những món nợ mà ta đã thiếu khi còn ở chỗ cũ.

Luật của nguyên nhân và hậu quả được gọi là *karma*, nguồn gốc từ Phạn ngữ, có nghĩa là “hành động” (action), ngụ ý sự hoạt động toàn diện, đó là hành động và phản động. Ta có thể tìm thấy ý niệm này trong những triết lý và tôn giáo lớn, và là nguyên tắc cơ bản của khoa học; “*karma*” (nhân quả) bây giờ là một danh từ Anh ngữ thông dụng. Bà Blavatsky gọi karma là một định luật căn bản của vũ trụ. Nó tác động khắp mọi nơi, nhưng quan trọng đặc biệt đối với con người; do bản chất đức hạnh của nhân loại, họ phải gánh lấy trách nhiệm đạo đức đối với những hành động mà họ khởi xướng, từ đó tạo thành nhân quả của họ.

Mỗi hành động của chúng ta đều ảnh hưởng đến mối liên hệ với gia đình, bạn bè, những người hợp tác trong công việc, và những người lạ mà ta gặp khi họ đến trong phạm vi hoạt động của chúng ta. Ở các nước Tây phương, không có từ ngữ

nào khác hơn từ ngữ “karma” để diễn đạt chính xác ý niệm này, tuy nhiên Ralph Waldo Emerson sử dụng từ ngữ “bù trừ” (compensation) có ý nghĩa gần giống. Đó là ý nghĩa chính mà Chúa đã nói trong Bài Giảng Trên Núi: “Người phán xét như thế nào, sẽ bị phán xét như thế ấy; người đánh giá thế nào, sẽ bị đánh giá thế ấy” (matthew 7.2). Cũng thế trong lời tuyên bố của Thánh St. Paul: “Những gì mà một người đã gieo, họ sẽ gặt lấy.” (Galatians 6.7).

Ngoài ý nghĩa chính, như luật quản trị sự liên hệ giữa nguyên nhân và hậu quả, chúng ta cũng dùng từ ngữ này theo những cách thức hơi khác nhau. Thí dụ, khi một chuyện gì đó xảy ra cho ta, ta nói: “đó là nhân quả của tôi,” hoặc “nhân quả bẩm sinh của tôi.” Nếu muốn rõ hơn, những trường hợp này phải gọi là “những tác động của nhân quả,” nhưng để cho tiện lợi, từ ngữ “nhân quả” được dùng để chỉ nguyên nhân, hành động, hoặc hiệu quả của hành động, cũng như toàn thể tiến trình.

QUAN NIỆM SAI LÂM VỀ NHÂN QUẢ

Khi có ý niệm về nhân quả, sự sống trở nên dễ hiểu hơn, chúng ta sẽ trở nên sáng suốt và biết cách làm thế nào để hợp tác với luật nhân quả, từ đó giúp thúc đẩy tiến trình tiến hóa của sự sống. Một trong những vị thầy đầu tiên của Minh Triết Thiêng Liêng cho biết, “nhân quả” và “niết bàn” là hai ý niệm quan trọng nhất cần phải thông hiểu. Nhân quả là luật quản trị ở thế giới luôn luôn thay đổi; và niết bàn là thế giới vĩnh cửu. Cả hai chủ đề đều phức tạp, nhưng nhân quả phức tạp tột độ, có lẽ nó là khái niệm ít được thông hiểu nhất trong tất cả những nguyên lý vĩ đại của Minh Triết Thiêng Liêng. Tuy nhiên, có một cách để hiểu bản chất của nhân quả là xem xét vài ý tưởng sai lầm phát sinh chung quanh nó.

Thí dụ, thật không chính xác khi người ta nói nhân quả “tốt” và nhân quả “xấu”, dĩ nhiên nó có nghĩa những gì mà ta thấy thích thú, hoặc trái lại là đau khổ. Nhân quả không tốt cũng không xấu; nó chỉ là một hình thức trật tự trong vũ trụ. Đối với chúng ta, nhân quả luôn luôn là sự giáo dục, mà tiến trình của nó có thể thích thú hay không thích thú. Nhân quả là luật về sự tăng trưởng của chúng ta, nhờ nó mà chúng ta học được cách hành động đúng đắn, điều này rất cần thiết cho sự tiến bộ.

Một lỗi lầm khác là xem nhân quả như một hình thức thưởng, phạt. Nó có thể mang hạnh phúc cho những người đã ban rải hạnh phúc, và mang bất hạnh cho những người đã gây ra bất hạnh. Nhưng thật ra, nó chỉ là luật của sự điều hòa và thăng bằng trong vũ trụ, không phải một tiến trình áp đặt lên con người một cách độc đoán bởi vài quyền lực bên ngoài. Chúng ta không tránh khỏi là một thành phần của vũ trụ, do đó chúng ta tham dự vào mọi tiến trình của vũ trụ.

Nhân quả hoàn toàn khách quan; nó không để ý đến cá nhân. Khi hiểu nó không cá nhân tính, nếu có những điều xấu xảy đến, chúng ta không còn cảm thấy bị hành hạ bởi số phận. Thay vào đó, ta có thể bắt đầu nghe sự điều hòa của thiên nhiên bằng thính giác bên trong. Ta có thể bắt đầu nhận ra chủ âm và điệp khúc của chính ta là một phần không thể thiếu của bản nhạc giao hưởng vũ trụ, và chỉ trong bản nhạc này, trong sự điều hòa rộng lớn này, điệp khúc nhỏ bé của ta mới có ý nghĩa. Ngược lại, ta có thể nhận ra rằng toàn thể bản hợp xướng chỉ có thể hòa tấu được do sự đóng góp của tất cả những điệp khúc nhỏ bé. Như thế, nhân quả là một tiến trình vũ trụ, trong đó mỗi nốt sai lạc mà ta đánh lên, mỗi âm thanh không thích hợp mà ta tạo ra, tức khắc được đem trở lại thế thăng bằng và điều hòa ở những bình diện bên trong, để điệp khúc luôn được hoàn hảo, không bao giờ bị xáo trộn.

Sự kiện nhân quả là một luật thiên nhiên khách quan, cũng có nghĩa là chúng ta không thể luôn luôn thấy nó tác động trong giới hạn của phạm vi chúng ta. Một số nhân quả mà ta gặp phải, được ta tạo ra trong cuộc sống hiện tại. Nhưng phần nhiều không khởi đầu từ kiếp hiện tại, một số nhân quả bên ngoài cá nhân này có liên quan đến chân ngã chúng ta, và kết nối đời sống hiện tại với những kiếp luân hồi quá khứ. Những phương diện khác của nhân quả không liên hệ đến chúng ta như những cá nhân riêng rẽ, mà liên hệ đến gia đình, cộng đồng, quốc gia, và ngay cả những nhóm lớn hơn. Vài loại nhân quả liên hệ đến nhân loại như một tập thể, đến quả địa cầu mà chúng ta đang sống, đến toàn thể thái dương hệ và cả bên ngoài thái dương hệ. Loại nhân quả vượt quá phạm vi và chân ngã chúng ta, được gọi là “nhân quả phân tán”, vì nguyên nhân và hậu quả của nó được phân phát cho nhiều người.

Mặt khác, nhân quả không phải là số mệnh hay tiền định. Nó không phải điều gì từ bên ngoài áp đặt lên chúng ta. Bằng cách này hay cách khác, trong quá khứ chúng ta đã có liên hệ với hành động (hay karma) mà hiện tại, chúng ta phải gánh lấy hậu quả. Còn những hành động của chúng ta trong hiện tại, sẽ gây nên hậu quả mà ta sẽ

gặp trong tương lai. Khác xa với thuyết số mệnh hay tiền định, nhân quả là cơ hội cho ta chọn lựa hành động theo một đường lối, sẽ tạo nên một tương lai cho cuộc sống mà ta mong muốn.

Thật rõ ràng, nhân quả không phải chỉ là một luật của sự đền bù công bằng ở mức độ vật chất, tình cảm, và đạo đức trong sự hiện tồn của chúng ta. Nó cũng không phải chỉ là một luật làm cho ta phải thừa hưởng kết quả của những hành động quá khứ, dù nó có tác động như thế. Nhân quả là một điều gì to lớn hơn nhiều, một luật tác động mãi mãi và vô tận, nó tác động ở mỗi lúc, điều chỉnh mỗi hành động theo trật tự vũ trụ. Kết quả của những hành động cá nhân, nằm bên trong mọi hoạt động của vũ trụ, giống như những vòng tròn nhỏ đồng tâm, bên trong những vòng tròn lớn hơn. Mỗi phần tử được ràng buộc vào cái toàn thể. Cốt lõi của vũ trụ chính là sự thăng bằng. Chúng ta không thể làm xáo trộn cốt lõi đó; nó tự điều chỉnh một cách hoàn hảo để đáp ứng lại mỗi hành động của chúng ta.

NHÂN QUẢ NHƯ MỘT LUẬT PHỔ QUÁT

Trên căn bản, chỉ có hai chuyển động trong vũ trụ: thở ra và hít vào, đi ra và trở lại, lực ly tâm và lực hướng tâm. Trong điện, chúng ta thấy dương cực và âm cực; trong cơ khí, tác động lui tới của một piston; trong đời sống con người, nguyên nhân và hậu quả, hành động và phản động, hay nhân quả. Ngay trong đời sống hàng ngày, chúng ta kinh nghiệm những thời kỳ: thức dậy và đi ngủ lại; ban ngày đi ra khỏi nhà, và trở lại nhà vào buổi chiều. Bất cứ điều gì chúng ta đưa ra thế giới, cuối cùng sẽ trở lại chúng ta, đó không do một hành động phải chịu sự trừng phạt hay ban thưởng, nhưng vì thế giới, mà mỗi chúng ta là thành phần, là một chuỗi liên tục, trong đó mỗi hành động đều có phản động bổ sung.

Như đã nói ở những chương trước, chúng ta sống trong ba thế giới, hay phạm vi năng lượng: vật chất, tình cảm, và trí tuệ, trong đó chúng ta tiếp xúc xuyên qua một bộ mặt, hay thể thích hợp. Trong mỗi thế giới hay phạm vi này, ta tạo ra những nguyên nhân, và chúng sẽ trở lại với ta như những hậu quả, với số năng lượng tương xứng với năng lượng mà ta đã đưa ra. Mỗi người đều đang liên tục tạo ra những lực thuộc vật chất, tình cảm, và trí tuệ; hậu quả của những lực này xác định

cách thức mà chúng ta sống nơi đây. Nó cũng xác định trạng thái tâm thức của chúng ta sau khi chết, môi trường và sự liên hệ với những người khác trong kiếp tái sinh tương lai.

Hiển nhiên, sự quân bình của công lý không thể luôn luôn xảy ra trong giới hạn một kiếp sống. Vì thế, luân hồi được coi là một phương tiện để kết thúc, chứ chính nó không phải sự kết thúc. Luân hồi là một phần trong chương trình tiến hóa. Đến khi nào ta phát triển năng lực và tài khéo léo trong hành động, một cá tính toàn hảo, một sự hiểu biết hoàn toàn về chính bản thân ta và vũ trụ chung quanh, khi đó ta đã đạt tới mục đích của sự tiến hóa, thì ta sẽ không còn phải luân hồi trong thế giới này. Nhưng từ đây cho đến lúc đạt được sự quân bình cuối cùng, cán cân nhân quả vẫn dao động tới lui, nghiêng qua bên này rồi trở lại bên kia, do những hành động khờ dại, kém cỏi và vô minh của chúng ta.

Có khuynh hướng cho rằng nhân quả là sự tin vào định mệnh, những người ấy nói: “Tốt, đó là luật và tôi không thể thay đổi được. Tôi không thể làm gì về chuyện đó.” Dĩ nhiên, câu nói “đó là luật” rất đúng, nhưng nó không diễn tả toàn thể sự thật. Tất nhiên, chúng ta không thể hủy bỏ luật, nhưng chúng ta có thể, và liên tục làm thay đổi hiệu quả của bất cứ luật nào, như chuyến bay du hành trong không gian làm thay đổi hiệu quả của trọng lực. Chúng ta có toàn quyền làm điều đó.

Trong quyển “Nhân Quả”, bà Annie Besant cho thấy nếu bất cứ tình trạng nào gây bất công, đau khổ hay phiền phức cho chúng ta và người khác, chúng ta có quyền, và trong vài trường hợp bắt buộc, phải làm những gì mà ta có thể làm được, để thay đổi nó. Chúng ta tăng trưởng và phát triển năng lực nhờ nhân quả, nó giúp chúng ta học qua sự giải quyết những vấn đề. Nếu đã cố gắng hết sức, tình trạng khó khăn vẫn bị tắc nghẽn hay còn tồn tại, có thể do những mục đích khác, có lẽ đó là một bài học của sự từ bỏ, kiên nhẫn, hoặc hy sinh. Như một vị hiền triết đã nói: “Chúng ta có thể chấp nhận điều không thể tránh khỏi, một cách hợp lý, sẵn sàng và vui vẻ, nhưng phải chắc rằng đó là điều không thể nào tránh.”

Thí dụ: anh em ông Wright đã chấp nhận ý tưởng hiển nhiên là không có vật gì nặng hơn không khí có thể bay lên khỏi mặt đất, nhưng dù trọng lực là định luật căn bản của thiên nhiên, họ cũng biết những nguyên lý khác như: sự đối kháng của không khí và những luật tổng quát của khí động lực học (aerodynamics), có thể được sử dụng để chống lại hiệu quả của định luật trọng lực. Những nguyên lý của

thiên nhiên không tách rời nhau; tất cả đều là thành phần của cơ cấu vận hành vĩ đại, đó là vũ trụ.

Sau khi suy xét một cách thông minh, nếu ta khám phá một đường lối điều chỉnh lại hiệu quả của luật nhân quả, chính luật này cho phép ta làm như thế. Chúng ta có thể đem vào những yếu tố mới có ảnh hưởng đến kết quả xảy ra. Không ai có thể bảo chúng ta làm thế nào trong từng trường hợp; chúng ta không thể tìm thấy lời chỉ dẫn rõ ràng ở bất cứ nơi đâu, vì trong mỗi hoàn cảnh, cá nhân và những yếu tố liên hệ đều khác nhau. Khi bắt đầu tìm thấy những giải đáp đúng đắn, ta sẽ nhận ra rằng giải đáp này đến từ bên trong ta, nơi mà vấn đề cũng phát sinh từ đó, vì câu trả lời luôn luôn ở trong vấn đề.

Vài người có nhận xét rằng khi uống thuốc, cái muỗng có vẻ như quá lớn, gấp ba lần, và thuốc có vị đắng hơn là ta nghĩ, có thể do pha chế nó. Tuy nhiên, phải luôn luôn nhớ rằng tất cả những gì đẹp đẽ và kỳ diệu xảy ra cho chúng ta đều do chính chúng ta “pha chế.”

NHÂN QUẢ PHÂN PHỐI

Một phương diện quan trọng của nhân quả đã được nói đến như là nhân quả tập thể hay nhân quả phân phối, gồm có: nhân quả gia đình, nhân quả quốc gia, nhân quả nòi giống, và ngay cả nhân quả của toàn thể nhân loại và thế giới. Mặc dù mỗi người là một đơn vị độc nhất vô nhị, nhưng không cá nhân nào bị cô lập khỏi mọi người khác. Mỗi sự sống con người được xoắn chặt với sự sống của tất cả nhân loại, xuyên qua những nhóm luôn luôn bành trướng của gia đình, địa phương, quốc gia, lục địa, và phạm vi hành tinh.

Mỗi tư tưởng của chúng ta đều bị ảnh hưởng bởi bầu không khí tư tưởng và cảm xúc nổi bật của thế giới, và mỗi người đều góp phần vào bầu không khí đó bằng những cảm xúc và tư tưởng mà ta phát ra. Mỗi hành động của ta được thực hiện bên trong môi trường của bầu không khí này, dù ta không ý thức về điều đó. Hậu quả do tư tưởng, cảm xúc, và hành động của mỗi người, trôi chảy như những dòng suối nhỏ tuôn vào con sông lớn hơn của xã hội. Nơi dòng sông này có sự trộn lẫn nước từ vô số những nguồn khác nhau. Sự kiện này tạo nên nhân quả tổng quát của

chúng ta, kết quả của tất cả mọi kết hợp tương tác này là sự nâng nó lên từ mức độ cá nhân sang mức độ tập thể.

Chúng ta, với tư cách cá nhân, chia sẻ nhân quả tạo ra bởi mọi người khác, trong lúc đó họ cũng chia sẻ nhân quả của chúng ta. Tuy nhiên có sự khác biệt giữa nhân quả cá nhân và nhân quả tổng quát, tập thể, hay phân phối. Mỗi người nhận những kết quả trực tiếp từ hoạt động của chính cá nhân ta, vì nó nằm trên độ dài sống của ta. Ta cũng gián tiếp thừa hưởng kết quả từ những hoạt động của phần nhân loại còn lại, vì ta là con người. Như Terence, một soạn giả kịch nghệ người La Mã, đã nói: “Tôi là con người; tôi không xem điều gì thuộc con người là xa lạ đối với tôi.” Trên cơ bản, chúng ta đều có cùng một sự sống, hoạt động trong thế giới xuyên qua những cá thể khác nhau. Bất cứ điều gì xảy đến cho một người, sẽ ảnh hưởng đến tất cả những người khác, vì ở mức độ thâm sâu nhất của thực tại, tất cả mọi người là một.

Chúng ta có thể thấy nhân quả phân phối, tác động trong toàn thế giới của những trận chiến tranh, hay những hành động khủng bố, đã tóm toàn thể nhân loại trong mạng lưới của chúng. Có thể chúng ta không ý thức, hay không cố tình góp phần trong việc tạo ra chiến tranh hoặc khủng bố; và dù chúng ta không có hành động cố ý trong kiếp này hay bất cứ kiếp nào khác trong quá khứ, để có thể bị kéo vào nhân quả chiến tranh, nhưng không người nào sống trong thời kỳ những trận chiến tranh thế giới mà không bị ảnh hưởng hậu quả của chiến tranh, theo một cách thức nào đó. Cũng thế, mọi người đã bị ảnh hưởng theo một cách thức nào đó do khủng bố ngày 11, tháng Chín, năm 2001. Trong quyển “The Wisdom of the Overself, trang 270”, Paul Brunton có viết: “Chúng ta sống chung với những người khác, và phải cùng chung nhau trang trải. Đây là lời cuối cùng, có lẽ làm sững sờ những người đã vượt xa đồng loại, nhưng làm phấn khởi cho những người còn trì hoãn phía sau.”

NHÂN QUẢ NHƯ MỘT CƠ HỘI CHO CUỘC SỐNG

Chúng ta cố sống theo luật nhân quả, không phải chỉ để cho chính chúng ta vui hưởng kết quả thích thú và tránh kết quả khó chịu. Đúng là ta tạo ra tương lai của

chính ta, nhưng tất cả những hành động, động cơ, tư tưởng, và lòng ham muốn của ta tuôn tràn vào dòng sống chung. Mỗi khi suy nghĩ, cảm giác, hay hành động vô tư lợi, chúng ta đang giúp “làm nhẹ đi một ít nhân quả nặng nề của thế giới,” như một trong những vị Chân Sư Minh Triết đã yêu cầu chúng ta làm. Mỗi khi ta cảm giác hay hành động ích kỷ, ta thêm sức nặng vào nhân quả, vốn đã nặng nề.

Nhân loại vẫn còn phải làm nhiều việc trước khi quá khứ tối tăm và tàn bạo được tẩy sạch, chúng ta có thể thấy rõ ràng là sự tối tăm và tàn bạo vẫn còn ở chung quanh ta. Vì tội hậu, mỗi sự việc đều tùy thuộc vào những gì mà chúng ta, với tư cách những cá nhân, thực hiện. Ta có thể tìm cách thức để trợ giúp tiến trình, không phải chỉ để cá nhân ta có thể gạt hái lợi lộc, nhưng còn để cho sự tiến hóa có thể được hoàn thành, và toàn thể nhân loại được “cứu vãn”. Như Krishnamurti đã nhận xét: “chúng ta là thế giới.”

Có một chân lý vĩ đại bên trong huấn lệnh tinh thần: Hãy ban cho một cách rộng rãi thời giờ, sức lực, tài lực, trí lực, hay tình thương, hoặc bất cứ món quà nào mà chúng ta có. “Nếu ném bánh mì trên mặt nước, nhiều ngày sau bạn sẽ gặp lại nó” (Ecclesiastes 11.1). “Nhiều ngày” có thể nghĩa là nhiều kiếp sống, nhưng bất cứ những gì cho ra, sẽ trở lại. Vì thế ngay từ một quan điểm có giới hạn, cho ra vẫn là điều tốt, vì cho ra đưa đến một sự trao đổi, từ đó cả người cho và người nhận đều được phát triển và lợi ích. Như Hillel, vị thầy vĩ đại Do Thái Giáo đã nói: “Nếu tôi không vì chính tôi, ai sẽ vì tôi? Nếu tôi chỉ vì một mình tôi, tôi là gì? nếu không phải bây giờ, vậy khi nào?” Không có gì sai trái khi hành động vì chính mình, nhưng cùng lúc, ta cũng phải hành động vì người khác, chứ không nên chỉ vì một mình ta. Và trên tất cả, ta phải hành động ngay bây giờ, vì không có thì giờ nào khác sẵn sàng dành cho ta.

Minh Triết Thiêng Liêng đem lại sự hiểu biết về luật nhân quả, nó cũng đề nghị chúng ta bắt đầu ngay từ bây giờ, hành động hòa điệu với luật ấy. Mỗi ngày, những nguyên nhân mới đang tạo ra những tác dụng mới, với những hậu quả lâu dài. Sự liên kết giữa những người thân yêu có thể được tăng cường, xiềng xích của sự thù hận có thể được tháo gỡ, để trong tương lai, đời sống của tất cả mọi người có thể an toàn hơn, cao quý hơn, và tốt đẹp hơn.

Thật đúng, khi người ta nói rằng, người biết luật được hưởng nhiều hơn người không biết luật. Nếu biết để ý đến những hậu quả do hành động của chúng ta, cuộc

sống sẽ hữu ích và hạnh phúc hơn. Mỗi người chúng ta xuất thân để trở thành ông chủ của vận mạng mình, chỉ huy trưởng của linh hồn mình; khi chấp nhận trách nhiệm này với lòng tự tin, chúng ta mang lại ánh sáng rực rỡ và sự xác quyết của luật, vào hành động tại đây và ngay bây giờ.

CÂU HỎI ĐỂ NGHIÊN CỨU (chương 7)

1. Nhân quả là gì? Bạn có thể đưa ra những tên gọi hay những diễn đạt khác của luật này không?
2. Trong bản chất, luật thiên nhiên khác với luật của con người như thế nào?
3. Có sự khác nhau như thế nào giữa luật nhân quả và khái niệm thông thường về số mệnh?
4. Tại sao nhân quả lớn hơn sự tác động của nguyên nhân và hậu quả ở mức độ cá nhân?
5. Tại sao không thể tránh khỏi hậu quả gây ra bởi những nguyên nhân mà chúng ta đã làm?
6. Những hiểu lầm thông thường về luật nhân quả là gì? Giải thích tại sao chúng không đúng.
7. Bằng cách nào nhân quả có thể được thay đổi?
8. Chúng ta có quyền thay đổi nghiệp quả của mình không? Giải thích.
9. Chúng ta có quyền thay đổi nghiệp quả của người khác bằng cách cố gắng giúp đỡ họ không? Giải thích.
10. Cho vài thí dụ về việc sử dụng những định luật thiên nhiên để làm trung hòa những định luật thiên nhiên khác.
11. Tại sao điều quan trọng là biết ta đang làm gì, khi tìm cách thay đổi nhân quả?
12. Lý do tốt nhất nào để ta cố gắng sống chú ý đến luật nhân quả?

CHƯƠNG 8

NĂNG LỰC CỦA TƯ TƯỞNG

Trong cuộc sống, mỗi ngày CHÚNG TA TẠO RA BA LỰC NHÂN QUẢ: tư tưởng, tình cảm, và hành động, mà tư tưởng là lực mạnh nhất trong ba lực. Tư tưởng điều khiển tình cảm và là nguồn gốc của hành động. Tư tưởng là một lực mạnh mẽ như điện lực. Giống với mọi hình thức năng lượng khác, tư tưởng có thể được dùng vào việc tốt lẫn xấu, như điện lực có thể được dùng để làm tăng phẩm chất của sự sống, mà cũng có thể tàn phá sự sống. Vì tác động của mỗi lực đều có một phản động lực tương ứng, và vì tư tưởng là năng lực mà chúng ta có thể kiểm soát đến một mức độ nào đó, nên vấn đề quan trọng là chúng ta phải biết tư tưởng là gì, và làm thế nào để chúng ta sử dụng nó một cách có hiệu quả.

BẢN CHẤT VÀ HIỆU QUẢ CỦA TƯ TƯỞNG

Tư tưởng là một năng lực mà tâm thức tạo ra để làm thay đổi chất liệu thanh bai của cõi trí. Khi suy nghĩ, ta làm cho thể trí rung động theo một cách thức nào đó, và những rung động này được lan truyền ra chất liệu chung quanh của cõi trí. Những rung động này tạo nên hình tư tưởng, tức những hình dạng trong môi trường năng lượng thuộc cõi trí. Những màu sắc, hình dạng, sự rõ rệt của hình thể, và sự tồn tại lâu hay mau của chúng, tương ứng với phẩm chất, thể loại, sự trong sáng, và cường độ của tư tưởng đã tạo ra chúng. Một trong những vị Thầy vĩ đại đã nói một cách ngắn gọn, nguyên văn như sau: “Tư tưởng là những vật.”

Khi theo thói quen, ta có cùng một tư tưởng, hay cùng một loại tư tưởng, hình tư tưởng được tạo ra rất nhanh và chính xác. Trái lại, nếu ta cố suy nghĩ theo những đường lối mới và khác biệt với đường lối cũ, hình tư tưởng được tạo ra sẽ chậm chạp và không rõ ràng, vì thể trí của ta chưa quen với loại rung động đó. Điều này là cách giải thích tại sao lúc khởi đầu, người ta thường gặp khó khăn khi học một chủ đề mới hoặc suy nghĩ theo một cách thức mới. Thể trí chống lại, vì nó bị buộc phải dẹp qua một bên cách thức quen thuộc, và phải phát ra theo đường hướng

mới, không có những đường rãnh (hay những rung động) tiện lợi cho cái trí, trong đó tư tưởng chúng ta đã quen trôi chảy. Muốn thoát ra khỏi những đường rãnh cũ, đòi hỏi cái trí phải cố gắng liên tục.

Có hai loại hiệu quả của tư tưởng: hiệu quả tác động lên chính người suy tưởng, và hiệu quả tác động lên người khác. Hiệu quả của tư tưởng tác động lên chính người suy tưởng cũng được chia ra làm hai phần. Thứ nhất, bất cứ một tư tưởng nào được lặp đi lặp lại, đều tạo ra một thói quen rung động trong thể trí chúng ta. Thứ nhì, tư tưởng có những hiệu quả phụ lên thể vía và nhân thể. Hiệu quả lên thể vía là những cảm xúc tạm thời. Tuy nhiên, trong nhân thể, tư tưởng có ảnh hưởng thường trực lên cá tính chúng ta. Chúng ta tự làm ra con người chúng ta, theo đường lối mà chúng ta suy tư. Chính vì lý do này mà tư tưởng đúng đắn rất quan trọng. Tư tưởng không những chỉ làm mạnh thêm những phản ứng theo thói quen của thể xác và tình cảm, mà nó còn tạo ra phẩm chất trong nhân thể ta, làm nên thành phần cá tính thường trực của ta, từ kiếp này đến kiếp khác.

Hiệu quả của tư tưởng tác động lên người khác, được thực hiện xuyên qua phạm vi trí tuệ, nối liền ta với những người khác. Khi ta suy nghĩ, những rung động phát tán, tạo thành một hình tư tưởng trôi nổi trong cõi trí, gây ra những rung động tương ứng trong thể trí của những người mà nó tác động đến.

Hơn nữa, vì phạm vi năng lượng của trí tuệ và tình cảm hòa lẫn và xuyên thấu lẫn nhau, những rung động của tư tưởng gây ra sự thay đổi trong bầu không khí tình cảm, giống như gió ảnh hưởng lên mặt biển và khơi dậy những lượn sóng lớn. Cùng một cách thức như thế, những cảm xúc tác động lên chất liệu thuộc lãnh vực trí tuệ và tạo nên tư tưởng. Dĩ nhiên, những rung động trí - cảm xúc có thể ảnh hưởng đến bất cứ người nào trong vòng giới hạn của chúng, giống như một trận gió bão và những lượn sóng trên mặt biển ảnh hưởng đến tàu bè trong vùng. Tuy nhiên, hình tư tưởng không bị giới hạn bởi thời gian và không gian, khác với những hình thể vật chất. Chúng có thể lan truyền nhanh chóng trên một vùng rộng lớn, theo cách thức giống như những làn sóng truyền thanh hay truyền hình, hơn là những làn sóng không khí hay nước. Hơn nữa, chúng có thể được định hướng tập trung vào một người đặc biệt.

Những làn sóng tư tưởng truyền đi bản chất tổng quát của tư tưởng gốc, thay vì thông điệp chính xác. Thí dụ, một người Cơ Đốc Giáo có thể nhận được tư tưởng

kính sợ hay tôn sùng của một người Ấn Giáo thờ phượng đấng Krishna. Nhưng người Cơ Đốc Giáo sẽ nhận và diễn đạt nó như sự tôn sùng đối với đức Jesus. Tương tự như thế, một người đang phát ra tư tưởng giận dữ về ai đó, thì tư tưởng ấy có thể được tiếp nhận bởi những người khác, những người này áp dụng tư tưởng giận dữ đó vào đối tượng thù địch của riêng họ, làm tăng thêm sự nóng giận chính trong tâm họ.

Chúng ta bị vây quanh bởi nhiều loại tư tưởng của người khác: hạnh phúc và buồn khổ, giận dữ và bình an. Nhưng không một tư tưởng bên ngoài nào có thể xâm nhập vào ta, ngoại trừ ta đã có sẵn tư tưởng phù hợp với loại đó. Chúng ta không phải là nạn nhân của cõi trí chung quanh, nhưng chúng ta chủ động tham dự trong đó. Giống như chọn một đài truyền hình để xem, bạn có thể chọn một luồng tư tưởng để tham dự vào. Như thế, hiển nhiên việc điều chỉnh đúng đắn những tư tưởng trong cõi trí là một việc tốt. Những tư tưởng đúng đắn là cái khiên để chống lại những tư tưởng sai lạc. Cách thức để đuổi không khí ô nhiễm trong phòng là mở cửa sổ để không khí trong lành tràn ngập vào; cách thức làm trong sạch cái trí bị ứ đọng bởi những tư tưởng sai lạc là đổ đầy nó bằng những tư tưởng đúng đắn.

Các vị có nhãn thông cho biết, những hình tư tưởng có hình dáng và màu sắc, nhợt nhạt hay sặc sỡ, đục ngầu hay trong sáng, tùy theo loại và đặc tính của tư tưởng đã tạo ra chúng. Họ cũng nói rằng sự chắc chắn hay mơ hồ của một tư tưởng được biểu hiện bằng độ rõ ràng của đường nét hình tư tưởng. Nếu những tư tưởng của ta rõ ràng, dù trên phương diện gây hại hay trên phương diện giúp ích, chúng sẽ kháng cự lại sự bị thay thế bằng những tư tưởng khác. Thí dụ như thành kiến có thể tạo nên những hình tư tưởng cứng ngắt, khó làm mất đi, trong khi sự công bằng tạo nên hình tư tưởng có khả năng thích nghi, nhưng cũng mạnh mẽ. Chúng ta suy nghĩ càng mạnh mẽ, những hình tư tưởng được tạo ra càng tồn tại lâu dài.

ĐỊNH TRÍ VÀ THAM THIỀN

Định trí và tham thiền là hai phương diện quan trọng của năng lực tư tưởng. Định trí (hay tập trung tư tưởng) có một giá trị hiển nhiên trong mọi sinh hoạt hàng ngày của chúng ta. Khi tập trung tư tưởng vào một công việc, ta làm công việc đó có

hiệu quả hơn, vì vậy ta nhanh chóng được rảnh rang cho những sinh hoạt khác. Thường tập trung vào những chi tiết của cuộc sống hàng ngày, tạo nên thói quen chú ý, thói quen này sẽ chứng tỏ có giá trị khi ta bắt đầu bắt cứ vấn đề nào khác đòi hỏi sự tập trung tư tưởng. Định trí cũng rất cần thiết để tiến đến phương diện khác của tư tưởng, đó là tham thiền. Chỉ có cái trí được huấn luyện mới có thể dừng lại trên một chủ đề. Muốn thành công trong tham thiền, trước hết ta phải tập trung tư tưởng vào một việc, loại bỏ mọi việc khác ra khỏi cái trí.

Tham thiền rất quan trọng nếu chúng ta nhận lãnh công việc bên trong, cần thiết để đi trên Đường Đạo, đó là tất cả tiến trình mà chúng ta có thể và sẽ phải tiến tới. Mục đích của tham thiền là làm yên tĩnh phạm ngã (gồm vật chất, tình cảm và trí tuệ), ta cần hướng tiêu điểm của sự tập trung, từ phạm ngã tạm bợ trở về chân ngã bên trong. Để đạt được sự thay đổi tiêu điểm tập trung, có nhiều kỹ thuật tham thiền thích hợp cho những tính khí và trường hợp khác nhau. Không có một phương pháp nào tốt nhất cho tất cả mọi người, nhưng có vài cách thực hành căn bản hữu ích, có thể áp dụng trong bất cứ phương pháp nào.

Đầu tiên, hãy dành năm phút yên tĩnh mỗi buổi sáng để suy tư tích cực, tập trung vào đức tính muốn phát triển. Mọi người đều biết những khuyết điểm như: dễ bị kích động vì những chuyện lặt vặt, lo lắng không cần thiết, hay chỉ trích, không tử tế, hay châm chọc, nói chuyện tầm phào quá nhiều, thu mình và tách rời khỏi mọi người. Mỗi người cần tự tìm ra những khuyết điểm của mình. Tuy nhiên suy tưởng về những đặc tính tiêu cực này không phải là cách thức loại trừ chúng. Thay vào đó, suy tưởng về những đặc tính đối nghịch với chúng sẽ giúp ta thay thế chúng. Thật rất hữu ích, nếu mỗi buổi sáng, chúng ta dành ra năm phút để suy tưởng về đức tính bổ túc cho những nhược điểm của chúng ta. Hãy nhắm mắt và tưởng tượng thấy bạn hành động theo đức hạnh mà bạn muốn có. Sự tập trung tư tưởng rất thiết yếu để làm việc này; cách thực tập như thế chỉ thực hiện được nếu cái trí có thể tập trung vào một hoạt động duy nhất.

Nếu bạn dễ bị kích động, hãy tập thấy bạn lặng yên, bình tĩnh, tử tế. Nhưng hãy coi chừng, sẽ có một thử thách: vào một lúc nào đó, bạn sẽ bị tràn ngập bởi sự kích động, và bạn có thể nghĩ rằng bạn đã thất bại. Nhưng nếu bạn thực hành thường xuyên, bạn sẽ thấy được sự kích động chấm dứt nhanh chóng và dễ dàng hơn trước đây. Kết quả này càng ngày càng tăng, đến một lúc nào đó, bạn sẽ không còn phản

ứng kích động trong bất cứ trường hợp nào. Kế đó bạn có thể bắt đầu thực hành một phương diện khác mà bạn muốn phát triển.

Rốt cuộc, bạn sẽ cảm thấy thời gian năm phút thực tập như thế không đủ. Kết quả là cảm giác thỏa mãn và bình an sẽ ở với bạn lâu hơn, và bạn có thể sắp xếp cuộc sống hàng ngày một cách thông minh và khôn ngoan. Nhưng sự đều đặn quan trọng hơn sự lâu dài của thời gian. Những người có kinh nghiệm trong việc thực hành như thế cho chúng ta biết, sự đều đặn đúng giờ là quan trọng nhất; chúng ta không nên bỏ qua một ngày nào, nếu có thể được.

Chúng ta không nên lo lắng nếu không đạt được kết quả nhanh chóng, hay hoàn toàn như mong đợi. Sự lo lắng là một trong những thói quen khó vượt qua. Nó là tiến trình lặp đi lặp lại cùng một tư tưởng tiêu cực, đào một đường mòn trong tâm thức càng lúc càng sâu hơn, và nó có nghĩa là “sống theo lối mòn”. Chỉ có một cách thức duy nhất để thoát khỏi đường mòn là bắt đầu làm việc theo một chiều hướng mới, bằng cách cung cấp cho thể trí bạn những tư tưởng mới để lặp đi lặp lại. Bạn có thể nhớ, khi nào bị một cơn lo lắng tấn công, bạn hãy lặp lại bằng cách nói những câu như sau: “Tôi sống trong bình an; tôi ban sự bình an cho bạn. Đừng để tâm bạn bị rối loạn, cũng đừng để nó bị sợ hãi.” (John 14.27). “Chân Ngã là sự bình an; Chân Ngã đó là tôi. Chân Ngã là sức mạnh, Chân Ngã đó là tôi.” “Tất cả đều tốt lành, và *tất cả* đều sẽ tốt lành, và *tất cả* đều sẽ tốt lành.” Những tư tưởng như thế cho cái trí con kênh mới để theo, giúp cho nó thoát khỏi đường mòn cũ.

Tương tự như thế, chúng ta không giúp cho người bệnh bằng cách suy nghĩ về bệnh tật của họ, mà bằng cách gửi cho họ những tư tưởng chữa lành, và tưởng tượng thấy họ toàn thể lành lặn, tráng kiện. Chúng ta không giúp “những người phạm tội” bằng cách nghĩ mãi những tội lỗi của họ, như vậy sẽ làm thiếu sự toàn diện; trái lại, chúng ta nên giúp họ bằng cách nghĩ về những đặc tính tốt của họ, và gửi cho họ những tư tưởng thương yêu, bình an, và tiến bộ, những tư tưởng này sẽ xâm nhập vào trí họ khi có một điểm vào, và giúp họ phát triển những phẩm tính này.

Tư tưởng ta cũng có thể đến với người chết. Điều quan trọng là ta chỉ gửi cho họ những tư tưởng thương yêu nhất, nếu có thể. Những lời cầu nguyện cho người chết được khuyến khích trong nhiều tôn giáo, vì chúng được biết có hiệu quả. Khi gửi

cho người chết những tư tưởng yên tĩnh, dễ chịu, không buồn rầu, sẽ giúp họ điều chỉnh sự sống của họ bên kia thế giới.

Tuy nhiên, mục đích tối hậu của tham thiền không phải chỉ để làm cho phàm ngã tốt hơn, mà là đem ta vào tiếp xúc với cốt lõi bên trong ta, trong đó không có gì ngoài sự tốt lành, chân thật, và đẹp đẽ. Tham thiền giúp ta khám phá ta thực sự là ai, dẫn dắt ta vào cái thực tại thiêng liêng bên trong, và đánh thức để ta nhận ra rằng những gì thực sự quan trọng đã có sẵn bên trong ta.

Để thực hiện sự khám phá này, để gặp tia lửa bên trong ta, và thức tỉnh với thực tại, cần phải có một điều gì đó khác hơn là sự suy tưởng, dù là với những tư tưởng tốt. Điều cần thiết là sự tiếp xúc với cái biết bên trong, một minh triết siêu việt, một sự hiểu biết tâm linh trong cốt lõi của bản chất con người. Danh từ Minh Triết Thiêng Liêng gọi nó là “bồ đề” (buddhi). Chúng ta tiếp xúc với bồ đề, không bằng cách sử dụng cái trí, mà bằng cách làm cho cái trí trở nên yên tĩnh. Hãy dành riêng năm phút mỗi ngày chỉ để được yên tĩnh, không chọn lựa, để nhận thức trong tĩnh lặng mọi sự việc chung quanh bạn và bên trong bạn.

Người ta nói: “Tham thiền không phải là những gì bạn suy tư.” Điều này đúng trên hai phương diện. Chúng ta có thể nghĩ tham thiền là suy tưởng về một điều gì. Nhưng suy tưởng về một điều gì là định trí, một điều kiện tiên quyết của sự tham thiền, chứ không phải chính tham thiền. Tham thiền không phải sự suy tư, mà là kinh nghiệm cái thực tại bên trong, thâm sâu hơn tất cả mọi cảm xúc và tư tưởng. Nó là sự yên tĩnh, bình an, đầy sinh lực, thoải mái, tăng cường, và khai sáng. Những lực sĩ gọi nó là “trong vùng” hay “trong dòng chảy”; những huyền bí gia gọi nó là sự lắng nghe “Tiếng Vô Hình.”

Thi sĩ người Đức, Johann Wolfgang von Goethe, đưa ra năm quy luật của cuộc sống, mỗi quy luật liên hệ đến khả năng kiểm soát tư tưởng và tổng thể cả năm quy luật đưa đến năng lực nhận thức mạnh mẽ: “Không lo lắng về quá khứ. Không nổi giận. Không ghen ghét. Vui thích với hiện tại. Giao tương lai bạn cho Thiên Ý bên trong.” Những quy luật này cũng là những cách thức để tiếp xúc với “cái biết bên trong” của chính ta, vì cái biết đó là Thiên Ý bên trong ta.

Trong những lúc yên tĩnh, từ trung tâm sâu kín của chính mình, ta có thể tập hợp những lực thúc đẩy ta trên Đường Đạo. Lời khuyên của Thánh Paul, ngày nay vẫn còn hữu ích như khoảng 2000 năm trước: “Sau hết, hỡi các đạo hữu, bất cứ điều gì

chân thật, bất cứ điều gì lương thiện, bất cứ điều gì trong sạch, bất cứ điều gì đáng yêu, bất cứ điều gì đưa đến tốt lành; nếu có đức hạnh và được ca ngợi, hãy nghĩ về những điều đó.” (Pjippians 4.8).

CÂU HỎI ĐỀ NGHIÊN CỨU (chương 8)

1. Bạn có kinh nghiệm gì cho thấy có thể có sự chuyển di tư tưởng?
2. Căn cứ vào những gì nói đến trong chương này, cũng như những điều bạn biết, bạn hiểu như thế nào về tác động của sự rung động tư tưởng?
3. Cách tốt nhất để một người tự bảo vệ chống lại những tư tưởng không mời gọi?
4. Thế nào là ý nghĩa của màu sắc, hình dạng, độ rõ ràng, và sự bền bỉ của những hình tư tưởng?
5. Tại sao tưởng quan trọng? Cá nhân bạn có kinh nghiệm gì về sự quan trọng của tư tưởng?
6. Bằng cách nào tư tưởng được dùng để tạo ra cá tính? Tại sao sự thực hành tư tưởng đều đặn có giá trị?
7. Làm thế nào chúng ta có thể dùng tư tưởng để giúp đỡ người khác, cả người sống lẫn người chết?
8. Sự sử dụng tư tưởng và sự yên lặng khi thực hành tham thiền, khác nhau như thế nào?

CHƯƠNG 9

VẤN ĐỀ CỦA SỰ XẤU ÁC

CHÚNG TA SỬ DỤNG TƯ TƯỞNG NHƯ THỂ NÀO đặt ra vấn đề chúng ta dùng nó để làm gì, để giúp người khác và chính mình, hay với những mục đích khác. Rồi đến lượt nó, lại đưa ra vấn đề rất xưa về sự hiện tồn của điều xấu ác trong một thế giới bắt đầu từ một nguồn gốc tốt lành, được ghi nhận trong chương 6, như “vấn đề của sự đau khổ” hay “xác tín Thượng Đế tốt lành, dù có sự hiện tồn của sự xấu ác” (theodicy), đó là “sự công bằng thiêng liêng” (divine justice.)

Vấn đề được diễn tả theo từ ngữ Tây phương truyền thống là: Nếu Thượng Đế toàn thiện lẫn toàn năng, tại sao có sự xấu ác trong thế giới? Hay nói theo ngôn ngữ Minh Triết Thiêng Liêng: Nếu Nguyên Lý thiêng liêng tối hậu ở khắp mọi nơi và trong mọi vật, và mọi vật trong vũ trụ có bản chất và nguồn gốc từ Nguyên Lý đó, tại sao chúng ta phải trải qua tiến trình tiến hóa lâu dài để đạt sự toàn thiện? Tại sao chúng ta phải kinh nghiệm những giới hạn, đau khổ, và xấu ác? Tại sao những điều bất hạnh xảy đến cho người tốt, vì mỗi người chúng ta được xem như tiểu vũ trụ, hay “thế giới nhỏ,” một phản ảnh của đại vũ trụ hoàn hảo, hay “thế giới lớn”?

Chắc chắn mỗi người, theo một cách thức nào đó, đã từng suy nghĩ về vấn đề ý nghĩa của sự xấu ác và lý do của sự đau khổ. Tôn giáo và triết lý đã đề cập đến vấn đề theo những cách thức khác nhau. Một số đã chấp nhận sự hiện tồn của một lực xấu ác tối thượng (the Devil) ngang hàng với Thượng Đế. Một số khác lại cho rằng thế giới là kết quả của một vị tạo hóa không hoàn hảo, vụng về. Còn một số khác cho rằng sự xấu ác không thực sự hiện tồn.

Minh Triết Thiêng Liêng xem xét vấn đề khác hơn rất nhiều. Bà H.P. Blavatsky có nói, chúng ta cần nhớ hai sự thật. Trước nhất, điều mà chúng ta gọi là “xấu ác” (đau đớn, thống khổ, gây hại, ích kỷ, bóc lột) thật sự hiện tồn; không ai có thể chối bỏ nó. Nhưng bà cũng nói, không có ai và không có điều gì xấu ác bẩm sinh. Trong thế giới, không có sự xấu ác tuyệt đối, mà chỉ có sự xấu ác tương đối.

Để dễ hiểu, ta dùng thí dụ tính ích kỷ. Khi con người chỉ hành động theo chiều hướng mà họ nghĩ là có lợi cho riêng họ, không quan tâm đến lợi ích của bất cứ người nào khác, đó là ích kỷ. Vậy ích kỷ tốt hay xấu? Câu trả lời là: tùy thuộc từng

trường hợp. Quan sát một đứa trẻ con, nó có ích kỷ không? Khi đói bụng, nó đòi ăn, không quan tâm đến sự dễ chịu hay tiện nghi của cha mẹ, dù lúc cha mẹ nó đang ngủ, mệt nhọc, bận rộn, hay bệnh hoạn. Vậy sự ích kỷ của đứa trẻ có xấu ác không? Chắc chắn là không. Việc đó rất bình thường và thiết yếu cho sự sinh tồn của đứa trẻ. Nhưng nếu đứa trẻ lớn lên thành một thanh niên 14 tuổi hay 21 tuổi, hay người trưởng thành 35, 60 tuổi, mà vẫn còn ích kỷ như lúc 2 tháng, thì sự ích kỷ trở nên xấu, vì không còn thích hợp.

Ta có thể dùng chữ “không đầy đủ” hay “bất toàn” để thay thế chữ “xấu ác”. Minh Triết Thiêng Liêng mặc nhiên công nhận một Cái Tuyệt Đối vô điều kiện và không biểu lộ, từ đó một vũ trụ có mục đích và điều kiện được biểu lộ từng thời kỳ. Sự biểu lộ này là một sự diễn đạt có giới hạn, từng phần của cái toàn thể không giới hạn, cho nên nó phải không hoàn hảo.

Trong một vũ trụ khách quan và tương đối, không một sự việc gì có thể xảy ra mà không liên hệ đến những sự việc khác. Nguyên lý nhị nguyên hay phân cực, được tạo ra ngay từ lúc khởi đầu của sự biểu lộ. Vì thế, mỗi sự vật hiện tồn đều có hai phương diện đối nghịch, không phải trong ý nghĩa tuyệt đối, mà như một điều kiện của sự liên hệ. Sự xấu ác, cũng như sự tốt lành, tự nó không hiện tồn, mà chỉ hiện hữu khi có sự liên hệ với cái trái nghịch và trong bối cảnh của nó.

Những kẻ khủng bố ôm bom tự sát, tin việc họ làm là tốt, vì nó sẽ đẩy mạnh sự thực hiện công lý cho dân chúng họ, và họ sẽ được một địa vị danh dự trên thiên đàng. Những người khác tin rằng những kẻ khủng bố là sai trái, và việc họ làm là xấu ác. Phải chăng sự khác biệt về niềm tin có nghĩa là không cách nào để phân biệt tốt, xấu? Không phải thế.

Sự tốt lành liên hệ đến sự tiến hóa, và sự tiến hóa có hai thời kỳ. Trong thời kỳ thứ nhất, vũ trụ di chuyển càng ngày càng nhiều về hướng vật chất, vô ý thức, và chia rẽ. Bất cứ điều gì thúc đẩy sự di chuyển trong suốt thời kỳ ấy đều tốt. Nhưng thời kỳ thứ nhất được tiếp theo bởi thời kỳ thứ hai, mà chúng ta đang tham dự vào, và trong thời kỳ thứ hai này, hướng đi của sự di chuyển bị đảo ngược. Ở giai đoạn tiến hóa của chúng ta, điều tốt lành là những gì phù hợp với sự phát triển từ vật chất, vô thức, chia rẽ đến tinh thần, nhận thức, và hợp nhất; và từ ích kỷ, ngu dốt, ép buộc, bất hoà đến vị tha, hiểu biết, tự do, và hòa đồng. Những kẻ ôm bom tự sát làm lỗi

và không biết thế nào là tốt; lầm lỗi của họ không làm thay đổi sự thật tốt lành hoặc tiến trình của sự tiến hóa.

Theo Thánh Kinh, thiên nhiên cũng có bản chất nhị nguyên, mặc dù phần lớn tính nhị nguyên này hình như đã bị lãng quên bởi những người trích dẫn kinh thánh. Trong Isaiah 45.7 có viết: *“Ta làm ra ánh sáng, cũng tạo ra bóng tối; Ta làm ra hòa bình, và tạo ra điều xấu ác: Ta là Chúa Tể làm ra vạn vật.”* Hơn nữa, trong Amos 3.6: *“Có thể nào điều xấu ác hiện diện trong thành phố, mà không phải Chúa làm ra điều đó?”* Tốt và xấu là một sự thật, nhưng chỉ tương đối theo dòng tiến hóa, không tự hiện tồn một cách tuyệt đối. Khi những hành động không đúng chỗ, liên hệ sai trái với hoàn cảnh, thì chúng là những hành động xấu ác.

TIẾN HÓA VÀ TỐT ĐỐI VỚI XẤU

Để hiểu quan điểm Minh Triết Thiên Nhiên về điều xấu ác, ta cần xem xét lại ý niệm căn bản của sự tiến hóa. Sự tiến hóa không phải một chuỗi những hoàn cảnh ngẫu nhiên, mà là một tiến trình năng động đi lên, trong cốt lõi của nó có mục đích rõ rệt; nó là cơ trời, từ đó vũ trụ biểu lộ tự hoàn chỉnh.

Từ nhiều thiên niên kỷ trước, “những đơn vị tinh thần” thuần túy, vô thức, đã trở thành những chân thân con người, theo con đường thoái hóa “đi xuống”, gạt hái kinh nghiệm cần thiết trong những loài sinh vật thấp, và cuối cùng đến loài người. Kế đến, những chân thân bắt đầu hành trình trở về, một hành trình đem lại sự phát triển liên tục tâm thức và làm tăng sự nhận thức. Như một điều kiện của sự nhận thức, con người có món quà nguy hiểm về sự chọn lựa. Chúng ta có khả năng xét đoán, phân biệt những gì trợ giúp chúng ta trên đường đi lên, thúc đẩy sự tiến bộ.

Điều tốt là những gì hòa điệu với mục đích tiến hóa, bằng cách giúp hành trình hướng thượng, và điều xấu là những gì tác động chống lại hành trình ấy. Như thế, điều xấu là sự lạm dụng những khả năng, trí thông tuệ và năng lực thiên nhiên vốn có trong con người. Trong những bức Thánh Thư gửi cho ông A.P Sinnet (số 88), có đoạn viết: “Điều xấu không khác gì điều tốt, là một nguyên nhân độc lập trong thiên nhiên, cả điều tốt lành lẫn ác độc đều cần thiết. Thiên nhiên chỉ vận hành theo những định luật bất di, bất dịch.... Điều xấu ác thật sự, tiến hành do khả năng hiểu

biết của con người, và có nguồn gốc hoàn toàn từ con người suy luận, họ tự mình tách rời khỏi Thiên Nhiên.” Tác giả bức thư nói thêm: “Xấu là sự phóng đại của tốt, là dòng dõi của ích kỷ và tham lam.”

Bất cứ điều gì đi quá trớn sẽ trở nên đối nghịch lại nó. Thực phẩm cần thiết cho sức khỏe, nhưng ăn quá nhiều sẽ bị bội thực. Tôn giáo cần thiết cho hạnh phúc tinh thần, nhưng nếu bó buộc như giáo điều, nó sẽ trở thành cuồng tín và cố chấp. Trong bài thơ “In Memoriam” Tennyson nói:

Trật tự cũ thay đổi để nhường chỗ cho trật tự mới,
Và Thượng Đế tự hoàn thành công việc theo nhiều cách,
Đừng để phong tục tốt làm mục nát thế giới.

Khi hiểu ý nghĩa thật của sự tiến hóa, tốt và xấu trở nên dễ hiểu hơn. Điều tốt là tất cả những gì tác động hòa điệu với sự phát triển của vũ trụ; điều xấu ác là những gì chống lại sự phát triển đó. Trong giai đoạn đầu của sự tiến hóa nhân loại, thỏa mãn lòng ham muốn vẫn còn là một di sản mạnh mẽ từ giới thú vật, được tăng cường do sự khéo léo của cái trí. Tuy nhiên, tìm sự thỏa mãn không giới hạn của ham muốn thấp hèn, không đem lại sự hài lòng lâu dài. Con người phải tập không thỏa mãn những ham muốn thấp hèn, và phải kiểm soát hay biến đổi chúng thành những hình thức cao hơn, cho đến khi chúng không còn thu hút nữa. Qua toàn thể tiến trình, do cố gắng đối phó với ham muốn ở bất cứ cấp độ nào, con người phát triển sức mạnh và khả năng thúc đẩy để phát triển đến mục đích tinh thần của sự tiến hóa.

SỰ PHÂN BIỆT VÀ PHÁT TRIỂN CÁ NHÂN

Sự xấu ác (ngoài vị trí của nó) có vài nhiệm vụ trong sinh hoạt của vũ trụ. Con người chỉ phát triển lòng can đảm khi đối diện với những điều gây nên sợ hãi. Sức mạnh thể chất được phát triển bằng cách sử dụng bắp thịt cơ thể chống lại vài loại sức kháng cự. Tương tự thế, quan điểm đạo đức được phát triển do sự nhận ra và đối kháng với điều xấu ác. Đau khổ xảy ra khi chúng ta làm một hành động sai trái, và qua đau khổ đó, chúng ta có được sự phân biệt. Chúng ta biết một sự vật nào đó có thể tốt với số lượng nhỏ, sẽ trở thành xấu với số lượng lớn: “Điều xấu là sự quá mức của điều tốt.” Tính phân biệt được xem như bước đầu trên Đường Đạo, cần thiết cho sự tiến bộ của chúng ta. Sự phân biệt cũng là khả năng chọn lựa đúng

đấn, chọn lựa giữa điều gì giúp ta tiến tới và điều gì làm trì hoãn, hoặc có thể làm chúng ta bị thụt lùi.

Sự đau khổ không phải là sự trừng phạt, mà là kết quả không thể tránh của luật hành động và phản động, qua đau khổ này mà chúng ta học được nhiều điều. Đau khổ là tác nhân kích thích hoạt động; nó khơi dậy sức cố gắng trong chúng ta để loại trừ nguyên nhân gây đau khổ. Như thế nó cũng là một tác nhân thanh lọc. Nhà thơ người Anh John Keats viết: “Sao bạn không thấy sự cần thiết của một thế giới đầy khổ đau và rắc rối là trường học cho Trí Thông Tuệ và tạo ra một Linh Hồn?”

Không phải chúng ta nỗ lực để tránh né, mà để hiểu biết tận gốc rễ của sự hiện tồn trong một thế giới đang tiến triển. Trong một mức độ nào đó, tất cả chúng ta đều hẹp hòi, tự hào, hung hăng, khinh bỉ, không khoan dung, và ích kỷ; nhưng đồng thời chúng ta cũng độ lượng, khiêm tốn, hiền lành, khoan dung, và vị tha. Chúng ta nỗ lực để đồng hóa với trung tâm thiêng liêng bên trong chính chúng ta, mà trong kiếp sống này, chúng ta chưa đạt được nó. Vì thế sự xung đột bên trong ta vẫn chưa chấm dứt, nó cần thiết khi chúng ta còn chưa hoàn mãn. Ông Aurobindo viết: “Tạo lập đền thờ Thiêng Liêng từ vật chất, dường như là công việc áp đặt lên tinh thần sinh ra trong vũ trụ vật chất.”

Rabindranath Tagore, một thi sĩ hiện triết Ấn Độ, có lần viết: “Chúng ta biết điều xấu ác giống như sao băng, những mảnh vụn của sự sống lạc loài, cần sự thu hút của vài lý tưởng vĩ đại để đồng hóa với sự sáng tạo tốt lành.” Ban đêm, khi nhìn lên bầu trời, chúng ta thấy vô số ngôi sao và những hành tinh di chuyển theo những kiểu mẫu có trật tự. Nếu so sánh, ta thấy chỉ có một số ít sao băng đi theo con đường lạc lõng riêng của chúng. Cũng có những sao băng bị cuốn hút vào quỹ đạo của hành tinh đang di chuyển theo luật thiên nhiên, và chúng bị tan biến. Chúng ta biết, thực tế chúng ta là những công dân tuân theo luật của vũ trụ, chúng ta có thể xem những sao băng, tức những thói xấu ác trong bản tính chúng ta, như những sự kiện tạm thời. Khi tự tin vào sự tốt đẹp tự nhiên của trật tự thiêng liêng bên trong chúng ta, ta sẽ biết làm thế nào để đối phó với những thói xấu ác ấy.

Minh Triết Thiêng Liêng không chú trọng đến sự “đòi bái” của người phạm tội, nhưng chú trọng đến tiềm năng thánh nhân bên trong mọi người. Tôi đề nghị, thay vì tiêu dùng thời giờ tìm điều xấu tệ trong vũ trụ, trong người khác, hay trong chính ta, hoặc cố giả vờ như không có điều xấu hiện tồn, chúng ta hãy nâng tâm thức lên mức độ mà sự xấu ác không thể diễn đạt được. Trong một thế giới buộc phải luôn nỗ lực, ta có thể sống với lòng tin vững chắc, đem ánh sáng vào những nơi tối tăm, và mang niềm vui vào những cuộc đời buồn thảm. Chỉ có được bình an nếu ta chấp nhận bản chất của thế giới, bản chất của nỗ lực, với một cảm nhận vị

tha của sự từ bỏ, tin rằng tình thương sẽ thắng thù hận, và trật tự sẽ thắng hỗn loạn, không phải riêng cho chúng ta như những cá nhân, mà cho toàn thể nhân loại.

Cho đến lúc trận chiến giữa tốt và xấu được giải quyết xong, mỗi người chúng ta vẫn còn có những trường hợp riêng để chiến thắng, sự vô minh riêng để phá tan, ánh sáng riêng để phát ra. Khi leo lên cái thang Jacob nối liền đất với trời, sự cạnh tranh trở thành sự hợp tác, tính tham lam trở thành tình thương, và điều xấu ác trở thành điều tốt lành. Bà Blavatsky có đưa ra hướng dẫn vẫn tắt để bước lên những nấc thang ấy trong “Những Nấc Thang Vàng”:

Hãy nhìn chân lý trước mặt bạn: một đời sống trong sạch, một cái trí rộng mở, một tâm hồn thanh khiết, một trí tuệ nhiệt thành, một nhận thức tinh thần không bị che lấp, một tình huynh đệ đối với đồng môn, sẵn sàng cho và nhận lời khuyên và sự hướng dẫn, một dạ trung thành trong bốn phận đối với Đạo Sư, một lòng mong mỗi tuân hành theo mệnh lệnh của Chân Lý, một khi ta đã đặt lòng tin vào, và tin rằng vị Đạo Sư thủ đắc chân lý đó; một lòng can đảm chịu đựng sự bất công cá nhân, một dạ dũng cảm phát biểu những nguyên lý, một tâm kiên cường bảo vệ những người bị tấn công một cách oan ức, hằng lưu tâm đến lý tưởng tiến bộ và sự hoàn thiện của nhân loại, mà khoa học bí truyền (Gupta Vidya) mô tả. Đây là những nấc thang vàng mà người học đạo phải bước lên, để đến Đền Minh Triết Thiêng Liêng.

CÂU HỎI ĐỂ NGHIÊN CỨU (chương 9)

1. Cách cư xử của thú vật khác với cách cư xử của con người như thế nào, đối với điều tốt và điều xấu?
2. Hãy cho thí dụ của bạn về những vấn đề được coi như tốt trong giai đoạn tiền hóa đầu tiên, nhưng về sau trở thành xấu?
3. Sự cám dỗ và nghịch cảnh có mục đích gì?
4. Mục đích của đau khổ là gì? Nếu có thể, hãy cho thí dụ từ kinh nghiệm cá nhân bạn.
5. Thái độ của chúng ta đối với (a) điều xấu ác trong hoàn cảnh của chúng ta hay môi trường chung quanh, (b) điều xấu ác trong những người khác, (c) điều xấu ác trong chính chúng ta?
6. Bạn có nghĩ rằng con người vẫn chủ tâm làm điều mà họ biết là sai quấy?

7. Bằng cách nào những nguyên lý của “Những Nấc Thang Vàng” giúp con người đối phó với sự hiện tồn của điều xấu ác hoặc không hoàn hảo ở thế gian, trong người khác, và trong chính chúng ta?

CHƯƠNG 10

CHƯƠNG TRÌNH VÀ MỤC ĐÍCH CỦA SỰ SỐNG

CÓ LẼ CÂU HỎI QUAN TRỌNG NHẤT trong những câu hỏi quan trọng được đề cập ở phần đầu của chương 1 là: “Mục đích của sự sống là gì?” Một mục đích hợp lý cần phải có một chương trình. Nếu chúng ta sắp xếp để đạt mục đích nào đó, chúng ta cần có một chương trình thứ tự trong đầu để tiến đến mục đích, nếu không, chúng ta có rất ít cơ hội thành công. Và chương trình chỉ có thể thực hiện được nếu chúng ta có thể tin chắc vào một tiến trình có thứ tự để thi hành.

Khoa học không đề cập đến những mục đích hay chương trình (trong ý nghĩa của những mục đích mà cuộc sống tiến đến, và những quyết định có ý thức trong bản chất, để đạt được những mục đích này), nhưng nó cho rằng có một tiến trình thứ tự trong vũ trụ. Thật vậy, khoa học sẽ không hiện tồn, trừ phi con người tin chắc có một hệ thống trật tự trong thiên nhiên. Nhưng khoa học chú trọng đến những nguyên nhân tự nhiên và hậu quả của chúng, mà không chú trọng đến mục đích của thiên nhiên và chương trình để đạt được chúng. Trái lại, Minh Triết Thiêng Liêng trong khi tôn trọng sự chú ý của khoa học đối với những nguyên nhân, còn cho rằng trong vũ trụ, không những chỉ có trật tự mà cũng có sự cố tình và ý thức - một mục đích và một chương trình.

Minh Triết Thiêng Liêng cho rằng những hiện tượng quan sát được ở bên ngoài đều phát sinh từ những mục đích bên trong, không thể đo lường hay quan sát trực tiếp được. Khoa học hiện đại đưa ra những giả thuyết khác nhau về nguồn gốc vũ trụ và sự sống (các giả thuyết như thế đã thay đổi nhiều lần qua nhiều thế kỷ), vũ trụ vẫn hiện hữu và bằng cách này hay cách khác sự sống xuất hiện trong nó, những thực tại này cần được giải thích. Về sự hiện hữu của chúng, khoa học quan tâm và cố gắng giải thích “làm thế nào”; trong khi Minh Triết Thiêng Liêng quan tâm đến “tại sao”.

Vào hàng ngàn năm tới, con người có thể nói rộng năng lực quan sát trong những lãnh vực khác, để có thể xác nhận hay phủ nhận những điều mà hiện nay đối với chúng ta chỉ là giả thuyết. Tuy nhiên cho đến ngày nay, bằng trực giác, chúng ta có thể xác nhận lời dạy của các bậc hiền triết quá khứ, những người có thể khám phá những phạm vi tinh tế của sự sống. Khả năng trực giác này cho ta biết một phần trong câu chuyện dài của sự hiện tồn, và những câu trả lời cho điều bí ẩn của nhân sinh nằm bên ngoài thế giới mà chúng ta tiếp xúc được bằng giác quan. Không chịu khuất phục bởi giới hạn của giác quan, trí tuệ và trực giác tìm kiếm câu giải đáp cho những điều bí ẩn vĩ đại của cuộc sống. Hay nói một cách chính xác hơn, trí

tuệ tìm kiếm và trực giác trả lời – vì chúng là hai thành phần khác nhau, dù chúng tùy thuộc lẫn nhau và bổ túc cho nhau.

SỰ NGẪU NHIÊN, ĐỊNH LUẬT, VÀ SỰ CHỌN LỰA

Có ba giả thuyết về bản chất của vũ trụ và nguồn gốc của sự sống được đặc biệt chú ý: Thứ nhất, mọi vật do kết quả của sự ngẫu nhiên, một “tập hợp tình cờ của những nguyên tử”. Như thế, vũ trụ là một tổ hợp hỗn loạn, không có tổ chức, và sự sống con người là một tai nạn. Thứ hai, vũ trụ là sản phẩm của định luật thiên nhiên không thể thay đổi, không có sự chọn lựa và không có tự do ý chí, mọi biến cố xảy ra hoàn toàn do kết quả của luật thiên nhiên (bao gồm những thực thể sống) có thể rất phức tạp và lộn xộn. Thứ ba, vũ trụ là một tổ chức có trật tự rõ ràng, được tạo ra bởi một trí thông tuệ tối thượng, được điều hành theo những định luật rất chính xác, trong đó những thực thể sống có tự do ý chí để chọn lựa, vì chúng là sự diễn đạt của cùng một trí thông tuệ tối thượng, mà chúng ta gọi là thiêng liêng.

Minh Triết Thiêng Liêng coi giả thuyết thứ ba là sự giải thích hợp lý nhất khi quan sát thế giới chung quanh ta, và nó cũng thực tế hữu ích nhất. Cả hai giả thuyết đầu đều không đưa ra một căn bản tốt để sống: một vũ trụ không trật tự, không ý nghĩa, hay một vũ trụ hoàn toàn không mục đích xác định, khó đưa đến sự thành công trong đời sống. Trái lại, giả thuyết về một vũ trụ kết hợp bởi định luật và sự chọn lựa, đưa ra căn bản lành mạnh cho một đời sống thỏa mãn và có hiệu quả. Luật ngụ ý trật tự, và sự chọn lựa ngụ ý mục đích. Từ đó một câu hỏi được nêu lên: “Thế nào là mục đích có trật tự của sự sống?”

Quan điểm của Minh Triết Thiêng Liêng về mục đích của sự hiện tồn là phát triển những khả năng tiềm ẩn thành năng lực chủ động. Kế hoạch để thực hiện sự phát triển này được thấy trong sự tiến hóa (do động từ Latin *evolvere* tức mở rộng ra) mà theo quan điểm Minh Triết Thiêng Liêng, bao gồm sự khai mở tâm thức qua kinh nghiệm trong những hình thể càng ngày càng nhạy cảm hơn.

SỰ TIẾN HÓA THEO MINH TRIẾT THIÊNG LIÊNG VÀ THEO DARWIN

Về sự tiến hóa, quan niệm của Minh Triết Thiêng Liêng vượt xa thuyết Darwin theo hai cách. Thứ nhất, sự tiến hóa Darwin chỉ nói về sự thay đổi của hình thể vật

chất, từ đơn giản đến phức tạp, để các chủng loại thích nghi với môi trường sống của chúng. Đối với sự thay đổi hình thể vật chất, quan điểm Minh Triết Thiêng Liêng thêm vào một hệ quả kép - sự tiến hóa của tâm thức từ hạn chế đến bành trướng, và sự tiến hóa của tinh thần từ từng phần đến hợp nhất có ý thức.

Những hình thức đơn giản của sự sống có tâm thức mơ hồ và theo bản năng, dần dần nó trở nên lanh lợi hơn, đáp ứng nhanh hơn, và chuyên biệt hóa, cho đến khi nó có đầy đủ ý thức tự ngã trong con người. Do sự tự phát triển, tâm thức buộc phải tiến hóa trong những hình thể mới, nhạy cảm hơn cho sự diễn đạt của nó. Khi sự sống có ý thức phát triển, nó cải thiện và thích ứng với những hình thể cần cho sự tiến hóa. Sự tiến hóa không phải chỉ là sự đáp ứng của hình thể với môi trường của chúng, mà là tiến trình từ bên trong ra ngoài. Sự sống ý thức thì liên tục và không bao giờ chấm dứt; còn những hình thể chỉ tạm thời, và được loại bỏ khi mục đích đã đạt được.

Hơn nữa trong loài người, sự sống đã tiến đến trạng thái phân chia và riêng rẽ hoàn toàn. Sự sống ở những loài thấp như: thú vật, thảo mộc và kim thạch, gồm những thực thể nối kết lẫn nhau nhiều hơn ở giai đoạn nhân loại. Tuy nhiên những sinh vật thuộc các loại này, thiếu sự nhận thức hữu ý về những mối liên kết giữa chúng. Trái lại, con người có ý thức tự ngã, cho nên nhận thức sự phân chia giữa họ. Cái giá phải trả cho ý thức tự ngã là sự cô lập. Nhưng sự hữu ích của ý thức tự ngã là nó cho phép chúng ta thoát khỏi tình trạng cô lập để hội nhập vào một thế giới liên kết lẫn nhau. Con người trong tình trạng riêng rẽ, mỗi cá nhân tự hình dung mình phân cách hoàn toàn với mọi cá nhân khác. Theo tiến trình tiến hóa, con người thức tỉnh, từ đó họ khám phá ra tính đồng nhất căn bản hiện tồn bên trong những cá tính riêng rẽ.

Điều thứ hai được mặc nhiên công nhận bởi Minh Triết Thiêng Liêng, là sự tiến hóa không đi theo một đường thẳng, mà nó biểu thị cho phân nửa thứ nhì của một toàn thể chuyển động bổ xung. Phân nửa thứ nhất được gọi là “sự thoái hóa” (involution). Trong giai đoạn thoái hóa, sự sống “đi xuống” từ trạng thái tâm thức tinh anh, không phân chia (chúng ta có thể xem như không ý thức), và đắm chìm vào vật chất, qua những giai đoạn càng lúc càng đậm đặc hơn. Phân nửa thứ hai là chu kỳ tiến hóa, chu kỳ này bắt đầu khi tâm thức dần dần thức tỉnh, để vượt qua những ranh giới và hạn chế của vật chất, bắt đầu con đường dài tiến lên tâm thức tự ngã và bên ngoài nó.

Ta cần hiểu từ ngữ “xuống” và “lên” không chỉ độ cao hay nơi chốn, mà đơn giản để chỉ những giai đoạn trong tiến trình không ngừng nghỉ của sự sống xuyên qua nhiều thiên niên kỷ. Ta có thể hiểu những từ ngữ này biểu thị cho tâm thức chấp nhận những hình thể vật chất càng ngày càng đậm đặc hơn (sự thoái hóa). Kế đến,

tâm thức dần dần thoát khỏi giới hạn của những hình thể vật chất này, ta coi như nó thu hoạch được kinh nghiệm (sự tiến hóa). Những giai đoạn này của sự sống (sự vật chất hóa và giới hạn của tâm thức, theo sau sự tinh thần hóa và bành trướng của tâm thức) được biểu tượng trong Thánh Kinh bằng câu chuyện “đứa con hoang đàng” đòi quyền thừa kế và rời bỏ nhà của cha. Đến một giai đoạn trong cuộc đi lang thang nôï loạn, nó cảm thấy quá chán ghét “sự thấp hèn” của tài sản, và lòng tràn ngập ý muốn trở về với cha.

BA LÀN SÓNG CỦA SỰ TIẾN HÓA

Theo quan điểm Minh Triết Thiêng Liêng, vật chất không phải chỉ là một mớ chất liệu mà chúng ta biết, nhưng là những trạng thái khác nhau và xuyên thâm lẫn nhau. Mặc dù ta thường gọi những mức độ vật chất khác nhau này là “những cõi”, nhưng chúng không sắp xếp thành những tầng lớp. Ta cũng có thể xem chúng như “những phạm vi của lực” hay “những chiều đo của thực tại.” Những trạng thái khác nhau của vật chất này là những năng lượng cùng tồn tại.

Thực Tại Tuyệt Đối là nguồn gốc, từ đó vạn vật - tất cả những cõi và mọi vật trong đó - xuất phát từng thời kỳ, và cuối cùng phải trở về. So sánh với cái Thực Tại ấy, vũ trụ chúng ta giống như một làn sóng xuất hiện và sẽ biến mất trong một đại dương vô tận. Thật vậy, từ cái Thực Tại ấy, vô số vũ trụ xuất hiện, và trong mỗi vũ trụ có vô số thái dương hệ. Mỗi thái dương hệ được thâm nhập, cung cấp sinh lực, và kiểm soát bởi một tâm thức tập thể cao cả, một Trí Tuệ thiêng liêng được gọi là Thượng Đế Biểu Lộ, hay Ngôi Lời của Thượng Đế, xuất lộ từ cái Thực Tại. Như trong Phúc Âm có viết: “Vào lúc khởi đầu là Ngôi Lời, và Ngôi Lời cùng với Thượng Đế, Ngôi Lời là Thượng Đế” (John 1.1). Tâm thức thâm nhập này ở trong mỗi vật, và mỗi vật là thành phần của nó.

Từ bản chất của nó, Trí Tuệ thiêng liêng đã sáng tạo nên thái dương hệ chúng ta, cùng với vô số thái dương hệ khác. Chúng ta, nhân loại trong thái dương hệ này là những mảnh vụn đang tiến hóa của sự sống thuộc Trí Tuệ đó. Chúng ta đến từ nó và sẽ trở về với nó. Trí Tuệ thiêng liêng sống qua chúng ta và mọi sinh vật khác, giống như chúng ta sống qua vô số tế bào của thể xác chúng ta, và qua những tư tưởng cũng như cảm xúc của chúng ta. Vì tiến trình tiến hóa có tính cách đại đồng, nên chính Trí Tuệ thiêng liêng cũng đang tiến hóa. Thật vậy, nó tiến hóa qua chúng ta và mọi sinh vật khác trong vũ trụ.

Theo giả thuyết Minh Triết Thiên Liêng, có ba xung lực kỳ diệu của sự sống cần thiết để tạo lập một thế giới. Ta gọi những xung lực này là Làn Sóng Sinh Hoạt (cũng được gọi là “sự Tuôn Ra”), được trình bày trong sơ đồ số 4. Chúng được tượng trưng bởi Ba Ngôi, có tên khác nhau trong các tôn giáo trên thế giới: Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần; Brahma, Vishnu và Shiva; Osiris, Isis và Horus; v.v... Những làn sóng sinh hoạt còn được gọi là Hơi Thở Vĩ Đại; thoái hóa là sự thở ra của vũ trụ bởi Trí Tuệ thiên liêng, và tiến hóa là sự hít vào. Giống như chúng ta sống bằng sự thở, nguồn thiên liêng của vạn vật tồn tại bằng sự thở ra và vào của vũ trụ.

Theo nguyên lý Minh Triết Thiên Liêng, không có vật chất chết; mỗi phần tử của vật chất đều vốn có sự sống trong nó. Khi thế giới được thành lập, vật chất sống ấy phải được tạo ra đầu tiên; kế đó nó phải được khuôn đúc thành những hình thể, qua đó sự sống càng ngày càng tăng ý thức, và cuối cùng tâm thức ấy phải nhận ra cả hai: nguồn gốc duy nhất của chính nó và sự đồng nhất tinh thần với trí tuệ tối thượng, từ đó vũ trụ phát sinh. Ba giai đoạn của sự thành lập thế giới này là ba Làn Sóng Sinh Hoạt.

LÀN SÓNG CỦA VẬT CHẤT - SỰ SỐNG

Làn sóng thứ nhất của năng lượng sáng tạo tương ứng với Chúa Thánh Thần, hay ngôi thứ ba trong Ba Ngôi của Cơ Đốc Giáo. Nó phát ra từ Thượng Đế và rung động xuyên qua toàn thể vùng được đánh dấu như phạm vi của một thế giới mới, phân chia chất nguyên thủy, hay vật chất gốc, thành những mẫu riêng lẻ, hay nguyên tử gốc. Chất nguyên thủy này không phải loại vật chất ta biết, mà là một tiềm năng hiện tồn khắp vũ trụ, từ đó xung động phát triển đầu tiên của “Chúa Thánh Thần” tạo ra nhiều loại vật chất sống khác nhau, những cõi, những phạm vi, hay kích thước của vật chất thực sự.

Mỗi nguyên tử vật chất ở một trong bảy cõi, đều vốn có sự sống và tâm thức bên trong. Ngược lại, sự sống thiên liêng hay tâm thức chỉ có thể biểu lộ khi nó làm sinh động vật chất. Bất cứ lúc nào có sự biểu lộ, thì sự kết hợp giữa vật chất và tâm thức sống động không thể tách rời nhau. Chúng là hai mặt của một đồng tiền.

Làn Sóng Sinh Hoạt thứ nhất “đi xuống” hay “ra ngoài” xuyên qua bảy giai đoạn, tạo ra vật chất trên bảy cõi để sử dụng cho hai Làn Sóng Sinh Hoạt kế tiếp. Trong suốt giai đoạn “thở ra” hay thoái hóa, vật chất càng lúc càng tiến đến những trạng thái đậm đặc hơn. Ở mức độ hồng trần, những nguyên tử được thành lập từ nhẹ

nhất tới nặng nhất, sẵn sàng để tạo những hình thể. Khi Làn Sóng Sinh Hoạt này tiến đến trạng thái đậm đặc nhất của vật chất trong mọi cõi, nó “uốn cong” hay được “phản hồi” trở lại – “đi lên” hay “vào trong” – và vật chất bắt đầu bớt đậm đặc hơn, thanh nhẹ hơn, trở thành dẫn thể đáp ứng nhiều hơn cho sự sống bên trong.

Như chúng ta biết, tiến trình tạo ra vật chất kéo dài nhiều thiên niên kỷ, không kể xiết, và thật ra vẫn còn tiếp tục, vì sự “sáng tạo” là một tiến trình liên tục, không phải một biến cố chỉ xảy ra một lần. Những nhà Vật Lý Học Thiên Thể cho biết vật chất đậm đặc nhất trong vũ trụ ở trung tâm của những hố đen, trong đó vật chất dồn nén đậm đặc và chứa những mảnh thiên thể do sự tan rã của một ngôi sao to lớn; sự thu hút của trọng lực mạnh đến nỗi ánh sáng không thể thoát khỏi hố đen trong không gian.

Bằng sự so sánh, chúng ta biết vật chất cõi trần bớt đậm đặc hơn và tiến hóa khá cao. Nếu so sánh với vật chất của những cõi thanh nhẹ hơn, vật chất cõi trần vẫn còn đậm đặc, nhưng nó đã phát triển khá cao qua một thời gian dài trong quá khứ. Một số vật chất đã đến cõi chúng ta từ trung tâm của những ngôi sao, ở đó nó đã trải qua những giai đoạn phát triển đầu tiên. Như thế, theo nghĩa đen, chúng ta được tạo ra từ bụi vũ trụ.

LÀN SÓNG CỦA NHỮNG HÌNH THỂ SỰ SỐNG CÓ Ý THỨC

Trong khi Làn Sóng Sinh Hoạt thứ nhất đang ở tiến trình kiến tạo vật chất, Làn Sóng Sinh Hoạt thứ hai - tương ứng với Chúa Con, hay ngôi thứ hai trong Ba Ngôi - cũng trở nên hoạt động. Thượng đế tiếp tục đưa ra một cách liên tục những Làn Sóng Sinh Hoạt thứ hai, để ở mỗi thời điểm có một số lớn những Làn Sóng này di chuyển xuyên qua những cõi của vũ trụ; bằng không, trong mỗi lúc chỉ có một loại sự sống hiện tồn.

Như đối với Làn Sóng Sinh Hoạt thứ nhất, Làn Sóng thứ hai di chuyển xuyên qua toàn thể chu kỳ, từ cực điểm (zenith) tới điểm thấp nhất (nadir), và trở về cực điểm. Khi làm thế trên vòng cung đi xuống, nó mang những đặc tính sẽ giúp cho vật chất đáp ứng được với những kích thích từ trực giác, tư tưởng, ham muốn, cảm giác v.v... Điểm thấp nhất của tiến trình là điểm cuối cùng trong sự thoái hóa của “sự sống linh hồn”, và từ đó sự tiến hóa bắt đầu. Trong suốt tiến trình thoái hóa của phân nửa đầu chu kỳ, Làn sóng Sinh Hoạt cung cấp sự sống cho những nguyên tố

vật chất ở những cõi khác nhau, nhưng không tạo ra hình thể từ những nguyên tố vật chất đó. Do đó nó được gọi là “sự sống tinh chất.”

Tuy nhiên, khi Làn Sóng Sinh Hoạt thứ hai tiến đến điểm thấp nhất ở cõi trần trong chất kim thạch (vì thế người ta thường nghĩ, loài kim thạch không có sự sống) và bắt đầu “đi lên” (về phương diện tâm thức), nó tạo nên hình thể từ vật chất. Trên con đường đi lên, trong những hình thể kim thạch, thảo mộc và thú cầm, “sự sống linh hồn” có thể tiến hóa xuyên qua những sinh vật càng ngày càng phức tạp hơn. Những sinh vật này càng ngày càng có khả năng đáp ứng trọn vẹn hơn với thế giới chung quanh, và phạm vi tâm thức của chúng bành trướng thêm. Rốt cuộc phạm vi tâm thức bành trướng đầy đủ và bén nhạy để làm nhiệm vụ như một dẫn thể cho sự nhận thức tinh thần, sự phát triển như thế là mục đích của sự tiến hóa.

LÀN SÓNG CỦA SỰ HỢP NHẤT TINH THẦN

Làn Sóng Sinh Hoạt thứ nhất phát triển và làm sinh động vật chất; từ vật chất ấy, Làn Sóng Sinh Hoạt thứ hai tạo ra hình thể những loài khác nhau của sự sống – khe suối và núi non, rong biển và cây sồi, sâu bọ và cá voi – chúng có khả năng đáp ứng với môi trường nơi chúng sống. Làn Sóng Sinh Hoạt thứ ba - tương ứng với “Cha” hay ngôi thứ nhất trong Ba Ngôi của Cơ Đốc Giáo - mang những hình thể phát triển cao nhất, được tạo ra bởi Làn Sóng Sinh Hoạt thứ hai, đến tiếp xúc với những tia sáng vĩnh cửu của sự sống thiêng liêng, đó chính là những đơn vị tiến hóa của tâm thức, còn được gọi là “chân thần” cá tính.

Danh từ monad (chân thần) có nguồn gốc từ tiếng Hy Lạp, có nghĩa đơn giản là “tính duy nhất” (unity) hay “một đơn vị” (unit). Trong Minh Triết Thiêng Liêng từ ngữ này được dùng để chỉ cái Ngã tinh thần bất tử, nó trở nên một thực thể tiến hóa riêng biệt, xuyên qua Làn Sóng Sinh Hoạt thứ ba, và qua nhiều kiếp luân hồi, tiềm năng của nó dần dần khai mở đầy đủ. Có thể ví nó như một mảnh vụn của sự sống thiêng liêng, một thực thể cá biệt, phân cách nhau bằng một màng vật chất mỏng manh. Màng vật chất này rất mỏng, cho nên dù nó cho thấy mỗi chân thần riêng rẽ, nó không ngăn trở sự tự do thông thương giữa những đơn vị của sự sống thiêng liêng, và tất cả những chân thần đều được cá tính hóa tương đương nhau.

Chân thần là tâm thức cộng với lớp màng vật chất, nhưng lúc khởi đầu, nó không có ý thức gì cả; ta có thể xem nó như một tiềm năng tinh thần chưa phân biệt. Nó bắt đầu một cuộc hành hương kéo dài nhiều thiên niên kỷ, trên con đường dài này, tiềm năng tinh thần của nó trở nên thực tế và từ đó nó được cá nhân hóa hoàn toàn.

Kinh nghiệm của nó phong phú, và tâm thức bành trướng rộng rãi hơn, điều này đạt được do sự đáp ứng với những giới hạn và va chạm gặp phải ở những thể giới “thấp”.

Chân thần là sự đồng nhất tinh thần tối hậu, hay sự tự nhận thức. Trong trạng thái hiện tồn “cao cả nhất” hay “thâm sâu nhất”, nó thật sự là một đơn vị duy nhất. Nhưng khi nó đi xuống trong Làn Sóng Sinh Hoạt thứ ba, nó hiện thân trong những hình thể tiến hóa do Làn Sóng Sinh Hoạt thứ nhì tạo ra. Trên vòng cung thoái hóa, càng đi xuống thấp nó càng có vẻ tách rời hơn, và tự đồng hóa với những hình thể tạm bợ trong đó nó hiện thân. Sự tách rời chỉ là cái vẻ bề ngoài, vì trên thực tế, chân thần là một, không thể bị tan vỡ hay phân chia. Nhưng nó phải nhượng bộ đối với ảo ảnh của thể giới, và tự đồng hóa với những hình thể giới hạn của sự sống.

Chân thần nguyên thủy, tức “tiềm năng tinh thần không phân biệt” được liên kết gần gũi nhiều hay ít với những hình thể tiến hóa của Làn Sóng Sinh Hoạt thứ nhì. Loài kim thạch có một chân thần hiện thân đơn độc. Trong loài thảo mộc, nó được “phân chia” thành những đơn vị vận hành riêng rẽ, mỗi đơn vị hiện thân trong rất nhiều hình thể, và ta thấy dường như có nhiều chân thần, trong khi ở loài kim thạch chỉ có một. Trong loài cầm thú, chân thần trở nên càng “phân chia” nhiều hơn trong sự tự nhận thức của nó, như thế, mỗi tiêu điểm của sự nhận thức ấy (hay nói khác đi là một chân thần) được hạn chế ngự trong một số ít thú vật. Cuối cùng trong loài người, chân thần tiến đến điểm thấp nhất của nó trong tiến trình “cá nhân hóa”, kết quả là sự tự nhận thức của chân thần được nối kết với một cá nhân luân hồi đơn nhất.

Như thế, con người là những thực thể phân chia và biệt lập nhất trong vũ trụ, họ là những hình thể của sự sống nhận thức nhiều nhất về sự riêng rẽ của họ. Con người cũng là điểm chuyển hướng trong tiến trình của Làn Sóng Sinh Hoạt thứ ba, vì từ lúc trở thành con người, chúng ta cũng bắt đầu tiến trình tiến hóa, trở về nhận thức sự duy nhất, bằng sự kết hợp với mọi người đồng hành. Tuy nhiên, kết quả của sự kết hợp sẽ khác với lúc khởi đầu của toàn thể tiến trình, vì nó sẽ là sự kết hợp tâm thức, trong đó những trung tâm, hay chân thần khác nhau sẽ đồng thời nhận thức sự hiện hữu cá nhân của chúng và sự duy nhất thật sự bên trong. Chúng ta tiến từ sự duy nhất vô thức, xuyên qua vô số tâm thức, trở về tâm thức duy nhất.

Đôi khi người ta nghĩ, chân thần tinh thần trong con người, chờ đợi trên cõi cao của chính nó, trong khi những hình thể tiến hóa xuyên qua những loài thấp kém của sự sống như kim thạch, thảo mộc và cầm thú. Trong sự sống của những hình thể này, hình như chân thần được áp ủ qua thời gian rất dài, truyền vào sự sống ấy với ý muốn mở rộng và bành trướng bởi những hình thể càng ngày càng nhạy cảm

hơn, và thực ra nó uốn nắn những hình thể này theo nhu cầu của nó. Sự việc này là “ý chí muốn sống” nhận thấy xuyên qua toàn thể thiên nhiên.

Chúng ta cũng có thể ví chân thân như một tia sáng vĩ đại, càng ngày càng phân chia thành những tia sáng nhỏ, khi đi xuyên qua bức vách có nhiều lỗ, mỗi lỗ tạo ra một tia sáng ở bên kia bức vách, tia sáng này nhỏ hơn tia sáng nguyên thủy. Tất cả những tia sáng phân biệt đều phát xuất từ cùng một nguồn và cùng một bản chất. Chỉ có một ánh sáng, nhưng bức vách đã làm cho ánh sáng xuất hiện như nhiều tia sáng riêng rẽ.

Khi hình thể được tạo ra do Làn Sóng Sinh Hoạt thứ nhì, tiến hóa đủ để trở nên những dẫn thể cho sự tự nhận thức của con người, chân thân chiếu xuống và sở hữu hình thể trí tuệ thích hợp. Trên đường đi xuống, chân thân gặp chất liệu trí tuệ đang khai mở; trên đường tiến hóa đi lên, chân thân kết hợp với nó, nuôi dưỡng nó, và ở vào điểm của sự kết hợp, tạo nên cái được gọi là “nhân thể” (causal body). Nhân thể này là dẫn thể thực sự của tâm thức cá thể con người (như được đề cập trong chương 4).

Tâm thức cá thể con người trong nhân thể, đôi khi được gọi là “Linh Hồn” (Ego) trong những tác phẩm Minh Triết Thiêng Liêng. Nhưng vì danh từ linh hồn được dùng theo những ý nghĩa hoàn toàn khác trong tâm lý học hiện đại và trong ngôn ngữ thông thường, nên chúng ta gọi nó là “chân ngã” hay “cái ngã luân hồi”. Chân ngã này là sự nói rộng của chân thân, giống như phạm ngã là sự nói rộng của chân ngã. Từ phạm vi tâm thức “cao nhất” đến phạm vi tâm thức “thấp nhất” có một mạch nối không gián đoạn.

CÁ NHÂN HÓA VÀ HỒN KHÓM

Đôi khi người ta hỏi: có phải nguồn gốc con người từ loài vật không? Như được nói ở trên, ta phải hiểu rõ không có một câu trả lời đơn giản “có” hay “không” đối với câu hỏi ấy. Trong khi những hình thể của sự sống tiến hóa từ loài “thấp” lên “cao”, tâm thức con người là sự phát triển của tâm thức thiêng liêng, và có thể coi như nó “giáng hạ” vào những hình thể được chuẩn bị cho nó. Những hình thể của chúng ta tiến hóa xuyên qua những loài kim thạch, thảo mộc và cầm thú. Tâm thức cá thể chúng ta thuộc vào sự nói rộng của tâm thức chân thân, và trở thành hiện thực với sự tạo thành nhân thể.

Ta có thể xem Làn Sóng Sinh Hoạt thứ ba như một vòi rồng. Đó là hiện tượng được thấy như một khối nước lớn, một cột nước xoáy với mây và gió, hình cái

phễu, nổi liền với đám mây lớn phía trên và thòng xuống đám sương do nước phun ra, xoay vần với cơn gió lốc, bốc lên từ mặt nước biển hay hồ. Những tia nước phun lên khỏi mặt nước giống như nhân thể tách rời khỏi những hình thể trí tuệ đang tiến hóa; đám mây lớn trên cao giống như một chân thần trong vùng riêng của nó; hình phễu xoay vần được tạo ra do nước từ bên dưới và gió, mây từ bên trên, giống như chân ngã, hay chân thần hiện thân trong nhân thể.

Giống như vòi rồng, chân ngã được tạo ra bởi sự sống thấp kém từ dưới đi lên và sự sống thiêng liêng từ trên đi xuống để đáp ứng lại. Tiến trình của sự cá nhân hóa, từ đó một thực thể luân hồi riêng lẻ hiện tồn, đánh dấu một giai đoạn chuyển tiếp từ tâm thức tập thể tương đối đơn giản của loài vật, đến tâm thức tròn đầy và sự tạo thành linh hồn con người hay chân ngã. Mặc dù cái linh hồn người được cá tính hóa ấy không bao giờ thoái hóa tới loài vật, nhưng người ta vẫn tự do kêu gào rằng nguồn gốc tối hậu của nó từ loài vật.

Trong loài vật, cái gọi là “hồn khóm” được cho là sự biểu lộ ở một giai đoạn nào đó qua vài cơ thể của một loại cầm thú. Khi con vật chết, kinh nghiệm được mang trở lại vào hồn khóm, và được chia sẻ cho tất cả những con vật mới sinh ra từ hồn khóm đó.

Tiến trình này được so sánh bằng hình ảnh một chậu nước không màu sắc. Nước được phân chia ra một số bình nhỏ, ta nhỏ những giọt màu khác nhau vào các bình ấy. Kế đó tất cả nước được đổ trở lại cái chậu. Những màu khác nhau từ các bình nhỏ được hòa lẫn trong chậu. Khi nước trong chậu lại được phân phát vào những chiếc bình nhỏ, vài phần của tất cả những màu sắc sẽ hiện diện trong mỗi chiếc bình. Nếu ta cứ lặp đi lặp lại tiến trình này, thêm vào những màu sắc tương tự với một ít thay đổi, kết quả sẽ cho thấy sự tăng cường những màu sắc này trong toàn thể chất lỏng.

Cùng một cách thức, những kinh nghiệm tiếp tục lặp lại được lưu giữ trong hồn khóm, tạo ra bản năng di truyền của những con vật trong nhóm. Như thế một con vẹt vừa mới nở ra có bản năng nhận biết nước là nơi ở thiên nhiên của chúng. Hoặc một con chim được ấp và nở ra bằng phương pháp nhân tạo, vẫn biết cách làm tổ, tuy nó chưa bao giờ thấy một cái tổ. Về phương diện cơ thể, thú vật phân cách riêng biệt nhau, nhưng ở những cõi bên trong, chúng nối kết nhau, thật ra là y hệt, với những con vật khác thuộc nhóm của chúng. Nhà sinh vật học Rupert Sheldrake đưa ra nhận xét về “những phạm vi hình thái di truyền học”, theo đó những thành viên của một chủng loại, chia sẻ những gì mà các thành viên trong nhóm học hỏi được. Đó là một cách khác nói về hồn khóm.

Trong những hình thức thấp hơn của sự sống cầm thú (như loài sâu bọ), một hồn khóm hiện thân cùng lúc trong rất nhiều cơ thể con sâu. Trong những hình thể tiến

hóa hơn (như loài ong), hồn khóm hiện thân trong một số ít con ong hơn (có lẽ chỉ một tổ ong). Trong những hình thể cao hơn nữa (như loài voi), một hồn khóm chỉ hiện thân cùng lúc trong vài con voi. Hồn khóm cảm thú tiến triển chậm chạp, nhưng cuối cùng cũng đến giai đoạn cá nhân hóa.

SỰ TIẾN HÓA CỦA LOÀI NGƯỜI

Sự tiến hóa đi từ những loài thấp kém tiến đến mục đích của nó là con người, tiến trình này xảy ra một cách tự động, và tâm thức không ngã tính, cho nên rất chậm chạp. Tuy nhiên, một khi đạt đến giai đoạn nhân loại, sự phát triển cá nhân do con người tự điều khiển. Trong giai đoạn đầu của con người, sự tiến hóa cũng chậm chạp, vì tâm thức tự ngã vừa mới được tạo ra còn yê ốt, và chân thần chưa học được cách điều khiển những dẫn thể của nó. Nhưng dần dần tiến trình này tăng nhanh hơn, khi tâm thức cá nhân phát triển và bành trướng qua nhiều kiếp luân hồi xen kẽ với những giai đoạn nghỉ ngơi để đồng hóa những bài đã học.

Như thế, khi vào loài người là một bước tiến dài trong bốn phận trên hành trình tiến hóa. Chân ngã dần dần leo lên, một cách chậm chạp và đầy gian khổ, từng bước một, học bài học này đến bài học khác trong trường đời. Trí tuệ phát sinh do sự kích thích của lòng ham muốn, và được tăng cường do ký ức về sự vui thích khi đạt được nguyện vọng. Dần dần, ta học được rằng con người sống trong một thế giới được quản trị bởi những định luật thiên nhiên, sẽ có được kinh nghiệm vui thú khi tuân hành những định luật này, và đau khổ khi xem thường chúng. Trên đường tiến hóa, những bậc Đạo Sư vĩ đại đã tiến rất xa hơn chúng ta, cũng như chúng ta đã tiến xa hơn loài cảm thú. Những vị tiến hóa cao cả thường trở lại từng thời kỳ để trợ giúp chúng ta tiến hóa, giúp chúng ta phân biệt giữa đúng và sai, giữa điều khôn ngoan đưa chúng ta đi theo dòng tiến hóa và điều khờ dại vì nó không đưa chúng ta đi theo dòng tiến hóa, mà có thể còn đi ngược lại. Họ trợ giúp chúng ta, một phần bằng cách trình bày cho chúng ta những nguyên lý căn bản của Truyền Thống Minh Triết, mà chúng ta gọi là Minh Triết Thiêng Liêng.

Phương pháp để con người tiến hóa là cơ hội gộp nhặt kinh nghiệm trong những nền văn hóa khác nhau, và từ những khác biệt về di truyền của chủng loại chúng ta. Những nhóm khác biệt này, một phần do di truyền và một phần do văn hóa, được gọi theo từ ngữ Minh Triết Thiêng Liêng là “giống dân chánh” và “giống dân phụ”. Chúng là phương tiện để phát triển vài đặc tính mà ta cần trong việc nhận thức đầy đủ tiềm năng của ta, vì mỗi nền văn hóa và mỗi nhóm di truyền cung cấp dồi dào kinh nghiệm, chính là những bài học cho ta. Những “giống dân chánh” và “giống

dân phụ” này không phải những “chủng tộc” như danh từ được dùng thông thường ngoài đời, mà là những giai đoạn tiến hóa lớn trong lịch sử qua nhiều thiên niên kỷ. Từ ngữ “chủng tộc” thường dùng để chỉ sự khác biệt nhỏ về hình dạng và văn hóa, còn “giống dân chánh” và “giống dân phụ” để chỉ sự khác biệt lớn trong lịch sử sinh vật và xã hội của loài người.

Tuy nhiên, ngay với những khác biệt nhỏ về di truyền và văn hóa của chủng tộc, cũng hữu ích cho sự học hỏi của chúng ta. Chúng ta sinh ra trong nhiều “chủng tộc” khác nhau để học những bài học đặc biệt do sự khác biệt về cơ thể và môi trường. Mỗi quốc gia và mỗi nền văn hóa có một bản sắc riêng để truyền cho những người đầu thai vào đó, và đóng góp vào nền văn minh của toàn thể nhân loại. Chẳng hạn, Hy Lạp đem lại cho thế giới thông điệp về sự mỹ lệ và sự hợp lý, La mã đưa ra thông điệp về luật pháp và tổ chức, Trung Hoa đưa ra sự điều hòa, Ấn Độ đưa ra sự duy nhất trong dị đồng, v.v...

Chân ngã luân hồi trong những nền văn hóa khác nhau, giống như một sinh viên trong trường học, theo học những môn khác nhau. Đôi khi chân ngã đầu thai trong thể xác người nữ để học những bài học của phái nữ; đôi khi nó đầu thai trong thể xác của người nam để học những bài học của phái nam. Kinh nghiệm trong nhiều thể xác của cả hai giống, và trong nhiều nền văn hóa, rất cần thiết trước khi tiến đến mục đích toàn thể. Để hiểu biết sự sống, chúng ta phải kinh nghiệm nó trong tất cả các khía cạnh của nó.

BẢY CUNG

Một trong những cách thức để sự sống biểu lộ được gọi là Bảy Cung. Bảy Cung này là bảy năng lượng nguyên thủy của vũ trụ, hiện diện từ lúc khởi đầu của một vũ trụ biểu lộ, và tiếp tục cung cấp năng lượng cho vạn vật trong vũ trụ, bao gồm cả con người. Từ ngữ “Cung” ám chỉ sự giống nhau giữa bảy năng lượng nguyên thủy với bảy độ dài sóng của ánh sáng. Hợp lại nhau, bảy độ dài sóng này làm thành ánh sáng “trắng” hoặc không màu sắc, phát ra từ mặt trời. Cũng thế, bảy năng lượng nguyên thủy hợp lại thành một năng lượng gốc làm vũ trụ trở nên hiện thực. Cũng như tất cả bảy độ dài sóng vốn có trong mỗi tia sáng, tất cả bảy năng lượng nguyên thủy vốn có ở bất cứ năng lượng nào trong vật chất và tâm thức.

Sáu trong số bảy Cung tạo thành ba cặp đôi chiều nhau, và Cung thứ bảy làm trung gian. Chúng tương ứng với bảy nguyên lý của con người và vũ trụ. Chúng ta chỉ có thể mô tả chúng một cách sơ lược như sau:

Cung 1: Năng lượng của tác động tự phát, không bị gò bó, tự do, định hướng từ bên trong. Tương đương với sự nhận thức của Chân Ngã, Phạm ngữ gọi là Atma.

Cung 7: Năng lượng của tác động có quy định, với kỷ luật và tập quán, theo một khuôn mẫu. Tương đương với thể phách, tức mô hình hay khuôn mẫu cho thể xác và phạm ngã.

Cung 2: Năng lượng liên hệ giữa vật này và vật khác trên cùng một mức độ, như những gút mắt trong một mạng lưới, nhận thức sự duy nhất bên trong và sự bình đẳng của vạn vật. Tương đương với bồ đề tâm, sự sáng suốt hay nhận thức đúng thật mọi sự vật.

Cung 6: Năng lượng liên hệ vật này và vật kia như những đơn vị trong một hệ thống có cấp bậc, trong đó mỗi thành viên có bốn phận tuân theo và hướng dẫn những thành viên khác do sự liên hệ của bốn phận và trách nhiệm. Tương đương với thể tình cảm chúng ta, lòng mong muốn kính ngưỡng và quan tâm.

Cung 3: Năng lượng khám phá ra cách thức sử dụng kiến thức để cải thiện thế giới và tự cải thiện, và khám phá mục đích của sự sống. Tương đương với nhân thể trong chúng ta, tức “cái trí cao”.

Cung 5: Năng lượng khám phá thế giới chung quanh ta, thông hiểu sự vận hành của mọi vật, từ đó học để kiểm soát hoàn cảnh chung quanh. Tương đương với “hạ trí”, tức trí ham muốn hay trí cảm dục (kama – manas).

Cung 4: Năng lượng cân bằng và làm điều hòa những cặp đối nghịch, tổng hợp một luận đề với phản đề của nó, kiến tạo một trật tự (vũ trụ) tốt đẹp từ sự xung đột, mất trật tự (hỗn loạn). Tương đương với sinh lực trong con người, đó là sự sống như năng lực trung gian bên trong ta.

Mỗi người và mỗi vật đều có tất cả bảy năng lượng này, ít ra là trong hình thức tiềm năng. Nhưng trong mỗi cá thể, mỗi người, hay mỗi vật đặc biệt, có những năng lượng vượt trội hơn những năng lượng khác. Tuy nhiên khi đến cuối con đường tiến hóa, ta sẽ phát triển đầy đủ cả bảy loại năng lượng, và chúng hợp nhất lẫn nhau.

Câu hỏi “Mục đích của sự sống là gì?” được giải đáp như sau: Mục đích của sự sống là sự phát triển của vô số tâm thức tinh thần và sự phát triển hoàn toàn của những cá thể; mà vào lúc khởi đầu của vũ trụ, không có những linh hồn ý thức nhận ra chân ngã của chính họ và sự duy nhất căn bản của vạn vật. Ta có thể diễn tả câu trả lời cách khác như sau: “Thượng Đế say ngủ trong kim thạch, mơ màng trong thảo mộc, thức tỉnh trong cầm thú, trở thành tâm thức tự ngã trong con người, và tâm thức đại đồng trong Đấng Christ hay Chân Ngã Cao Cả của mọi sinh

vật.” Mục đích của đời sống là khám phá ra ta thật sự là ai, để tự biết chính ta là sự diễn đạt tổng hợp của cái duy nhất.

CÂU HỎI ĐỂ NGHIÊN CỨU (chương 10)

1. Theo bạn, sự ngẫu nhiên, hay luật thiên nhiên cai quản vũ trụ? Có bằng chứng nào chống đỡ quan niệm này hay quan niệm kia?
2. Theo Minh Triết Thiêng Liêng, mục đích của cuộc đời là gì? Bạn có cách nhìn nào khác về mục đích này không?
3. Về vấn đề tiến hóa, giáo lý Minh Triết Thiêng Liêng đưa ra hai khía cạnh quan trọng nào, khác với điều mà khoa học vật chất trình bày?
4. Giải thích ý nghĩa những từ ngữ trong Minh Triết Thiêng Liêng: (a) thoái hóa và (b) tiến hóa.
5. Sự sống và hình thể phát triển song hành theo ý nghĩa nào? Bằng chứng nào cho thấy cái trí hay tâm thức phát triển, cũng như vật chất và hình thể?
6. Ba Lần Sóng Sinh Hoạt (còn được gọi là Sự Tuôn Ra hay Hơi Thở) là gì? Mỗi làn sóng góp phần vào sự tiến hóa như thế nào?
7. Có phải con người phát triển từ thú vật không? Giải thích.
8. Quan điểm của Minh Triết Thiêng Liêng về (a) cá tính hóa và (b) hồn khóm?
9. Giải thích về bản năng di truyền - điều gì chúng ta biết không qua học hỏi?
10. Bạn có thể thấy một chương trình cho sự tiến hóa của nhân loại không? Nếu có, nó giống cái gì?
11. Giá trị thực tế của những ý tưởng này trong cuộc sống hàng ngày như thế nào?

CHƯƠNG 11

SỰ TRỖI DẬY VÀ SỰ SỤP ĐỔ CỦA NHỮNG NỀN VĂN MINH

Theo quan điểm Minh Triết Thiêng Liêng, SỰ TIẾN HÓA CỦA NHÂN LOẠI không chỉ là kết quả của những nguyên nhân, mà còn là những hoạt động để hoàn thành một mục đích của vũ trụ. “Mục Đích” của sự tiến hóa ám chỉ sự phát triển của một chương trình trong một biểu đồ thời gian, rộng lớn hơn biểu đồ của các nhà thiên văn học. Biểu đồ thời gian này đã xảy ra hàng tỷ năm, và sẽ còn hàng tỷ năm nữa trước khi chương trình hoàn tất.

Sự trỗi dậy và sự sụp đổ của những nền văn minh là một phần của chương trình vĩ đại này, được ghi lại khá rõ bởi các sử gia và các nhà nhân chủng học. Những nền văn hóa đến rồi đi, mỗi nền văn hóa cung cấp một môi trường đặc biệt cho sự phát triển những cá nhân luân hồi, và góp món quà riêng của nó vào sự phát triển toàn thể của nhân loại.

Một số học giả đã viết về đề tài “nhân cách” hay đặc tính tập thể của những xã hội khác nhau xuyên qua dòng lịch sử. Sử gia ở thế kỷ thứ 18, Edward Gibbon có viết về *Sự Suy Tàn và Sụp Đổ của Đế Quốc La Mã* (1776-88), tìm hiểu sự chấm dứt của một nước lớn và có nhiều ảnh hưởng ấy. Một sử gia Hoa Kỳ đương thời. David Hackett Fischer viết lịch sử về sự định cư của người Anh ở Hoa Kỳ, và những kết quả của nền văn hoá tiếp theo, trong quyển *Hạt Giống Của Anh Quốc: Bốn Truyền Thống Anh Quốc ở Hoa Kỳ* (1989). Những tác giả kể trên chỉ chú trọng vào một xã hội, nhưng sử gia người Anh Arnold J. Toynbee viết một bộ sách gồm 12 quyển, gọi là *Một nghiên Cứu về Lịch Sử* (1934-9). Trong tác phẩm này, ông theo dõi sự phát triển của những nền văn hóa khắp thế giới, và cố gắng tìm hiểu nguyên nhân làm cho những nền văn hóa lớn mạnh. Ông cho thấy “nguyên nhân” là một tổng hợp của sự thử thách về môi trường và sự đáp ứng thành công trong môi trường đó. Nghiên cứu của Toynbee bị giới hạn trong những nền văn hóa vào những thời kỳ có lịch sử, nhưng thật ra sự phát triển như thế đã xảy ra từ lâu, trước khi có lịch sử, vào lúc con người bắt đầu sống trong xã hội loài người.

BẢY GIAI ĐOẠN TIẾN HÓA

Theo Minh Triết Thiêng Liêng, kế hoạch tiến hóa trong thiên nhiên có bảy giai đoạn. Trong suốt dòng tiến hóa của con người trên địa cầu này, có bảy thời kỳ tiến

hóa chính, trong đó có bảy loại người hay “giống dân chánh”, xuất hiện như những dẫn thể cho tiến trình. Không nên lầm lẫn từ ngữ “giống dân” trong bài này, với khái niệm của dân chúng hiện tại về màu da và những đặc tính cơ thể khác nhau. Khái niệm của Minh Triết Thiêng Liêng về “giống dân chánh” xác định chính tâm thức là nhân tố, chứ không phải hình thể hay màu da, và một số lớn dân chúng thuộc những nhóm chủng tộc khác nhau làm thành một giống dân chánh, phát triển trên hành tinh này. Tất cả bảy giống dân đều góp phần đặc biệt trong việc hoàn thành mục đích tối hậu của sự tiến hóa nhân loại.

Trong kế hoạch tiến hóa bảy cấp độ, mỗi giống dân chánh có bảy cách biến đổi, hay chi nhánh, được biết với tên “giống dân phụ”. Mỗi giống dân phụ có những đặc tính căn bản của giống dân chánh mà nó thuộc về, nhưng nó cũng có vài khuynh hướng, hay phẩm chất riêng biệt của chính nó. Những giống dân phụ còn phân chia thêm thành những chi nhánh nhỏ hơn, gọi là “giống dân phụ chi”.

Một thí dụ tương tự thông thường, mỗi giống dân chánh đại diện cho một trường học, trong đó một nhóm những bài học quan trọng cần phải học, những giống dân phụ đại diện cho các “cấp” trong trường học, và “giống dân phụ chi” là những lớp học trong các cấp. Theo học ở những trường này, buộc phải học qua mọi lớp học và mọi cấp. Mỗi trường học tập trung vào sự phát triển một phương diện đặc biệt của tâm thức, phải đạt được ở bảy cấp khác nhau và từ nhiều cách thức tiếp cận khác nhau.

Khi ta vượt qua một cấp này lên một cấp khác, và từ một trường sơ đẳng lên trường cuối cùng, ta phải tóm tắt lại một số điều đã học, cũng giống thế đối với tiến trình vũ trụ. Mỗi trường học, hay giống dân, phải tóm tắt mọi điều đã học trước và bắt đầu chú tâm vào phương diện mới; và dấu hiệu báo trước một cách mơ hồ về giai đoạn kế tiếp bắt đầu xuất hiện. Chúng ta không thể nói trường này cao hơn hay thấp hơn trường kia, tất cả các trường đều cần thiết để chúng ta hoàn tất nền giáo dục của sự tiến hóa, và vượt qua những trắc nghiệm cuối cùng. Trẻ em vào học lớp đầu tiên, có tất cả tiềm năng của một người sẽ ra trường. Người ra trường chỉ là người đã hoàn thành tiềm năng ấy.

Có một “lục địa” liên kết với mỗi giống dân chánh, có thể danh từ lục địa không có nghĩa hoàn toàn giống như ta hiểu, mà nó là một kiểu mẫu của những khu vực đất đai rộng lớn trên trái đất, hoặc chỉ là một vùng đặc biệt liên kết với một giống dân chánh.

Một cách tổng quát, những giống dân chánh nối tiếp nhau theo thứ tự thời gian, nhưng có những thời gian dài trùng hợp nhau. Một giống dân chánh đặc biệt hiện tồn cho đến khi nào không còn những cá nhân cần học hỏi những bài học mà nó cung cấp. Khi tất cả mọi người đã học được những bài học của một giống dân,

giống dân ấy sẽ tuyệt chủng, vì nó không còn cần thiết nữa, tất cả mọi người sẽ chuyển qua một giai đoạn kế tiếp. Và như thế, phía sau sự trỗi dậy và sự suy sụp của những nền văn hóa, phía sau sự xuất hiện của những nhân vật nổi tiếng, phía sau sự thay đổi hình thể của những lục địa, là một kế hoạch có thể được nhận thấy rõ, nó dần dần xuất lộ trật tự bên trong và hoàn thành mục đích của nó xuyên qua tiến trình rộng lớn của nền giáo dục vũ trụ.

Thí dụ, ta có thể thấy kế hoạch này do các đặc tính rõ ràng trong những truyền thống khác nhau của văn hóa nhân loại, chúng phản ánh Bảy Cung. Xem như chỉ có một truyền thống cho Mỗi Cung, ta có những truyền thống đặc biệt sau đây: Nền văn hóa cổ Vedas của Ấn Độ nhấn mạnh sự tự do hành động của Cung Thứ Nhất. Phật Giáo dạy về minh triết từ ái của sự kết hợp thuộc Cung Thứ Nhì. Khổng Giáo trình bày kiểu mẫu về sự tương giao giữa con người của Cung Thứ Ba. Văn hóa Hy Lạp cổ đại Cung Thứ Tư trong nghệ thuật, văn chương, quản trị, giáo dục và lối sống. Cách mạng khoa học từ thế kỷ thứ 17, nhắm vào sự khám phá những định luật thiên nhiên, thuộc Cung Thứ Năm. Những tôn giáo thuộc Abraham (tổ phụ của giống dân Do Thái và Ả Rập) và đặc biệt là Hồi Giáo (tên của nó có nghĩa là “sự phục tùng”) đề cao sự tôn sùng, trung thành, và vâng lời, thuộc Cung Thứ Sáu. Hội Tam Điểm hiện đại dùng sự khéo léo của Người Xây Dựng, trong nghi lễ diễn đạt trật tự bên trong và bên ngoài, thuộc Cung Thứ Bảy. Mỗi truyền thống văn hóa này cần được làm quân bình bằng sự sáng suốt của những truyền thống khác, nếu chúng ta muốn sống trong một thế giới hòa bình.

Mọi phương diện tâm thức phát triển qua kinh nghiệm trong mỗi giống dân và truyền thống văn hóa, hiện tồn từ lúc ban đầu trong hình thức hạt giống, như một cây sồi phát triển đầy đủ một cách ngấm ngấm trong quả sồi. Cũng giống thế, sự tiến hóa của con người đang xảy ra trong nhân loại, hiện tồn từ lúc bắt đầu trong tia sáng chân thân phát ra từ Ngọn Lửa thiêng liêng. Xuyên qua tiến trình dài nhiều thiên niên kỷ của sự tiến hóa, tia sáng của chúng ta dần dần trở nên một mặt trời sáng rực, kết hợp tất cả Bảy Cung với những đặc tính riêng biệt của chúng vào trong một ánh sáng trắng của Chân Lý.

GIỐNG DÂN CHÁNH THỨ NHẤT VÀ THỨ NHÌ

Truyền thống Minh Triết Thiêng Liêng cho rằng năm chu kỳ lớn của sự phát triển nhân loại, hay giống dân chánh, đã xuất hiện từ lâu, theo thời gian sẽ có hai giống dân chánh nữa xuất hiện. Hai chu kỳ đầu tiên không để lại những ghi nhận lịch sử và địa dư, vì hai giống dân không có thể xác đậm đặc như chúng ta có hiện nay.

Thê xác của họ được tổng hợp bằng những loại vật chất thanh nhẹ hơn loại vật chất chúng ta biết. Vì thế, sự tồn tại của họ không được chứng minh bằng tài liệu khoa học, nhưng được nhắc đến trong những tác phẩm bí truyền và những câu chuyện thần thoại. Mỗi người phải tự quyết định chấp nhận bao nhiêu phần những diễn tả này theo nghĩa đen, và bao nhiêu phần là ẩn dụ và biểu tượng. Những ý niệm căn bản quan trọng hơn những chi tiết.

Giống dân chánh thứ nhất được cho rằng đã phát triển trong thời đại địa chất Eocene, khoảng 55 triệu năm trước. Tâm thức của giống dân dĩ thái này tập trung ở cảm giác, hay nhận thức ở mức độ căn bản nguyên thủy nhất. Thời đại Eocene là một giai đoạn có nhiều sự thay đổi khí hậu, núi lửa bùng nổ, lũ lụt, thủy triều, nóng, lạnh thất thường, gây ra vô số ảnh hưởng cần thiết cho sự tiến hóa của cảm giác. Giống dân chánh thứ nhất không có thê xác đậm đặc, không phân biệt phái tính và sinh sản bằng cách “mọc chồi”, tương tự như sự phân bào.

Theo truyền thống bí truyền, giống dân chánh thứ nhì, xuất hiện trong thời đại Oligocene, khoảng 34 triệu năm trước. Trong giai đoạn này, thực vật phát triển sum sê, theo sau những thay đổi mạnh bạo của địa cầu trong thời đại Eocene. Về phương diện tâm thức, giống dân này tập trung vào sự hoạt động, bắt đầu tổ chức các thê của nó thành dẫn thê cho sự diễn đạt chủ động, từ đó ảnh hưởng đến môi trường sinh sống. Giống dân này được coi như lưỡng tính, kết hợp những đặc tính cả nam lẫn nữ, và sinh sản bằng tiến trình được gọi là “đỏ mồ hôi”.

GIỐNG DÂN CHÁNH THỨ BA VÀ THỨ TƯ

Giống dân chánh thứ ba bắt đầu từ thê dĩ thái, nhưng trở nên thê xác đậm đặc hoàn toàn theo dòng tiến hóa. Giống dân này có tên “Lemurian” lấy tên lục địa theo giả thuyết có tên Lemuria. Vào thế kỷ thứ 19, lục địa này được coi như đã hiện diện ở giữa Madagascar và Indonesia, do khảo sát thấy có sự phân phối một số thực vật và động vật, như những con khỉ Lemur.

Khi giống dân chánh thứ ba phát triển được một phần con đường, khoảng 18 triệu năm trước, thê xác con người trở nên đậm đặc hoàn toàn, và có sự phân chia phái tính. Mục đích tiến hóa của giống dân thứ ba này là sự phát triển của tình cảm. Nó sống một đời sống xung động, với thê trí còn phôi thai, chưa phát triển. Cái trí được khởi động và có cấu trúc, nhưng vẫn tương đối không hoạt động.

Chỉ đến giống dân chánh thứ tư, mới có sự phát triển thật sự của cái trí phân tích và do đó có ngôn ngữ. Sách vở TTH gọi giống dân này là Atlantean, theo truyền

thuyết về lục địa Atlantis (Đại Tây Dương Châu). Giống dân này trở nên ưu thế vào cuối thời đại Pliocene và đầu thời đại Pleistocene từ 3 đến 1 triệu năm trước. Giống dân Atlantean phát triển tốt độ nền văn minh vật chất, và sử dụng huyền thuật. Thật không may, những người xấu ác có địa vị cao, phát triển rất mạnh đến độ nguy hiểm, làm ngăn chặn mọi sự phát triển của kế hoạch vũ trụ.

Kế đó xảy ra một loạt tai biến lớn. Đại lục Đại Tây Dương Châu phải liên tiếp chịu nhiều cơn chấn động mạnh và sụp đổ, tạo ra những lớp sóng thần khổng lồ quét sạch những vùng đất thấp của trái đất, gây lụt lội tàn phá một vùng rộng lớn. Nhiều triệu người bị chết, và nhiều triệu người chạy thoát tìm nơi cư trú ở các bờ biển khác.

GIỐNG DÂN CHÁNH THỨ NĂM VÀ NHỮNG GIỐNG DÂN TƯƠNG LAI

Giống dân chánh thứ năm bắt đầu với những người tị nạn do tai họa Đại Tây Dương Châu, di cư sang miền Trung Á khoảng 75,000 năm trước Chúa Giáng Sinh, và hiện nay, nền văn minh của họ ngự trị toàn cầu. Trong những sách cũ, sử dụng từ ngữ của thế kỷ thứ 19, giai đoạn này được gọi là “Aryan”, nhưng ngày nay được thay thế bằng từ ngữ “Âu-Ân” (Indo-European). “Aryan” là tiếng Phạn có nghĩa “người quý phái”, được những người định cư Ấn Độ đầu tiên dùng cho chính họ. Vào những năm 1930 các đảng viên đảng Quốc Xã dùng từ này, làm sai lệch ý nghĩa văn chương của nó, mà hiện nay phần lớn bị bãi bỏ. Giống dân chánh thứ năm hiện nay vẫn còn thấm nhuần nhiều tâm thức của giống dân Đại Tây Dương Châu. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật đã làm nghiêng ngã quá lâu, chưa giờ lên được bức màn vũ trụ phủ lên giai đoạn đầu của giống dân này. Sự kiêu hãnh của trí thông minh, vô cảm đối với những giá trị đạo đức và nhân bản, là những đặc điểm rõ rệt mang vào tâm thức thế giới hiện tại.

Một số chi tiết từ giống dân chánh thứ ba đến giống dân chánh thứ năm, không phù hợp với sự tiến hóa mà các nhà sinh vật học và nhân chủng học nói về nguồn gốc con người từ miền đông Phi Châu, sau đó lan tràn ra. Đặc biệt thời gian đề ra trong giáo lý nội môn lâu hơn thời gian của khoa học, và địa điểm xuất phát của nguồn gốc nhân loại cũng khác. Có lẽ mỗi quan điểm chú trọng đến những sự vật khác nhau. Cũng có thể quan điểm nội môn xét vấn đề theo biểu tượng học hơn là theo lịch sử, còn quan điểm của khoa học có thể thay đổi theo sự khám phá những bằng chứng mới, hoặc giải thích trở lại những bằng chứng cũ. Những gì mà khoa học cho ta biết là “Đây là bằng chứng mà chúng tôi đã tìm ra, và đây là điều mà chúng tôi tin rằng giải thích tốt nhất về bằng chứng ấy.” Những gì mà truyền thống nội

môn cho biết là “Đây là những gì chúng tôi biết được từ truyền thuyết, kinh sách, và huyền thoại, đây là sự giải thích về những sự việc ấy, và những người có nhãn thông đã quan sát được về chúng.” Như đã được đề cập đến trong chương 1, những giả định và phương pháp khác nhau sẽ cho ra những kết quả khác nhau, và đều có thể hợp lý, mặc dù theo những cách thức khác nhau.

Khi nhìn di sản với đôi mắt của người nội môn, ta thấy ta đang đứng ở một vị trí rất quan trọng trên đường tiến hóa nhân loại. Giống dân chánh thứ năm là giống dân vượt trội trên thế giới, nó bao gồm hầu hết cư dân trên hành tinh này, bất cứ “chủng tộc” nào mà ta có thể gọi chúng. Nhiệm vụ của giống dân chánh thứ năm là phát triển xã hội xuyên qua sự tổng hợp phẩm chất trí tuệ, thường được gọi là “thượng trí”. Trong giống dân phụ thứ năm hiện tại của giống dân chánh thứ năm, chúng ta đang mài dũa phẩm chất cái trí, đó là sự báo trước của khả năng kế tiếp, tức trực giác, nó sẽ bắt đầu soi sáng trí tuệ cho giống dân phụ thứ sáu của giống dân chánh hiện tại, và về sau sẽ phát triển hoàn toàn ở giống dân chánh thứ sáu.

Giống dân chánh thứ sáu sẽ tóm tắt lại tất cả những đặc tính đã có trước, và sẽ sử dụng được hoàn toàn khả năng trực giác (buddhi). Nó cũng sẽ báo trước phẩm chất ý chí tinh thần, mà sự phát triển phẩm chất này sẽ là mục tiêu tiến hóa của giống dân chánh thứ bảy. Sự tiến hóa không tăng vọt từ giống dân này sang giống dân khác; tiến trình xảy ra dần dần với sự trùng hợp lên nhau. Đối với chúng ta, hình như nó rất kiên nhẫn và chậm chạp không thể tưởng tượng, nhưng chắc chắn kế hoạch sẽ được thực hiện. Mục đích của nó là một thế giới hòa hợp trong tình huynh đệ và khởi động bởi sự sáng suốt tinh thần.

CÂU HỎI ĐỂ NGHIÊN CỨU (chương 11)

1. Những giống dân chánh được kể sơ lược trong Minh Triết Thiêng Liêng, giúp cho công cuộc tiến hóa theo cách thức nào?
2. Tại sao không có những di tích địa chất của những giống dân chánh thứ nhất và thứ nhì?
3. Diễn tả những đặc tính của giống dân chánh thứ ba, Lemurian.
4. Diễn tả những đặc tính và đặc biệt là con đường tiến hóa của dân Atlanteans.
5. Tại sao điều quan trọng cần nhớ rằng, tất cả nhân loại hiện tại đều đã trải qua cuộc hành trình xuyên qua các giống dân?

6. Tại sao, điều quan trọng là Minh Triết Thiêng Liêng không đưa ra một cách khái quát những đặc tính của con người, dựa trên màu da hiện tại của một cá nhân?
7. Thảo luận về sự tiến hóa của con người dựa theo những ý niệm trong chương này.
8. Trọng tâm sự phát triển của giống dân chánh thứ năm là gì? Bạn có thể cho những thí dụ khác hơn những gì được nói đến trong chương này?

CHƯƠNG 12

MINH TRIẾT CỔ TRUYỀN TRONG ĐỜI SỐNG HÀNG NGÀY

Minh Triết Thiêng Liêng vừa là nguyên lý vừa có tính cách thực tiễn. Không những nó chỉ là một tập hợp những ý tưởng cổ, hay những khái niệm trừu tượng, mà nó còn hướng dẫn cho cuộc sống hàng ngày, và là một khuôn mẫu cho đời sống có thành quả và hữu ích. Minh Triết Thiêng Liêng không đưa ra những đòi hỏi hay hướng dẫn phải theo, nhưng là một hệ thống những nguyên lý để mỗi người Thông Thiên Học tự áp dụng tùy theo trực giác, lương tâm và nguyện vọng riêng. Đức Phật trước khi nhập diệt căn dặn đệ tử của Ngài: “Hãy tự tìm sự cứu rỗi bằng nỗ lực của chính con.” Đó cũng là thái độ của người Thông Thiên Học. Giáo lý có mục đích hướng dẫn, nhưng áp dụng những giáo lý đó là bổn phận của chúng ta.

SỰ TỰ DO TIN TƯỞNG

Ba mục đích của Hội không đề cập đến Minh Triết Thiêng Liêng phải như thế nào. Nhưng MTTL là lý do cho sự tồn tại của Hội. Tuy nhiên MTTL không chỉ là những ý tưởng, như những gì được trình bày trong bài học này. Quan trọng hơn, nó cũng là một thái độ đối với thế giới và vị trí của chúng ta trong đó, do đó nó là một lối sống. Trong quyển “Chìa Khóa Thông Thiên Học” bà Blavatsky nói: “Người Thông Thiên Học là người thực hành Minh Triết Thiêng Liêng.” Minh Triết Thiêng Liêng không phải những điều để tin tưởng, mà là những điều để thực hành, để áp dụng vào đời sống.

Những người theo Hội (theo truyền thống gọi là những hội viên) thuộc vào bất cứ tôn giáo nào trên thế giới, hay không thuộc vào bất cứ tôn giáo nào. Minh Triết Thiêng Liêng tự nó không phải là một tôn giáo, dù nó có tín ngưỡng. Đó là, nó lưu tâm đến những nghi vấn về ý nghĩa và giá trị tối hậu. MTTL dạy rằng tất cả những tôn giáo lớn của nhân loại đại diện cho những chân lý căn bản, trong hình thức thích hợp cho dân chúng, nơi chốn và thời gian đặc biệt. Nhưng không có sự trình bày ý tưởng duy nhất nào có thể diễn đạt Chân Lý toàn vẹn.

Minh Triết Thiêng Liêng cũng cho biết tất cả tôn giáo lớn, ngoài những giáo lý dành cho quần chúng hay công truyền, còn có một phần bên trong hay bí truyền: trong Cơ Đốc Giáo có những nhóm theo thuyết Trục Quan (Gnostic) và những nhóm thần bí gia khác; trong Do Thái Giáo có Kabbalah; trong Hồi giáo có

Sufism; trong Ấn Giáo có Brahma Vidya hay “Minh Triết Thần Minh” (Divine Wisdom); trong Phật Giáo có nhiều trường phái bí truyền khác nhau; trong ngoại giáo Cổ có những nhóm Thần Bí; v.v.... Trong mỗi thời đại và trong mỗi nền văn hóa, có một số người hiểu biết Truyền Thống Minh Triết, đã gìn giữ nó, lưu truyền nó, và như thế nó đã đến với chúng ta.

Hội Thông Thiên Học không có giáo điều. Không một hội viên nào cần bày tỏ sự tin tưởng vào bất cứ ý tưởng nào về MTTL. Chúng có sẵn, Hội Viên có thể chấp nhận hay không, và hiểu chúng như thế nào là vấn đề riêng của mỗi người. Dĩ nhiên, sự tự do tin tưởng ấy không có nghĩa MTTL mơ hồ, hay có bất cứ nghĩa nào mà người ta nói đến. Có sự đồng thuận và một truyền thống rõ ràng bắt đầu từ những ngày của các vị sáng lập Hội, bà H.P. Blavatsky và ông H. S. Olcott, cho đến hiện tại. Nó được diễn đạt trong nhiều công việc như một cách thức bao quát đối với thế giới và vị trí con người trong đó. Hội TTH không có một hệ thống tín ngưỡng, nhưng có một quan điểm MTTL rộng rãi.

Hội TTH nói gì về sự ngừa thai, phá thai, án tử hình, chiến tranh, đồng tính luyến ái, làm chết không đau đớn, hay những vấn đề “nóng” khác? Hội TTH có ngụ ý giải đáp những câu hỏi thuộc đạo đức và xã hội hiện nay, nhưng nó không tuyên bố một thẩm quyền về bất cứ vấn đề nào. Hội TTH cung cấp một bối cảnh để xét đoán những vấn đề ấy, nhưng không đưa ra một cách giải quyết cố định. Với tư cách cá nhân, những hội viên đi đến kết luận của riêng họ đối với những vấn đề ấy, và nói ra cho người khác biết, nhưng những hội viên khác không bắt buộc phải chấp nhận những kết luận do bất cứ ai trình bày. Tuy nhiên, là Người TTH, chúng ta bị trói buộc bởi nguyên tắc tình huynh đệ, tôn trọng quyền của những người khác có ý kiến bất đồng với chúng ta.

Lấy một thí dụ liên hệ đến câu hỏi về chiến tranh và sự giết lẫn nhau trên chiến trường: một số Người TTH theo chủ trương hòa bình; một số khác đã là những quân nhân thuộc mọi cấp bậc trong quân đội. Cả hai quan điểm đều được chấp nhận với sự cân nhắc cẩn thận, từ những ngụ ý của MTTL về vấn đề chiến tranh và sự phục vụ trong quân đội. Có thể có những kết luận khác nhau, rút ra từ cùng những nguyên lý. Chúng ta phải tôn trọng phẩm chất toàn vẹn của người khác nếu họ đi đến kết luận khác với ý nghĩ của chúng ta, ngay đối với những vấn đề gây cảm xúc cao. Điều này áp dụng đồng đều cho mọi vấn đề được nêu ra ở đoạn trên.

MINH TRIẾT THIÊN LIÊNG SỐNG ĐỘNG

Hội TTH không ra chỉ thị, nó không đòi hỏi bất cứ hoạt động hay lối sống đặc biệt nào cho hội viên. Nó kêu gọi hội viên tôn trọng nguyên tắc tình huynh đệ đối với tất cả mọi người, bắt đầu từ những hội viên khác của Hội. Nguyên tắc tình huynh đệ liên quan đến việc tôn trọng những dị biệt về quan điểm, và sự cố gắng giúp đỡ người khác theo những cách thức thích hợp.

Tất cả hội viên được khuyến khích thường xuyên dành một số thời giờ học hỏi, mở rộng trí tuệ để đón nhận những chân lý mới; dành một ít thời giờ tham thiền để đồng hóa những chân lý đã học hỏi được, và để nhận ra bản chất bên trong của những chân lý đó; và một ít thời giờ trong việc phụng sự để áp dụng những gì đã học và nhận thức được, cho lợi ích tha nhân. Học hỏi, tham thiền, và phụng sự là ba phương diện để “thực hiện MTTL” mà bà Blavatsky đã đề cập đến.

Hội viên có làm theo các qui tắc ấy hay không, và họ sắp xếp thế nào là quyết định của cá nhân. Họ có thể học hỏi bằng cách đọc sách, nghe hoặc xem những chương trình có định kỳ được thu lại, tham dự các buổi học hỏi thảo luận nhóm, hay những khóa học. Về tham thiền, hội viên có thể đề ra mười hay mười lăm phút đầu tiên mỗi buổi sáng lúc yên tĩnh, với cái trí tập trung khảo sát tỉ mỉ hoàn toàn một ý tưởng hay hình ảnh; hoặc sự xét lại những hoạt động trong ngày, mỗi buổi tối trước khi ngủ; hoặc sự nhận thức liên tục suốt ngày, từng hành động của chính mình. Về phụng sự, hội viên có thể giúp đỡ những người vô gia cư, người chết, người tàn tật, người gặp hoàn cảnh khó khăn; hội viên có thể làm việc cho Hội hay cho nhóm, hoặc cho thế giới bằng cách gửi những tư tưởng bình an, điều hòa đến mọi sinh vật. Hội TTH đưa ra những hoạt động ấy như một con đường dẫn đến đời sống khôn ngoan hơn, hoàn hảo hơn, điều hòa hơn, hạnh phúc hơn, và hữu ích hơn. Nhưng mỗi hội viên tự quyết định đi trên đường ấy hay không.

Những phương diện khác của lối sống cũng là vấn đề quyết định cá nhân. Nhiều Người TTH ăn chay trường và không dùng vật dụng làm từ lông hay da thú bị giết để lấy da. Động cơ thúc đẩy họ ăn chay không chỉ là vấn đề sức khỏe cá nhân (dù người dùng thực phẩm thực vật thường khỏe mạnh hơn), mà còn là lòng trắc ẩn và chủ tâm hướng đến một đời sống không gây tổn hại. Một số Người TTH ăn thực phẩm chay có cả trứng và sữa, sản phẩm từ thú vật, nhưng không ăn thịt hay những chất làm ra từ những thể xác thú vật. Những người khác chỉ ăn toàn thực phẩm thực vật, tránh mọi sản phẩm làm từ thú vật (nhưng phải cẩn thận, ăn thực phẩm quân bình và chứa đựng những nguyên tố thiết yếu cho cơ thể).

Người TTH không hút thuốc, và phần đông không uống rượu. Truyền thống TTH mạnh mẽ chống dùng thuốc (drugs: thuốc làm say), trừ trường hợp để trị bệnh, do bác sĩ đề nghị hay biên toa. Thuốc và rượu làm méo mó sự nhận thức thực tại của cái trí, chúng ta không làm tăng sự nhận thức bằng cách làm méo mó nó. Nhưng

quyết định sống như thế nào, tùy thuộc mỗi cá nhân. Chỉ bằng cách thực hành sự phân biệt trong việc chọn lựa lối sống, mà chúng ta có thể là con người hoàn toàn. Chúng ta phát triển, không phải do sự noi theo một cách mù quáng những chỉ bảo của người khác, mà bằng cách tự xem xét sự vật và cẩn thận nắm lấy một trong những chọn lựa trước mặt chúng ta.

Có một sự kiện là không một sự sống nào có thể sinh tồn mà không gây tổn hại đến những sinh vật khác. Nhưng cũng có một sự kiện là chúng ta cũng có thể trở nên ý thức về những hành động của chúng ta, có ảnh hưởng như thế nào cho cả chúng ta và người khác. Chúng ta có thể chọn lựa kỹ lưỡng lối sống, đồng thời nhận ra sự thiêng liêng trong tất cả mọi sự sống, và tôn trọng những đặc quyền của tất cả những người khác, bao gồm quyền của họ khác với chúng ta. Trong một bài thuyết giảng tại Grace Church ở New York năm 1934, một vị giáo sĩ có nói: “Nhân danh Chúa, tôi yêu cầu bạn tưởng tượng rằng bạn có thể bị làm lỗi.” Quan điểm trên cũng được diễn tả bằng những từ ngữ tượng hình hơn bởi một người Anh, Thanh Giáo ở thế kỷ thứ mười bảy: “Từ nơi thâm sâu của Chúa, tôi van nài bạn hãy xem như bạn có thể bị làm lỗi!”

Nhận ra sự sai lầm của chính mình là một việc hữu ích. Sự nhận thức đó không giải thoát chúng ta khỏi sự cần thiết phải xem xét cẩn thận cuộc sống chúng ta, để đi đến một quyết định chu đáo về những hành động của chúng ta. Ta có thể có những kết luận sai lầm, nhưng sự cố gắng để đạt được chúng là đúng. Cứ tiếp tục cố gắng, chung cuộc sẽ đưa ta đến những kết luận đúng theo những hoàn cảnh mà ta gặp.

Cuối cùng, những chi tiết đặc biệt trong lối sống kém quan trọng hơn chiều hướng tổng quát của nó. Đời sống TTH thật sự là đời sống tận tụy học hỏi bằng sự nghiên cứu, tự khám phá bằng tham thiền, phụng sự người khác, thúc đẩy sự hòa hợp trong nhân loại, và tôn trọng mọi hình thức của sự sống trong bất cứ hình thể nào mà sự sống hiện thân. Tinh túy của đời sống MTTL được diễn tả trong đoạn văn sau đây, nó được tìm thấy trong những văn kiện của bà H. P. Blavatsky, sau khi bà viên tịch.

Có một con đường, dốc đứng và chông gai, đầy đầy đủ loại nguy hiểm, nhưng đó là con đường dẫn đến chính trung tâm của vũ trụ. Tôi có thể cho bạn biết làm thế nào để tìm người chỉ cho bạn cửa ngõ bí mật, nó chỉ mở vào bên trong và đóng lại nhanh chóng, mãi mãi phía sau người tân đệ tử. Không nguy hiểm nào mà lòng can đảm kiên cường không thể chinh phục. Không thử thách nào mà tâm trong sạch không tì vết không thể vượt qua. Không khó khăn nào mà trí tuệ minh mẫn không thể khắc phục. Đối với những người chiến thắng và tiến lên, có được phần thưởng mà trong quá khứ đã có nhiều trường hợp chứng tỏ, đó là quyền năng ban

phúc và cứu rỗi nhân loại. Đối với những người thất bại, sự thành công có thể đến trong những kiếp sống khác.

CÂU HỎI ĐỂ NGHIÊN CỨU (chương 12)

1. Tại sao tự do tin tưởng là một đặc điểm và là nguyên lý chính, quan trọng của Minh Triết Thiên Linh?
2. Ba mục đích của Hội TTH có ngụ ý gì đối với lối sống theo Minh Triết Thiên Linh?
3. Châm ngôn Hy Lạp cho biết “Một đời sống không kiểm soát, thì không đáng sống.” Tại sao sự tự kiểm soát là một hoạt động quan trọng?
4. Ghi nhớ câu nói của bà Blavatsky “Có một con đường.” Đối với bạn có ý nghĩa gì?

--- HẾT ---

